

PHÁT TRIỂN TỪ ĐỀ MINH HỌA**ĐỀ 1****ĐỀ ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT 2025****MÔN: NGỮ VĂN****Thời gian: 90 phút****I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)****Đọc văn bản sau:**

...Khi tàu đông anh lỡ chuyến đi dài
 Chỉ một người ở lại với anh thôi
 Lúc anh vắng người ấy thường thức đợi
 Khi anh khổ chỉ riêng người ấy tới
 Anh yên lòng bên lửa ấm yêu thương
 Người ấy chỉ vui khi anh hết lo buồn
 Anh lạc bước, em đưa anh trở lại
 Khi mệt mỏi thấy tháng ngày cần cỗi
 Em là sớm mai là tuổi trẻ của anh
 Khi những điều giả dối vây quanh
 Bàn tay ấy chở che và gìn giữ
 Biết ơn em, em từ miền cát gió
 Về với anh, bông cúc nhỏ hoa vàng [...]

(Trích “Và anh tồn tại”, Lưu Quang Vũ, tập “Mây trắng của đời tôi”, Nxb Văn học 1989).

*** Ghi chú :**

Lưu Quang Vũ (1948 - 1988) là một nghệ sĩ tài năng trên nhiều lĩnh vực: Thơ, văn, kịch, họa... và được đánh giá là nhà viết kịch xuất sắc nhất của nền kịch Việt Nam hiện đại. Ở lĩnh vực thơ, ông có những đóng góp giá trị. Thơ Lưu Quang Vũ không chỉ giàu cảm xúc mà còn đậm tính triết lý, đầy suy tư, trăn trở về con người, về thời đại. Với các tập thơ: “Hương cây - Bếp lửa” (in chung với Bằng Việt), “Mây trắng của đời tôi”, “Bầy ong trong đêm sâu”, “Di cảo” ... Lưu Quang Vũ đã định hình một phong cách thơ độc đáo của một người cầm bút tài hoa và trách nhiệm với cuộc đời, với Đất nước.

Thực hiện các yêu cầu:**Câu 1 (0.5 điểm).** Xác định nhân vật trữ tình trong bài thơ trên.**Câu 2 (0.5 điểm).** Nhân vật “em” trong đoạn trích là gì của “anh” khi những “điều giả dối vây quanh” ?**Câu 3 (1.0 điểm).** Anh/chị hiểu gì về hình ảnh "bông cúc nhỏ hoa vàng" trong đoạn trích trên ?**Câu 4 (1.0 điểm).** Chỉ ra và nêu hiệu quả nghệ thuật của một biện pháp tu từ trong bốn câu thơ sau:

Khi mệt mỏi thấy tháng ngày cần cỗi
 Em là sớm mai là tuổi trẻ của anh
 Khi những điều giả dối vây quanh
 Bàn tay ấy chở che và gìn giữ

Câu 5 (1.0 điểm). Thông điệp của tác giả trong đoạn trích trên ?**II. LÀM VĂN (6,0 điểm):**

Câu 1 (2,0 điểm).

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) làm rõ một số nét đặc sắc nghệ thuật được sử dụng trong đoạn thơ “Và anh tồn tại” của tác giả Lưu Quang Vũ.

Câu 2 (4,0 điểm).

Viết bài văn (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ về tình yêu của tuổi trẻ trong xã hội hiện nay.

-----HẾT-----

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4.0
	1	- Nhân vật trữ tình trong bài thơ : <i>Anh</i> . - Học sinh trả lời chính xác như đáp án: 0,5 điểm - Học sinh không trả lời: không cho điểm.	0,5
	2	Nhân vật “em” trong đoạn trích là: <i>sớm mai là tuổi trẻ của anh</i>	0,5
	3	- Hình ảnh “bông cúc nhỏ hoa vàng” : + Là hình ảnh thiên nhiên đẹp. + Bông hoa cúc vàng nhỏ bé, yếu đuối, mong manh cần chở che. + Bông cúc vàng khiêm nhường giữa miền gió cát nhưng vẫn lặng lẽ dâng đời màu hoa đẹp nhất. + Đây là hình ảnh ẩn dụ chỉ vẻ đẹp của người phụ nữ. Bông cúc nhỏ khiêm nhường, thủy chung, nghĩa tình. + Lòng biết ơn trân trọng của nhà thơ với người phụ nữ yêu thương của mình. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời đúng: 1.0 điểm. - Học sinh không trả lời đúng: không cho điểm.	1.0
	4	- Một biện pháp tu từ: điệp cấu trúc “khi...” - Tác dụng: + Bộc lộ cảm xúc yêu thương, trân trọng, biết ơn của tác giả đối với người phụ nữ mà mình yêu thương. Em như bao trùm lên toàn bộ kí ức, kỷ niệm, bất kì lúc nào, bất kì nơi đâu, trong mọi hoàn cảnh, em luôn ở đây, luôn bên cạnh anh. Em là lẽ sống và giá trị tồn tại của đời anh. + Giúp câu thơ giàu hình ảnh, tăng sức biểu cảm, sinh động, hấp dẫn. HS cũng có thể chọn biện pháp tu từ liệt kê: <i>là sớm mai, là tuổi trẻ</i> Hướng dẫn chấm: - Học sinh gọi tên được biện pháp tu từ + chỉ ra từ ngữ thể hiện biện pháp tu từ; nêu được tác dụng như gợi ý đáp án: 1.0 điểm. - Học sinh gọi tên được biện pháp tu từ đúng + không chỉ ra từ ngữ thể hiện biện pháp tu từ; nêu được tác dụng như gợi ý đáp án: 0.75 điểm. - Học sinh không trả lời đúng: không cho điểm.	1.0
	5	Thông điệp: Hãy yêu thương và trân trọng người con gái, người phụ nữ đã lặng thầm hi sinh vì mình. Lòng biết ơn sâu nặng, sự trân trọng, yêu thương.	1.0

		Hướng dẫn chấm: - HS xác định được mong ước của nhà thơ (0.25 điểm); nhận xét được như gợi ý đáp án (0.75 điểm). - Học sinh không trả lời: không cho điểm.	
II		PHẦN II. VIẾT	6,0
	1	Câu 1 (2,0 điểm) Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) làm rõ một số nét đặc sắc nghệ thuật được sử dụng trong đoạn thơ “Và anh tồn tại” của tác giả Lưu Quang Vũ.	2,0
		* Yêu cầu về kỹ năng: - Đảm bảo cấu trúc; dung lượng đoạn văn nghị luận khoảng 200 chữ. - Trình bày rõ ràng, mạch lạc, không mắc lỗi diễn đạt, lỗi chính tả và ngữ pháp.	0,5
		* Yêu cầu về kiến thức: - Xác định đúng vấn đề nghị luận: nét đặc sắc nghệ thuật được sử dụng trong bài thơ “Và anh tồn tại” của tác giả Lưu Quang Vũ. - Có thể triển khai theo nhiều cách nhưng cần kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; có thể theo định hướng sau: - Thể thơ tự do, nhịp điệu linh hoạt, đa dạng. - Hình ảnh thơ: tươi sáng, đẹp đẽ: <i>sớm mai, miền cát trắng, bông cúc nhỏ hoa vàng...</i> gợi lên một tình yêu lung linh, nhiều màu sắc. Hình ảnh mang ý nghĩa ẩn dụ để ca ngợi vẻ đẹp, sự thủy chung của người phụ nữ và cũng bày tỏ sự biết ơn của <i>anh</i> đối với tình yêu của em cho anh. - Ngôn ngữ bình dị mà giàu sức gợi - Các biện pháp tu từ được vận dụng linh hoạt: so sánh, ẩn dụ, liệt kê, điệp từ, điệp cấu trúc... Hướng dẫn chấm: - Xác định được các yếu tố nghệ thuật đặc sắc. Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; dẫn chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng (1.5 điểm). - Xác định được các yếu tố nghệ thuật đặc sắc. Lập luận chưa thật chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng nhưng dẫn chứng không tiêu biểu (1.0 điểm). - Có xác định được yếu tố nghệ thuật nhưng chưa đặc sắc, chưa đầy đủ. Lập luận không chặt chẽ, thiếu thuyết phục: lí lẽ không xác đáng, không liên quan mật thiết đến vấn đề nghị luận, không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không phù hợp (0,75 điểm). - Không xác định được yếu tố nghệ thuật, chỉ viết cảm nhận chung chung về nội dung và nghệ thuật. Lập luận không chặt chẽ, thiếu thuyết phục, lí lẽ không xác đáng, không liên quan mật thiết đến vấn đề nghị luận (0,5 điểm).	1.5
	2	Câu 2 (4,0 điểm) Viết bài văn (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ về tình yêu của tuổi trẻ trong xã hội hiện nay.	4,0
		a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức bài văn: Mở bài nêu được vấn đề, Thân	0.25

	bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.	
	<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận:</i> Từ ý tưởng được gợi ra qua những câu thơ, suy nghĩ về tình yêu của tuổi trẻ trong xã hội hiện nay	0.25
	<p><i>c. Triển khai vấn đề nghị luận:</i> Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau:</p> <p>* Giải thích (1.0 điểm)</p> <p>- Tình yêu của tuổi trẻ trong cuộc sống hiện nay: đó không chỉ là tình yêu đôi lứa nam nữ mà còn là tình yêu gia đình, quê hương, đất nước và phấn đấu xây dựng một cuộc sống tốt đẹp hơn, tận hưởng những vẻ đẹp mà cuộc sống mang lại.</p> <p>* Bàn luận (2 điểm)</p> <p>- Biểu hiện của tình yêu của tuổi trẻ trong cuộc sống hiện nay</p> <p>+ Người trẻ sống có tình yêu là những người biết yêu thương gia đình, bạn bè, những người xung quanh và đồng cảm, giúp đỡ những người có hoàn cảnh khó khăn. Họ cũng là những người có ý thức vươn lên để gây dựng và hướng đến một cuộc sống tốt đẹp hơn.</p> <p>+ Tình yêu, hiểu rộng hơn chính là tình yêu dành cho quê hương, đất nước, sẵn sàng đứng lên chống lại những kẻ thù hoặc những người làm tổn hại đến đất nước, cuộc sống và con người.</p> <p>+ Tình yêu là động lực để người trẻ vươn lên trong học tập và trau dồi để hoàn thiện bản thân, giúp chúng ta có suy nghĩ và hành động đúng đắn</p> <p>- <i>Học sinh cần lấy dẫn chứng từ thực tế để làm rõ vấn đề bàn luận.</i></p> <p>- Phê phán: một bộ phận giới trẻ còn suy nghĩ lệch lạc trong tình yêu...</p> <p>* Liên hệ, rút ra bài học cho bản thân (1 điểm)</p> <p>Bên cạnh đó vẫn còn có nhiều người trẻ sống lãnh đạm, vô cảm, thiếu đi tình yêu thương không có sự kết nối với những người xung quanh, chỉ ích kỉ và nghĩ đến bản thân mình. Lại có những người hiểu tình yêu theo hướng sai lệch và có những hành động không đúng với chuẩn mực đạo đức,... Cần thể hiện tình yêu có sự nhận thức đúng đắn, phù hợp với lứa tuổi và chuẩn mực.</p> <p>- Hướng dẫn chấm:</p> <p>- <i>Xác định đúng vấn đề nghị luận. Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; dẫn chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng (3.0 điểm).</i></p> <p>- <i>Xác định đúng vấn đề nghị luận. Lập luận chưa thật chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng nhưng dẫn chứng không tiêu biểu (2,5 điểm).</i></p> <p>- <i>Lập luận không chặt chẽ, thiếu thuyết phục: lí lẽ không xác đáng, không liên quan mật thiết đến vấn đề nghị luận, không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không phù hợp (1,5 điểm).</i></p> <p><i>Lưu ý: Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</i></p>	3.0
	<i>d. Chính tả, ngữ pháp.</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0.25
	<i>e. Sáng tạo.</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn	0.25

	đạt mới mẻ, độc đáo.	
TỔNG ĐIỂM		10

PHÁT TRIỂN TỪ ĐỀ MINH HỌA**ĐỀ 2****ĐỀ ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT 2025****MÔN: NGỮ VĂN****Thời gian: 90 phút****PHẦN I. ĐỌC - HIỂU (4,0 điểm)****Đọc văn bản sau:****VIỆT NAM – “KHO BÁU” DỰ TRỮ SINH QUYỀN THẾ GIỚI**

Với 11 khu dự trữ sinh quyển thế giới, Việt Nam trở thành quốc gia có số lượng khu dự trữ sinh quyển thế giới đứng thứ hai Đông Nam Á. Đây là những khu vực có giá trị bảo tồn đa dạng sinh học cao, có tiềm năng trở thành các mô hình phát triển bền vững.

20 năm gìn giữ “tương lai xanh”

Ngày 21/1/2000, rừng ngập mặn Cần Giờ đã được UNESCO công nhận là khu dự trữ sinh quyển đầu tiên của Việt Nam (nằm trong mạng lưới các khu dự trữ sinh quyển của thế giới). Khu dự trữ sinh quyển Cần Giờ là một quần thể gồm các loài động, thực vật rừng và thủy sinh, được hình thành trên vùng châu thổ rộng lớn của các sông Đồng Nai, Sài Gòn, Vàm Cỏ Đông, ...

Gần một năm sau, ngày 10/11/2001, Khu dự trữ sinh quyển Đồng Nai tiếp tục được UNESCO công nhận là khu dự trữ sinh quyển thế giới. Nơi đây được xem như “lá phổi xanh” của miền Đông Nam Bộ với giá trị đa dạng sinh học cao, có rừng mưa ẩm nhiệt đới cuối cùng còn sót lại ở miền Nam và là đầu nguồn của các sông, suối, đặc biệt là sông Đồng Nai, có vai trò quan trọng đối với đời sống và sản xuất của người dân vùng này. Từ năm 2002 đến nay, Việt Nam tiếp tục có thêm 9 khu dự trữ sinh quyển được UNESCO công nhận là khu dự trữ sinh quyển thế giới.



Có những khu dự trữ sinh quyển sau khi được ghi danh đã đạt tốc độ phát triển nhanh. Điển hình như Khu dự trữ sinh quyển Cát Bà (thành phố Hải Phòng), 16 năm qua đã liên tục bứt phá đạt nhiều dấu mốc mới trong phát triển kinh tế - xã hội. Không chỉ dự trữ sinh quyển cho nhân loại, đây còn được xem là khu vực dự trữ nguồn sống, dự trữ cả tương lai sinh tồn và sự phát triển cho quốc gia sở hữu nó. Hay khu vực Núi Chúa (Ninh Thuận) - với hệ thực vật Núi Chúa rất đặc trưng (đá sa thạch già, cây bụi gai rất nhiều để tiết chế mất nước), Núi Chúa là mẫu chuẩn duy nhất về hệ sinh thái rừng khô hạn đặc trưng và độc đáo của Việt Nam cũng như Đông Nam Á - là một trong 200 vùng sinh thái quan trọng toàn cầu được lựa chọn là vùng ưu tiên bảo tồn cao nhất trong tất cả các kiểu sinh cảnh chính trên Trái Đất.

“Chiến lược xanh” trong phát triển kinh tế - xã hội bền vững

Để phát huy giá trị các khu dự trữ sinh quyển, điều cần thiết là phải nâng cao nhận thức về vai trò quan trọng của các khu dự trữ sinh quyển đối với việc bảo vệ tài nguyên đa dạng sinh học. Thứ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Võ Tấn Nhân cho biết Bộ đã phối hợp với Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc

(UNDP) thực hiện dự án “*Lồng ghép quản lý tài nguyên thiên nhiên và các mục tiêu về bảo tồn đa dạng sinh học vào quy hoạch phát triển kinh tế-xã hội và quản lý các khu dự trữ sinh quyển ở Việt Nam*” nhằm hướng đến mục tiêu thúc đẩy việc quản lý tổng hợp, bảo vệ và phát triển bền vững các khu dự trữ sinh quyển.

Công tác bảo tồn đa dạng sinh học và phát triển mạng lưới khu dự trữ sinh quyển thế giới đã và đang huy động được sự tham gia của nhiều bộ, ngành, đặc biệt là các địa phương sở hữu khu dự trữ sinh quyển thế giới, các tổ chức bảo tồn trong nước và quốc tế; từ đó, có nhiều đóng góp vào việc bảo tồn các hệ sinh thái tự nhiên, các loài hoang dã nguy cấp, quý hiếm, bảo vệ đa dạng sinh học của Việt Nam và thế giới.

(Theo Hùng Võ, đăng trên Báo điện tử của *Thông tấn xã Việt Nam*, VietnamPlus, <https://special.vietnamplus.vn/2021/12/29/kho-bau-sinh-quyen-vn/>, 29/12/2021)

Thực hiện các yêu cầu (trình bày ngắn gọn, trọng tâm):

Câu 1 (0,5 điểm): Thông tin dữ liệu của văn bản trên được trình bày chủ yếu theo cách nào?

Câu 2 (0,5 điểm): Thông tin cơ bản của văn bản trên là gì?

Câu 3 (1,0 điểm): Phân tích hiệu quả của việc sử dụng *đồ họa thông tin* trong việc biểu đạt thông tin chính.

Câu 4 (1,0 điểm): Nhận xét quan điểm của người viết được thể hiện trong văn bản.

Câu 5 (1,0 điểm): Thông tin nào về vai trò của khu dự trữ sinh quyển trong văn bản anh/ chị ấn tượng hơn cả? Lí giải.

PHẦN II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm): Anh/ Chị hãy viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về *những điều thế hệ trẻ cần hành động để chung tay gìn giữ “tương lai xanh”*.

Câu 2 (4,0 điểm): Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) so sánh, đánh giá bài thơ *Tại lầu Hoàng Hạc tiễn Mạnh Hạo Nhiên đi Quảng Lăng* (Lí Bạch) và đoạn thơ (trích *Tổng biệt hành* – Thâm Tâm):

(Yêu cầu: So sánh đề tài, hình thức thể loại, tâm trạng của nhân vật trữ tình.)

Ngữ liệu 1:

HOÀNG HẠC LÂU TỔNG MẠNH HẠO NHIÊN CHI QUẢNG LĂNG¹
(LÍ BẠCH²)

Phiên âm:

Cố nhân tây từ Hoàng Hạc lâu,
Yên hoa tam nguyệt há Dương Châu.
Cô phàm viễn ảnh bích không tận,
Duy kiến Trường Giang thiên tế lưu.

Dịch nghĩa:

Bạn cũ từ biệt tại lầu Hoàng Hạc đi về phía tây,
Tháng ba hoa khói, xuống Dương Châu.
Bóng chiếc buồm lẻ phía xa dần khuất vào trong nền trời xanh,
Chỉ còn thấy dòng Trường Giang vẫn chảy bên trời.

Dịch thơ (Bản dịch của Ngô Tất Tố):

TẠI LẦU HOÀNG HẠC TIỄN MẠNH HẠO NHIÊN³ ĐI QUẢNG LĂNG

Bạn từ lầu Hạc lên đường,
Giữa mùa hoa khói Châu Dương xuôi dòng.
Bóng buồm đã khuất bầu không,
Trông theo chỉ thấy dòng sông bên trời.

(Ngữ văn 10, Tập một, Phan Trọng Luận (Chủ biên),
NXB Giáo dục Việt Nam, 2012, tr. 142-143)

¹ Năm 727, Lý Bạch du ngoạn tới Hồ Bắc. Tại đây ông đã kết giao với Mạnh Hạo Nhiên. Tháng 3 năm 730, biết tin Mạnh Hạo Nhiên đi Quảng Lăng (đô thị phồn hoa bậc nhất thời Đường) và ngang qua Giang Hạ, Lý Bạch đã nhờ người mang thư hẹn gặp ở đó. Mấy hôm sau, Mạnh Hạo Nhiên đi thuyền xuôi dòng tới nơi, Lý Bạch tới tận bờ sông tiễn bạn và sáng tác bài thơ này.

² **Lí Bạch** (701 – 762) là nhà thơ lãng mạn vĩ đại của Trung Quốc, được gọi là “Thi tiên”. Thơ ông hiện còn trên 1000 bài. Thơ Lí Bạch rất phong phú với phong cách thơ hào phóng, bay bổng lại rất tự nhiên, tinh tế và giản dị. Đặc trưng nổi bật của thơ Lí Bạch là sự thống nhất giữa cái cao cả và cái đẹp.

³ **Mạnh Hạo Nhiên** (689 – 740): một nhà thơ nổi tiếng của Trung Quốc thời Đường. Mạnh Hạo Nhiên hơn Lí Bạch 12 tuổi, nhưng họ là đôi bạn văn chương rất thân thiết.

Ngữ liệu 2:

TỔNG BIỆT HÀNH (THÂM TÂM⁴)

① Đưa người, ta không đưa qua sông,
Sao có tiếng sóng ở trong lòng?
Bóng chiều không thắm, không vàng vọt,
Sao đầy hoàng hôn trong mắt trong?

② - Ly khách! Ly khách! Con đường nhỏ,
Chỉ nhón⁵ chưa về bàn tay không,
Thì không bao giờ nói trở lại!
Ba năm mẹ già cũng đừng mong! [...]

*

Đưa người, ta chỉ đưa người ấy
Một giã gia đình, một dừng dừng ...

(Văn bản đọc hiểu Ngữ văn

11, Đỗ Ngọc Thống (Chủ biên), NXB Đại học Huế, 2023, tr. 111)

-----Hết-----

HƯỚNG DẪN CHẤM VÀ BIỂU ĐIỂM

⁴ **Thâm Tâm** (1917 – 1950), tên khai sinh là Nguyễn Tuấn Trình, quê ở tỉnh Hải Dương, là một trong những gương mặt của phong trào Thơ mới 1932 – 1945. Ông nổi tiếng với bài thơ *Tổng biệt hành*. Về hoàn cảnh sáng tác bài thơ *Tổng biệt hành*, theo một số tư liệu ghi chép thì bài thơ này được sáng tác trong một bữa tiệc tiễn đưa một người bạn thân trong nhóm Tam Anh lên đường vào chiến khu vào năm 1941 (1940?).

⁵ *Chỉ nhón*: chỉ lớn.

I. HƯỚNG DẪN CHUNG

Do đặc trưng của môn Ngữ văn nên giám khảo cần linh động trong việc vận dụng đáp án và thang điểm; khuyến khích những bài viết có cảm xúc và sáng tạo.

II. ĐÁP ÁN VÀ THANG ĐIỂM

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	<p>* Đáp án: Cách trình bày thông tin chủ yếu: <i>ý chính - nội dung chi tiết.</i></p> <p>* Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh trả lời như đáp án: 0,5 điểm.</p> <p>- Học sinh trả lời sai/ không trả lời: không cho điểm.</p>	0,5
	2	<p>* Đáp án: Thông tin cơ bản: <i>Việt Nam – “Kho báu” dự trữ sinh quyển thế giới.</i></p> <p>* Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh trả lời như đáp án: 0,5 điểm.</p> <p>- Học sinh trả lời sai/ không trả lời: không cho điểm.</p> <p>- Lưu ý: Chấp nhận những cách diễn đạt khác nhưng cần nêu đúng bản chất vấn đề.</p>	0,5
	3	<p>* Đáp án: Hiệu quả của việc sử dụng đồ họa thông tin trong việc thể hiện nội dung văn bản:</p> <p>- Đồ họa thông tin <i>11 khu dự trữ sinh quyển thế giới của Việt Nam</i> giúp truyền tải nội dung thông tin đến độc giả mà không cần thêm văn bản, người đọc tiếp nhận được thông tin về số lượng, thời gian, vị trí của 11 khu dự trữ sinh quyển một cách trực quan.</p> <p>- Đồ họa thông tin giúp nâng cao hiệu quả trong việc truyền tải thông tin, thông tin trở nên hấp dẫn hơn, thu hút sự chú ý nhiều hơn, dễ hiểu – dễ nhớ.</p> <p>* Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh trả lời như đáp án hoặc diễn đạt tương đương: <i>ý (1): 0,75 điểm; ý (2): 0,25 điểm.</i></p> <p>- Học sinh trả lời sai/ không trả lời: không cho điểm.</p> <p>- Lưu ý: Chấp nhận những cách diễn đạt khác nhưng cần nêu đúng bản chất vấn đề.</p>	1,0
	4	<p>* Đáp án:</p> <p>- Quan điểm của người viết: khẳng định giá trị của các khu dự trữ sinh quyển thế giới của Việt Nam – được ví như “kho báu”; từ đó, người viết đề xuất các giải pháp phát triển bền vững, các “chiến lược xanh”</p>	1,0

		<p>để bảo vệ giá trị quý báu này, đặc biệt là các địa phương sở hữu.</p> <p>- Nhận xét: Quan điểm xác đáng vì những giá trị không thể bàn cãi của các khu dự trữ sinh quyển, tác động đến nhận thức và kêu gọi ý thức trách nhiệm của con người trong việc bảo tồn và phát huy “kho báu” dự trữ sinh quyển thế giới của Việt Nam.</p> <p>* Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh có nêu quan điểm: 0,5 điểm; cách nhận xét sâu sắc, thuyết phục, trình bày rõ ràng, đúng chính tả: 0,5 điểm.</p> <p>- Học sinh trả lời chung chung: 0,25 điểm.</p> <p>- Học sinh trả lời sai hoặc không trả lời: không cho điểm.</p> <p>- Lưu ý: Chấp nhận những cách diễn đạt khác nhưng cần nêu đúng bản chất vấn đề.</p>	
	5	<p>* Đáp án:</p> <p>- Học sinh lựa chọn thông tin về vai trò. Ví dụ:</p> <p>+ Bảo vệ tài nguyên đa dạng sinh học;</p> <p>+ Khu vực dự trữ nguồn sống, dự trữ cả tương lai sinh tồn và sự phát triển cho quốc gia sở hữu;</p> <p>+ Phát triển kinh tế - xã hội.</p> <p>+ ...</p> <p>- Lí giải sâu sắc, thuyết phục.</p> <p>* Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh trả lời như đáp án hoặc diễn đạt tương đương: ý (1): 0,5 điểm; ý (2): 0,5 điểm.</p> <p>- Học sinh trả lời sai/ không trả lời: không cho điểm.</p> <p>- Lưu ý: Chấp nhận những cách diễn đạt khác nhưng cần nêu đúng bản chất vấn đề.</p>	1,0
II		VIẾT	6,0
	1	Anh/ Chị hãy viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về những điều thế hệ trẻ cần hành động để chung tay gìn giữ “tương lai xanh”.	2,0
		<p>a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn</p> <p>Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành.</p>	0,25
		<p>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</p> <p>Những điều thế hệ trẻ cần hành động để chung tay gìn giữ “tương lai xanh”.</p>	0,25
		c. Triển khai vấn đề nghị luận	1,0

	<p>Thí sinh có thể lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng phải làm rõ <i>những điều thế hệ trẻ cần hành động để chung tay gìn giữ “tương lai xanh”</i>. Có thể theo hướng sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tương lai xanh nơi mà con người sống hài hòa với thiên nhiên, sử dụng tài nguyên một cách bền vững và giảm thiểu tác động tiêu cực tới môi trường. - Giải pháp cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> + <i>Trồng cây phục hồi tự nhiên, sử dụng năng lượng tái tạo, thu gom - phân loại - tái chế rác thải, sử dụng các sản phẩm xanh... thông qua các dự án nổi bật như Xanh Việt Nam, Green Saigon, các dự án điện mặt trời, điện gió, trồng rừng.</i> + <i>Lan tỏa ý thức bảo vệ môi trường thông qua các chiến dịch tuyên truyền.</i> + <i>Tiết kiệm tài nguyên là ưu tiên, cùng với việc sử dụng phương tiện giao thông công cộng.</i> + <i>Ghi nhận, phản ánh, và lên án các hành động thiếu ý thức và gây hại cho môi trường sống.</i> +... <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Học sinh lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; dẫn chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng (1,0 điểm).</i> - <i>Học sinh lập luận chưa thật chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng nhưng không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không tiêu biểu (0,75 điểm)</i> - <i>Học sinh lập luận không chặt chẽ, thiếu thuyết phục: lí lẽ không xác đáng, không liên quan mật thiết đến vấn đề nghị luận, không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không phù hợp (0,25-0,5 điểm).</i> <p>Lưu ý:</p> <p><i>Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</i></p>	
	<p>d. Chính tả, ngữ pháp</p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt</p> <p>Hướng dẫn chấm: Không cho điểm nếu bài làm mắc quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.</p>	0,25
	e. Sáng tạo	0,25

	<p>Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p> <p>Hướng dẫn chấm: Học sinh biết huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân khi bàn luận; có cái nhìn riêng, mới mẻ về vấn đề; có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận, làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh, đoạn văn giàu sức thuyết phục.</p>	
2	<p>Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) so sánh, đánh giá bài thơ Hoàng Hạc lâu tống Mạnh Hạo Hiên chi Quảng Lăng (Lí Bạch) và đoạn thơ (trích từ Tống biệt hành – Thâm Tâm).</p> <p><i>(Yêu cầu: So sánh đề tài, hình thức thể loại, tâm trạng của nhân vật trữ tình.)</i></p>	4,0
	<p><i>a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận</i></p> <p>Mở bài: Giới thiệu hai tác phẩm thơ và nêu nội dung, vấn đề cần so sánh, đánh giá.</p> <p>Thân bài: Phân tích, so sánh hai tác phẩm để làm rõ điểm tương đồng/ khác biệt về đặc điểm/ giá trị nội dung và nghệ thuật của hai tác phẩm thơ. Có thể lần lượt chỉ ra những điểm tương đồng/ khác biệt về nội dung/ hình thức hoặc điểm tương đồng/ khác biệt trên từng khía cạnh của nội dung, vấn đề.</p> <p>Kết bài: Khẳng định lại đặc điểm thể loại của tác phẩm; những giá trị chung và nét độc đáo ở mỗi tác phẩm; nêu cảm nghĩ về phong cách sáng tác của mỗi tác giả.</p>	0,25
	<p><i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i></p> <p>So sánh đề tài, hình thức thể loại và tâm trạng của nhân vật trữ tình của bài thơ Hoàng Hạc lâu tống Mạnh Hạo Hiên chi Quảng Lăng (Lí Bạch) và đoạn thơ (trích từ Tống biệt hành – Thâm Tâm).</p>	0,25
	<p><i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i></p> <p>Thí sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau:</p>	
	<p>(1) Mở bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dẫn dắt, giới thiệu hai tác giả, hai tác phẩm thơ. - Nêu khái quát nội dung, vấn đề cần so sánh, đánh giá. <p>(2) Thân bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khái quát chung về hai tác phẩm thơ (xuất xứ, hoàn cảnh sáng tác). - Phân tích, so sánh điểm tương đồng: 	3,0

Gợi ý:

- + Tương đồng về đề tài sáng tác: cả hai tác phẩm chọn đề tài tổng biệt (đưa tiễn) làm cảm hứng sáng tác.
- + Tương đồng về thủ pháp “tả cảnh ngụ tình”: mượn việc khắc họa bức tranh thiên nhiên để kí thác tâm trạng của nhân vật trữ tình (nỗi buồn của người tiễn đưa và người được đưa tiễn).
- + Tương đồng về một số hình thức nghệ thuật như: dạng thức xuất hiện của chủ thể trữ tình; cả hai đều có hệ thống thi liệu, thủ pháp nghệ thuật để làm nổi bật nội dung từng bài.

- Phân tích, so sánh điểm khác biệt:

Tiêu chí	Hoàng Hạc lâu tổng Mạnh Hạo Nhiên chi Quảng Lãng	Tổng biệt hành
Hình thức thể loại	<ul style="list-style-type: none"> - Tính quy phạm: Thể thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật tuân thủ nghiêm ngặt, chặt chẽ thi luật thơ Đường, mang màu sắc cổ điển, trang nhã. - Thi liệu: cao nhã, ước lệ, tượng trưng, cô đọng hàm súc: “<i>cố nhân</i>”, “<i>Hoàng Hạc lâu</i>”, “<i>yên hoa tam nguyệt</i>”, “<i>Trường Giang</i>”, ... 	<ul style="list-style-type: none"> - Phá vỡ quy phạm: thể thơ thất ngôn trường thiên với nhiều cách tân mới mẻ (hiện tượng tách khổ đậm chất hiện đại thể hiện dòng tâm trạng của cái tôi cá nhân). - Từ ngữ, hình ảnh: Kết hợp thi liệu cổ điển (“<i>hoàng hôn</i>”, “<i>sóng</i>”, “<i>ly khách</i>”) và hình ảnh mới mẻ, hiện đại, chất liệu đời thường, liên tưởng độc đáo: “<i>bóng chiều</i>”, “<i>hoàng hôn trong mắt</i>”, ...
Tâm trạng và cảm xúc	<ul style="list-style-type: none"> - Con người trong không gian tâm trạng chia li bạn hữu, đi xa, con người trở nên mong manh, nhỏ nhoi, cô lẻ giữa cái vô cùng vô tận của trời đất, sông nước. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tình “tổng biệt” – nội tâm: chan chứa buồn + “có tiếng sóng trong lòng” + “đầy hoàng hôn trong

	<p>Quan niệm đó hàm chứa tình cảm thương quý bạn và cả nỗi âu lo vơi vợi của chủ thể trữ tình. Chính tình cảm đó đã phổ nỗi niềm, tâm trạng người đưa tiễn vào không gian; kéo dài, mở rộng không gian đến vô cùng vô tận.</p>	<p>mất”</p> <p>=> Làm mới một đề tài, một nỗi niềm đã cũ; lạ hóa một cảm xúc, một tình huống đã quen. Cảnh – tình “tổng biệt” đều rất giàu sức khơi gợi, làm xao xuyến, lay động lòng người.</p> <p>- Người ra đi với quyết tâm lớn “không bao giờ nói trở lại” – ra đi vì nghĩa lớn.</p>	
<p>- Lí giải nguyên nhân dẫn đến sự khác biệt và đánh giá phong cách sáng tác:</p> <p>Cả hai bài thơ cùng viết về đề tài tổng biệt nhưng cả hai tác giả sống và viết ở hai thời đại khác nhau: Lí Bạch (thời Đường) sống và viết ở thời phong kiến; Thâm Tâm sống và viết ở thời Pháp thuộc. Mỗi thời đại có hoàn cảnh lịch sử, những đặc trưng thi pháp riêng, mỗi tác giả có cá tính sáng tạo riêng. Điều đó dẫn mỗi nhà thơ có những nét đến sự khác nhau cơ bản trong việc xây dựng bức tranh thiên nhiên và kí thác tâm trạng khác nhau.</p> <p>(3) Kết bài</p> <p>Khẳng định giá trị/ ý nghĩa và nét độc đáo riêng của mỗi tác phẩm thơ; cảm nghĩ của bản thân về phong cách sáng tác ở mỗi tác giả.</p> <p>Một vài gợi ý:</p> <p>Hướng dẫn chấm: Lưu ý hai yêu cầu:</p> <p>- Mở bài và kết bài gây ấn tượng.</p> <p>- Sắp xếp luận điểm, lí lẽ, bằng chứng hợp lí.</p>			
<p><i>d. Chính tả, ngữ pháp</i></p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt</p> <p><i>Không cho điểm nếu bài làm mắc quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp</i></p>			0,25
<p><i>e. Sáng tạo</i></p> <p>Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p>			0,25

	<p>Hướng dẫn chấm: Học sinh biết vận dụng lí luận văn học trong quá trình phân tích, đánh giá; biết so sánh với các tác phẩm khác để làm nổi bật nét đặc sắc của tác phẩm; biết liên hệ vấn đề nghị luận với thực tiễn đời sống; văn viết giàu hình ảnh, cảm xúc.</p> <p>- Học sinh đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên: 0,5 điểm.</p> <p>- Học sinh đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm.</p>	
TỔNG		10,0

PHÁT TRIỂN TỪ ĐỀ MINH HỌA**ĐỀ 3****ĐỀ ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT 2025****MÔN: NGỮ VĂN****Thời gian: 90 phút****PHẦN I. ĐỌC - HIỂU (4,0 điểm)****Đọc văn bản sau:****HƯƠNG THÂM****PHAN THỊ THANH NHÀN⁶**

Cửa sổ hai nhà cuối phố
 Không hiểu vì sao không khép bao giờ
 Đôi bạn ngày xưa học cùng một lớp
 Cây bưởi sau nhà ngan ngát hương đưa.

Cô gái như chùm hoa lặng lẽ
 Nhờ hương thơm nói hộ tình yêu.
 (Anh vô tình anh chẳng biết điều
 Tôi đã đến với anh rồi đấy...)

Giấu một chùm hoa sau chiếc khăn tay
 Cô gái ngập ngừng sang nhà hàng xóm
 Bên ấy có người ngày mai ra trận.

Rồi theo từng hơi thở của anh
 Hương thơm ấy thấm sâu vào lồng ngực
 Anh lên đường

hương sẽ theo đi khắp

Họ ngồi im không biết nói năng chi
 Mắt chọt tìm nhau rồi lại quay đi
 Nào ai đã một lần dám nói?

Họ chia tay
 vẫn chẳng nói điều gì
 Mà hương thơm mãi bước người đi.

(Dẫn theo <https://dantri.com.vn/blog/nho-huong-thom-noi-ho-tinh-yeu-1397260471.htm>,

Báo Dân trí, 06/04/2014)

Hoa bưởi thơm cho lòng bồi rối
 Anh không dám xin,
 cô gái chẳng dám trao
 Chỉ mùi hương đậm ấm thanh tao

⁶ Phan Thị Thanh Nhàn (1943) là một nhà thơ nữ nổi tiếng của Việt Nam. Thơ của bà, nhất là những bài thơ nổi tiếng như: *Hương thơm* (1973), *Con đường*, *Trời và Đất*, ... để lại ấn tượng sâu đậm trong lòng người đọc bởi đó là tiếng nói của một giọng thơ nữ tính, đậm chất, dịu dàng và sâu lắng.

Theo hồi tưởng của tác giả, thi phẩm *Hương thơm* được bà sáng tác đúng mùa hoa bưởi (tháng 03 - 1969) để ghi nhớ ngày cậu em Phan Hữu Khải (1953 - 1972) lên đường ra trận. Đạo ấy, nhà bà ở đề Yên Phụ, vườn sau có cây bưởi cứ tới mùa hoa lại tỏa hương ngào ngạt, em trai hay hái đầy rồi bỏ lán cho chị đi làm. Ở lớp, có một bạn gái có vẻ rất gần gũi với Khải nhưng anh không hay biết, chỉ có người chị đa cảm là để ý. Năm 1969, sau khi anh đã lên đường đi bộ đội thì người chị Phan Thị Thanh Nhàn mới sáng tác bài thơ này.

Trong giai đoạn cam go của chiến dịch Quảng Trị, *Hương thơm* được Đài Tiếng nói Việt Nam soạn thành bản ngâm phát ra tiền phương. Chiến sĩ Phan Hữu Khải đã biên thư về báo chị rằng đã nghe bài này, nhưng tác giả Phan Thị Thanh Nhàn chưa kịp hồi âm bà sáng tác bài thơ ấy từ chuyện của anh thì anh đã hy sinh tại địa phận A Lưới.

Không giấu được cử bay dịu nhẹ.

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1 (0,5 điểm): Xác định nhân vật trữ tình của văn bản trên.

Câu 2 (0,5 điểm): Chỉ ra dấu hiệu nhận biết bài thơ trên thuộc thể thơ tự do.

Câu 3 (1,0 điểm): Phân tích ý nghĩa của chi tiết “*huong thâm*” trong văn bản.

Câu 4 (1,0 điểm): Phân tích tác dụng của biện pháp so sánh trong hai dòng thơ sau:

Cô gái như chùm hoa lặng lẽ

Nhờ hương thơm nói hộ tình yêu.

Câu 5 (1,0 điểm): Từ câu chuyện tình yêu của thế hệ trẻ Việt Nam thời kì kháng chiến chống Mĩ trong văn bản trên, anh/ chị hãy nêu quan niệm về một tình yêu đẹp.

PHẦN II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm): Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) phân tích những trạng thái cảm xúc của nhân vật trữ tình trong bài thơ *Hương thâm* (Phan Thị Thanh Nhàn) ở phần Đọc – hiểu.

Câu 2 (4,0 điểm): Viết bài luận (khoảng 600 chữ) bày tỏ ý kiến của anh/ chị về việc tự khẳng định bản thân của giới trẻ hiện nay.

(Yêu cầu: *Học sinh đặt nhan đề cho bài luận.*)

-----Hết-----

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

I. HƯỚNG DẪN CHUNG

Do đặc trưng của môn Ngữ văn nên giám khảo cần linh động trong việc vận dụng đáp án và thang điểm; khuyến khích những bài viết có cảm xúc và sáng tạo.

II. ĐÁP ÁN VÀ THANG ĐIỂM

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	<p>* Đáp án: Nhân vật trữ tình: “<i>cô gái</i>”.</p> <p>* Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh trả lời đúng đáp án: 0,5 điểm.</p> <p>- Học sinh không trả lời/trả lời sai: không cho điểm.</p>	0,5
	2	<p>* Đáp án: Dấu hiệu nhận biết bài thơ trên thuộc thể thơ tự do:</p> <p>+ Số chữ trong mỗi câu không hạn định (có dòng 6 tiếng, dòng 7 tiếng, dòng 8 tiếng, ...).</p> <p>+ Số câu mỗi khổ không hạn định.</p> <p>+ Không có luật lệ cố định nào về gieo vần, ngắt nhịp linh hoạt.</p> <p>* Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh trả lời đúng 01 ý theo đáp án: 0,25 điểm; HS trả lời được 2/3 ý: 0,5 điểm.</p> <p>- Học sinh không trả lời/trả lời sai: không cho điểm.</p>	0,5
	3	<p>* Đáp án: Ý nghĩa chi tiết “<i>huong thâm</i>”:</p>	0,5

	<p>- “<i>Hương</i>” - hương hoa bưởi + “<i>thâm</i>” (thâm lặng): mượn hương hoa nói hộ tình yêu của mình.</p> <p>=> “<i>Hương thâm</i>” là hương vị tình yêu thâm lặng mà bền bỉ, tế nhị mà đậm sâu.</p>	
	<p>- Tạo ấn tượng, tăng tính gợi cảm và góp phần diễn đạt nội dung bài thơ ý nhị, tinh tế, sâu sắc.</p> <p>* Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh trả lời đúng đáp án, mỗi ý: 0,5 điểm.</p> <p>- Học sinh không trả lời/trả lời sai: không cho điểm.</p> <p>* Lưu ý: Chấp nhận cách diễn đạt khác nhưng cần nêu đúng bản chất vấn đề.</p>	0,5
	<p>* Đáp án: Tác dụng phép so sánh:</p> <p>- Biện pháp nghệ thuật so sánh: Hình ảnh so sánh “<i>cô gái</i>”, từ so sánh “<i>như</i>”, hình ảnh được so sánh “<i>chùm hoa lặng lẽ</i>”.</p>	0,25
4	<p>- Tác dụng: Gợi lên vẻ đẹp mộc mạc, e ấp, thuần khiết, thanh quý cũng như sự kín đáo, tế nhị trong cách thể hiện tình yêu của cô gái; khiến cho câu thơ trở nên giàu hình ảnh, sinh động, ấn tượng.</p> <p>* Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh trả lời đúng đáp án, ý (1): 0,25 điểm; ý (2): 0,75 điểm.</p> <p>- Học sinh không trả lời/trả lời sai: không cho điểm.</p> <p>* Lưu ý: Chấp nhận cách diễn đạt khác nhưng cần nêu đúng bản chất vấn đề.</p>	0,75
5	<p>* Đáp án: HS nêu quan niệm về tình yêu đẹp nhưng cần có sự liên hệ với câu chuyện tình yêu được nhắc tới trong bài thơ: câu chuyện tình yêu của thế hệ trẻ Việt Nam thời kì kháng chiến chống Mỹ.</p> <p><i>Một số gợi ý:</i></p> <p>- Tình yêu trong sáng, thủy chung, chân thành, kín đáo.</p> <p>- Cần biết gìn giữ và vun đắp tình yêu có như vậy chúng ta mới có được hạnh phúc thực sự.</p> <p>- Cần biết đặt mối quan hệ cá nhân và cộng đồng một cách hợp lý. Có như vậy cuộc sống của chúng ta mới có giá trị.</p> <p>- Tình yêu cá nhân phải hoà vào tình yêu đất nước, có như vậy đất nước mới phát triển và trường tồn tới muôn đời.</p> <p>* Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh nêu quan niệm rõ ràng, sâu sắc, cụ thể và diễn đạt tốt, lí giải sâu sắc, thuyết phục; quan niệm phù hợp đạo đức chuẩn mực:</p>	1,0

		<p>1,0 điểm.</p> <p>- Học sinh trả lời sơ sài, liệt kê quan niệm, không lí giải: 0,25 – 0,5 điểm.</p> <p>- Học sinh không trả lời/trả lời sai: không cho điểm.</p>	
II		VIẾT	6,0
	1	Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) phân tích những trạng thái cảm xúc của nhân vật trữ tình trong bài thơ <i>Hương thầm</i> (Phan Thị Thanh Nhàn) ở phần Đọc – hiểu.	2,0
		<p>a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn</p> <p>Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành.</p>	0,25
		<p>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</p> <p>Những trạng thái cảm xúc của nhân vật trữ tình trong bài thơ <i>Hương thầm</i> (Phan Thị Thanh Nhàn)</p>	0,25
		<p>c. Triển khai vấn đề nghị luận</p> <p>Thí sinh có thể lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng phải làm rõ suy nghĩ, quan điểm, cách hiểu, cách cảm nhận của bản thân về vấn đề được nêu. Có thể theo hướng sau:</p> <p>- Những rung động đầu đời chưa kịp gửi trao thì chàng trai đã phải ra trận.</p> <p>- Sự ngại ngùng, bẽn lẽn của người thiếu nữ dịu dàng: “ngập ngừng”.</p> <p>- Sự bối rối của nhân vật trữ tình: “Họ ngồi im không biết nói năng chi – Mặt chợt tìm nhau rồi lại quay đi”; “Hoa bưởi thơm cho lòng bối rối – Anh không dám xin – Cô gái chẳng dám trao”.</p> <p>- Thầm kín, tinh tế, ý nhị thể hiện cảm xúc tình yêu mãnh liệt cho chàng trai: “Anh vô tình anh chẳng biết điều/ Tôi đã đến với anh rồi đấy...”</p> <p>- Kết bài thơ, hương thầm vẫn tỏa hương bền bỉ như khát vọng tình yêu và hòa bình vẫn chẳng bao giờ thôi trăn trở.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; dẫn chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng (1,0 điểm).</p> <p>- Học sinh lập luận chưa thật chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng nhưng không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không tiêu biểu (0,75</p>	1,0

	<p>điểm)</p> <p>- Học sinh lập luận không chặt chẽ, thiếu thuyết phục: lí lẽ không xác đáng, không liên quan mật thiết đến vấn đề nghị luận, không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không phù hợp (0,25-0,5 điểm).</p> <p>Lưu ý:</p> <p>Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</p>	
	<p>d. Chính tả, ngữ pháp</p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.</p> <p>Hướng dẫn chấm: Không cho điểm nếu bài làm mắc quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.</p>	0,25
	<p>e. Sáng tạo</p> <p>Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p> <p>Hướng dẫn chấm: Học sinh biết vận dụng lí luận văn học trong quá trình phân tích, đánh giá; biết so sánh với các tác phẩm khác để làm nổi bật nét đặc sắc của tác phẩm; biết liên hệ vấn đề nghị luận với thực tiễn đời sống; văn viết giàu hình ảnh, cảm xúc.</p>	0,25
2	<p>Viết bài luận (khoảng 600 chữ) bày tỏ ý kiến của anh/ chị về việc tự khẳng định bản thân của giới trẻ hiện nay.</p> <p>(Yêu cầu: Học sinh đặt nhan đề cho bài luận.)</p>	4,0
	<p>a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận</p> <p>Mở bài: Giới thiệu vấn đề có liên quan đến tuổi trẻ cần bàn luận, trình bày được quan điểm của người viết về vấn đề.</p> <p>Thân bài: Giải thích được vấn đề cần bàn luận; trình bày hệ thống luận điểm, lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ cho quan điểm của người viết; có thể trao đổi với các ý kiến khác về vấn đề; nêu được những đề xuất, giải pháp phù hợp để thực hiện hoặc giải quyết vấn đề.</p> <p>Kết bài: Khẳng định lại quan điểm của người viết về vấn đề; đề xuất tóm tắt giải pháp hoặc bài học phù hợp.</p>	0,25
	<p>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</p> <p>Việc tự khẳng định bản thân của giới trẻ hiện nay.</p>	0,25
	<p>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</p> <p>Thí sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm</p>	

	bảo các yêu cầu sau:	
	- Đặt nhan đề cho bài luận	0,25
	<p>(1) Mở bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu được vấn đề cần bàn luận - Nêu khái quát quan điểm của người viết về vấn đề cần bàn luận <p>(2) Thân bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải thích được vấn đề cần bàn luận: - Thể hiện được quan điểm của người viết bằng hệ thống luận điểm (ít nhất hai luận điểm). - Trình bày lí lẽ, bằng chứng để làm rõ luận điểm. - Phê phán những biểu hiện tiêu cực và hậu quả/ tác hại. - Trao đổi với người đọc để vấn đề được bàn luận khách quan hơn. <p>(3) Kết bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khẳng định lại quan điểm của bản thân. - Đề xuất giải pháp/ bài học phù hợp. <p>Một vài gợi ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Việc khẳng định mình là phát huy cao nhất năng lực, in dấu ấn cá nhân trong không gian cũng như trong thời gian, cụ thể là trong môi trường và lĩnh vực hoạt động của riêng mình. - Tại sao vấn đề này được đặt ra cho người trẻ? <p>+ Trong thời đại ngày nay, việc tự khẳng định mình mang một ý nghĩa đặc biệt, khi sự phát triển mạnh mẽ của nền văn minh vật chất đưa tới nguy cơ làm tha hóa con người, khiến con người dễ sống buông thả, phó mặc cho sự lôi cuốn của dòng đời, đặc biệt là giới trẻ.</p> <p>+ Khẳng định bản thân là biết đặt kế hoạch rèn luyện để có được những phẩm chất xứng đáng, đáp ứng tốt những yêu cầu của lĩnh vực hoạt động mà mình tham gia, có thể khiến cộng đồng phải tôn trọng.</p> <p>+ Khi khẳng định bản thân là khi người trẻ thực sự thúc đẩy sự phát triển bền vững của cuộc sống, của xã hội.</p> <p>Hướng dẫn chấm: Lưu ý hai yêu cầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mở bài và kết bài gây ấn tượng. - Sắp xếp luận điểm, lí lẽ, bằng chứng hợp lí. 	2,5
	<p><i>d. Chính tả, ngữ pháp</i></p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt</p>	0,25

	Không cho điểm nếu bài làm mắc quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp	
	<p>e. Sáng tạo</p> <p>Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p> <p>Hướng dẫn chấm: Học sinh huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân khi bàn luận; có cái nhìn riêng, mới mẻ về vấn đề; có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận, làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh, đoạn văn giàu sức thuyết phục; biết liên hệ vấn đề nghị luận với thực tiễn đời sống; văn viết giàu cảm xúc.</p> <p>- Học sinh đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên: 0,5 điểm.</p> <p>- Học sinh đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm.</p>	0,5
TỔNG		10,0

PHÁT TRIỂN TỪ ĐỀ MINH HỌA**ĐỀ 4****ĐỀ ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT 2025****MÔN: NGỮ VĂN****Thời gian: 90 phút****Phần I: Đọc – hiểu (4,0 điểm)****Đọc văn bản sau:**

[...] Chủ nghĩa nhân đạo trong tác phẩm của Thạch Lam thực ra chưa sâu sắc và mãnh liệt nếu đem so sánh với ngòi bút Ngô Tất Tố hay Nam Cao, nhất là khi cần phanh phui triệt để những mâu thuẫn gay gắt trong xã hội người bóc lột người đã dẫn đến nỗi bất hạnh của người dân lao động. Ông không phải không đề cập đến vấn đề ấy, nhưng trong nhiều trường hợp, ngòi bút ấy dường như vừa chạm đến đã vội dừng lại và chuyển hướng. Chẳng hạn như truyện “Đứa con”, mở đầu là mâu thuẫn giữa chủ và người ở (một phụ nữ), là áp chế tàn nhẫn giữa kẻ có tiền và người làm thuê. Song kết thúc truyện thì mâu thuẫn đó lại bị xóa nhòa bởi một chuyển hướng hòa hợp, mà tác nhân là sự kích thích của tình mẫu tử – một thứ nhân tính muôn đời. Trong “Cái chân què” cũng tương tự như vậy. Chuyện tả một anh chàng vì nghèo mà cay cú với số phận, quyết tìm cách làm giàu. Nhưng khi được như ý, thì dần dần anh ta lại nhận thấy rằng đồng tiền không đem lại hạnh phúc. Sự tỉnh ngộ lần này của anh căn bản dựa trên cái triết lý về đồng tiền thường thấy ở một số tác giả khác trong Tự lực văn đoàn: triết lý của những con người chưa thực sự bị họa áo cơm ghi riết và hành hạ. Dù sao Thạch Lam cũng chưa hẳn đã sống chết với vấn đề này.

Tuy nhiên, đối với người lao động nghèo, cái nhìn của Thạch Lam nói chung là một cái nhìn hiện thực giàu tính nhân đạo. Bức tranh về cuộc sống của dân nghèo sau lũy tre, trong xóm chợ, nơi ngoại ô, ngõ hẻm không hề được phủ bằng màn sương thi vị. Những số phận nhọc nhằn, bi đát, với một viễn cảnh mờ mịt, đen tối, vẫn là kết cục chung cho hầu hết các tác phẩm viết về người dân lao động nghèo khổ của Thạch Lam. Cái chết của mẹ Lê để lại cả một đàn con gầy còm ngơ ngác là một cái kết bi thảm, gây nên “cái cảm giác lo sợ đè nén lấy tâm can” những người còn sống – những người mà “cái nghèo khổ cứ theo đuổi mãi không bao giờ dứt” (Nhà mẹ Lê). Có những gia đình trước đây đã có thời mát mặt, về sau cũng sa sút, khó khăn và càng ngày cuộc sống càng thất vọng họ mãi (Cô hàng xén, Đói, Hai đứa trẻ...). Những kết thúc u ám như thế cứ trở đi trở lại trong

nhieu truyện ngắn của Thạch Lam, tô đậm cái quá trình bền cùng không lối thoát của nhân dân lao động trong xã hội cũ [...].

(Trần Ngọc Dung, *Phong cách truyện ngắn Thạch Lam, Thạch Lam - Tác phẩm và lời bình*, Nxb Văn học, Hà Nội, 2013)

Thực hiện yêu cầu từ câu 1 đến câu 5 (trình bày ngắn gọn)

Câu 1. Xác định vấn đề chính được đề cập trong văn bản trên. (NB)

Câu 2. Liệt kê những tác phẩm của Thạch Lam dùng làm dẫn chứng cho lập luận được người viết sử dụng trong đoạn trích. (NB)

Câu 3. Nhận xét mục đích, thái độ của tác giả được thể hiện ở văn bản trên. (TH)

Câu 4. Tác dụng của biện pháp tu từ ẩn dụ được sử dụng trong câu văn sau:

“Bức tranh về cuộc sống của dân nghèo sau lũy tre, trong xóm chợ, nơi ngoại ô, ngõ hẻm không hề được phủ bằng màn sương thi vị.” (TH)

Câu 5. Qua văn bản, anh/chị rút ra bài học gì cho bản thân về cách nêu luận điểm và dẫn chứng trong bài văn nghị luận? (VD)

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Viết bài văn nghị luận (khoảng 200 chữ) trình bày cảm nhận về cảm xúc của chủ thể trữ tình trong đoạn trích sau:

*Ngôi sao nhớ ai mà sao lấp lánh
Soi sáng đường chiến sĩ giữa đèo mây
Ngọn lửa nhớ ai mà hồng đêm lạnh
Sưởi ấm lòng chiến sĩ dưới ngàn cây*

*Anh yêu em như anh yêu đất nước
Vết và đau thương tươi thắm vô ngần
Anh nhớ em mỗi bước đường anh bước
Mỗi tối anh nằm mỗi miếng anh ăn.*

(Nguyễn Đình Thi, *Nhớ*, Tuyển tác phẩm văn học, Nhà in Bộ LĐT BXH, 2001)

Câu 2. (4,0 điểm)

Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về *cách sống chủ động của con người trong xã hội hiện đại*.

---Hết---

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Hướng dẫn chung

1. Về cách chấm:

- Do đặc trưng bộ môn, giám khảo cần vận dụng linh hoạt đáp án và thang điểm khi chấm bài cho thí sinh; chấp nhận những bài viết thể hiện cách nghĩ riêng nhưng phải hợp lí, có căn cứ xác đáng.

- Ở một số ý, đáp án chỉ nêu mức điểm chính, việc chi tiết hóa điểm số cho mỗi ý phải được thống nhất trong Hội đồng chấm thi, nhưng không thay đổi tổng điểm của mỗi ý.
- Ở phần Làm văn, khuyến khích những bài viết có tính sáng tạo.

2. Tính điểm toàn bài thi:

Chấm riêng từng câu, tổng điểm toàn bài kiểm tra làm tròn như sau: Ví dụ: 5,25 = 5,3; 5,75 = 5,8

Hướng dẫn chấm và biểu điểm

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Bàn về chủ nghĩa nhân đạo trong truyện ngắn Thạch Lam.	0,5
	2	Những tác phẩm của Thạch Lam dùng làm dẫn chứng cho lập luận trong đoạn: - <i>Đứa con</i> - <i>Cái chân què</i> - <i>Nhà mẹ Lê</i> - <i>Cô hàng xóm</i> - <i>Đói</i> - <i>Hai đứa trẻ</i>	0,5
	3	- <i>Mục đích</i> : Thuyết phục người đọc thấy rằng: dù chưa thực sự sâu sắc và mãnh liệt, nhưng trong các tác phẩm của Thạch Lam đều ẩn chứa một cái nhìn nhân đạo đối với những người dân nghèo khổ. - <i>Thái độ</i> : Nghiêm khắc trong việc nhìn nhận về chủ nghĩa nhân đạo trong các tác phẩm của Thạch Lam chưa sâu sắc và mãnh liệt; Ca ngợi các sáng tác của Thạch Lam ở cái nhìn đầy thương cảm đối với người dân nghèo.	1,0
	4	Tác dụng của biện pháp tu từ ẩn dụ được sử dụng trong câu văn: - Nhấn mạnh đặc điểm của giá trị nhân đạo trong tác phẩm Thạch Lam là giàu tính hiện thực. - Giúp câu văn trở nên giàu hình ảnh, cảm xúc.	1,0
	5	- Luận điểm phải rõ ràng, chính xác - Luận điểm phải có tính logic và liên kết chặt chẽ - Dẫn chứng phải tiêu biểu, xác thực và phong phú...	1,0

II		VIẾT	6,0
	1	Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về <i>cảm xúc của chủ thể trữ tình</i>	2,0
		<i>a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn</i> Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng-phân-hợp, móc xích hoặc song hành.	0,25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:</i> Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: cảm xúc của chủ thể trữ tình.	0,25
		<i>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận</i> - Xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận, sau đây là một số gợi ý: + Nỗi nhớ da diết mà vô cùng lạc quan và tràn ngập niềm tin của một người chiến sĩ đang làm nhiệm vụ. + Sự hài hòa, thống nhất, gắn bó giữa tình yêu và lí tưởng, tình riêng và tình chung, giữa lứa đôi và đất nước. - Sắp xếp được hệ thống ý hợp lí theo đặc điểm bố cục của kiểu đoạn văn.	0,5
		<i>d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau</i> - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận: khát vọng của nhà thơ về sáng tạo thơ ca. - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng.	0,5
		<i>đ. Diễn đạt</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.	0,25
		<i>e. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25
	2	Anh/Chị hãy viết một bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ về <i>cách sống chủ động của con người trong xã hội hiện đại</i> .	4,0
		<i>a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài</i>	0,25

	Xác định được yêu cầu của kiểu bài: Nghị luận xã hội	
	<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: Cách sống chủ động của con người trong xã hội hiện đại.</i>	0,5
	<p><i>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề của bài viết</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được các ý chính của bài viết - Sắp xếp được các ý hợp lí theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận: * Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm của cá nhân về vấn đề. * Triển khai vấn đề nghị luận theo các ý chính: - Giải thích vấn đề nghị luận - Thể hiện quan điểm của người viết, có thể theo một số gợi ý sau: + Sống chủ động là hành động độc lập với hoàn cảnh xung quanh, làm chủ được tình thế, dám nghĩ, dám hành động trên tất cả mọi lĩnh vực, chủ động tìm tòi, đề nghị và dẫn thân. + Cuộc sống hiện đại với nhiều thay đổi, luôn tồn tại những thách thức, tiềm ẩn rủi ro, con người bình tĩnh, linh hoạt tìm được cách giải quyết. Sống chủ động giúp con người nắm bắt được những cơ hội đạt thành công; phát huy được năng lực của bản thân, hoàn thành mục tiêu, khát vọng, ước mơ. + Con người cần thấy được tác dụng to lớn của việc chủ động an bình trước mọi hoàn cảnh, cần rèn luyện phẩm chất, trau dồi tri thức, tích lũy kinh nghiệm để chủ động đối mặt với mọi hoàn cảnh... - Mở rộng, trao đổi với quan điểm trái chiều hoặc ý kiến khác để có cái nhìn toàn diện, ... * Khẳng định lại quan điểm cá nhân để trình bày và rút ra bài học cho bản thân. 	1,0
	<p><i>d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Triển khai được ít nhất hai luận điểm để làm rõ quan điểm cá nhân - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng. 	1,5

	Lưu ý: Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	
	đ. Diễn đạt Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.	0,25
	e. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
Tổng điểm		10,0

HẾT

PHÁT TRIỂN TỪ ĐỀ MINH HỌA ĐỀ 5	ĐỀ ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT 2025 MÔN: NGỮ VĂN Thời gian: 90 phút
---	---

I. ĐỌC – HIỂU (4,0 điểm)**Đọc văn bản sau:**

Người đàn bà tóc xanh
 ngược gió
 nhặt lá vàng
 viết lên lá ý thơ chọt đến

Mỗi ngày
 người đàn bà có thêm một chiếc lá
 cất giữ lá vàng bảo tàng năm tháng
 Ôi, thời gian!

.....
 Thanh xuân sắp lìa xa
 Những chiếc lá xác xơ gân như lông mày quả phụ
 Người đàn bà cầm tóc soi lên nắng
 thấy - màu - lá - khô

.....
 ... Không ân hận đã không ghi lại thơ trên lá trước khi chúng tan đi
 Bắt đầu thôi nhặt lá
 Người đàn bà dùng môi vớt khuôn mặt từ đáy cốc
 Khẽ thấy mình thành lá

theo
 nỗi
 buồn

28.4.1998

(*Thơ lá*, in trong *Khát*, Vi Thùy Linh, truy xuất từ nguồn <https://www.thivien.net/Vi-Thu%E1%BB%B3-Linh/Th%C6%A1-l%C3%A1/poem-Tcx7lhGk2NIC3YgtYcbeOw>, 06/06/2020)

Thực hiện các yêu cầu :

Câu 1 (0,5 điểm). Xác định nhân vật trữ tình trong văn bản.

Câu 2 (0,5 điểm). Trong văn bản, sự trôi chảy của thời gian đã khiến hành động của người đàn bà thay đổi như thế nào?

Câu 3 (1,0 điểm). Trình bày hiệu quả của biện pháp so sánh trong các dòng thơ sau:

*Thanh xuân sắp lìa xa
Những chiếc lá xác xơ gân như lông mày quả phụ
Người đàn bà cầm tóc soi lên nắng
thấy - màu - lá - khô*

Câu 4 (1,0 điểm). Nêu ý nghĩa biểu tượng của hình ảnh “ chiếc lá” trong văn bản.

Câu 5 (1,0 điểm). Từ thông điệp về thời gian được gợi ra trong bài “*Thơ lá*”, theo anh/chị người trẻ cần có một thái độ sống như thế nào để không phí hoài tuổi xuân của mình? (Trình bày trong khoảng 5 đến 7 dòng)

II. LÀM VĂN (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm).

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) đánh giá nét đặc sắc về hình thức của bài “*Thơ lá*” (Vi Thùy Linh)

Câu 2 (4,0 điểm).

Nhà văn người Anh A.A Milne đã từng nói: “*Thời gian vội vã lao đi, cơ hội nảy sinh rồi tan biến. Vậy mà bạn vẫn đang chờ đợi và không dám thử - Con chim có đôi cánh mà không dám bay lên.*”

Từ góc nhìn của người trẻ, anh/chị hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) bàn về sự cần thiết của việc nắm bắt cơ hội đối với tuổi trẻ trong thời đại 4.0.

-----HẾT-----

- Học sinh không được sử dụng tài liệu.

- Giám thị coi thi không giải thích gì thêm.

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

PHẦN	HƯỚNG DẪN CHẤM	ĐIỂM
------	----------------	------

I. ĐỌC – HIỂU	Câu 1: - Nhân vật trữ tình: Người đàn bà Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án được 0,5 điểm - Học sinh không trả lời được hoặc trả lời sai: 0 điểm	0.5
	Câu 2: Sự trôi chảy của thời gian đã khiến hành động của người đàn bà thay đổi: Từ “ <i>Nhặt lá, cất giữ lá</i> ” thành “ <i>thôi nhặt lá</i> ” và “ <i>dùng môi vớt khuôn mặt từ đáy cốc</i> ” Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án hoặc tương tự được 0.5 điểm - Học sinh không trả lời được hoặc trả lời sai: 0 điểm	0.5
	Câu 3: - Biện pháp nghệ thuật so sánh: hình ảnh “ <i>Những chiếc lá xác xơ gân</i> ” được so sánh với hình ảnh “ <i>lông mày quả phụ</i> ” - Tác dụng : + Làm tăng thêm sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt, giúp câu thơ trở nên sinh động và hấp dẫn hơn. + Nhấn mạnh, làm nổi bật hình ảnh những chiếc lá cạn kiệt nhựa sống, “ <i>xác xơ gân</i> ” cũng giống như sự phai tàn, thiếu sức sống trên gương mặt, đôi “ <i>lông mày</i> ” của người quả phụ. Cả hai không thể chống lại sức tàn phá của thời gian. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời đầy đủ như đáp án: 1,0 điểm - Học sinh không chỉ ra được biện pháp tu từ nhưng nêu đúng tác dụng của biện pháp tu từ như đáp án: 0,75 điểm - Học sinh chỉ nêu được một tác dụng: 0,5 điểm - Học sinh trả lời sai không cho điểm.	1.0
	Câu 4: Hình ảnh “ <i>chiếc lá</i> ” trong văn bản có ý nghĩa biểu tượng : + Tượng trưng cho sự thay đổi, những bước đi nghiệt ngã của thời gian. + Tượng trưng cho vòng đời của một con người từ khi sinh ra đến lúc lớn lên, trưởng thành, già đi và chết. Đó là sự phai tàn của một kiếp nhân sinh. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án hoặc có cách diễn đạt ý tương tự được 1.0 điểm	1.0

	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh trả lời được 1 ý được 0.5 điểm - Học sinh trả lời chưa đủ ý, diễn đạt chưa tốt được 0.25 điểm - HS không trả lời được hoặc trả lời sai: 0 điểm 	
	<p>Câu 5: HS trình bày suy nghĩ về thái độ sống cần có để không phí hoài tuổi xuân</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gợi ý: <ul style="list-style-type: none"> + Quý trọng , không lãng phí thời gian. + Trân trọng những gì mình đang có. + Sống hết mình với hiện tại, không hèn nhát, lười biếng, buông thả bản thân. + Sống tận hưởng, tận hiến... <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS tự do trình bày quan điểm cá nhân chỉ cần thể hiện được sự sâu sắc trong suy nghĩ và rút ra bài học về vấn đề nghị luận thì GV linh hoạt cho điểm. 	1.0
PHẦN II: VIẾT	<p>Câu 1 (2,0 điểm)</p> <p>Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) đánh giá nét đặc sắc về hình thức của bài “<i>Thơ lá</i>” (Vi Thùy Linh)</p> <p>a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn</p> <p>Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>Học sinh đáp ứng yêu cầu về mặt hình thức đoạn văn: 0,25 điểm</p> <p>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận đánh giá nét đặc sắc về hình thức của bài <i>Thơ lá</i> (Vi Thùy Linh)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh xác định đúng vấn đề cần nghị luận: 0,25 điểm <p>c. Triển khai vấn đề nghị luận</p> <p>Lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp, kết hợp chặt chẽ lí lẽ và dẫn chứng trên cơ sở đảm bảo những nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài thơ viết theo thể thơ tự do, các dòng dài ngắn bất định, diễn tả những cung bậc cảm xúc phức tạp, không thuần nhất. - Sử dụng nhiều dấu chấm lửng thể hiện những suy tư trăn trở. - Sử dụng dấu gạch nối trong câu thơ “<i>thấy – màu – lá – khô</i>” vừa tạo nên hiệu ứng ngắt quãng khiến người đọc phải chậm rãi nghiền ngẫm khi đọc vừa tạo nên một khối liên kết không thể tách rời của hình ảnh, nhằm nhấn mạnh sự phai tàn của con người khi tuổi xuân qua đi. Cho dù nó được phản chiếu dương ánh nắng rực rỡ thế nào chăng nữa . - Hình thức đặc biệt của câu cuối tạo ấn tượng thị giác về sự tan biến vào hư vô của kiếp người cũng như của chiếc lá. 	2.0

Hướng dẫn chấm:

- Phân tích đầy đủ, sâu sắc: 1,25 điểm.
- Phân tích chưa đầy đủ hoặc chưa sâu: 0,75 điểm – 1,0 điểm.
- Phân tích chung chung, sơ sài: 0,25 điểm – 0,5 điểm.

d. Chính tả, ngữ pháp

Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt

Hướng dẫn chấm: Không cho điểm nếu bài làm mắc quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp

e. Sáng tạo

Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. (0.25 điểm)

Câu 2: Viết một bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) bàn luận về vấn đề **sự cần thiết của việc nắm bắt cơ hội đối với tuổi trẻ trong thời đại 4.0.**

4.0**a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận (0,5 điểm)**

Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề.

b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: (0,5 điểm)

Bàn luận về vấn đề “**sự cần thiết của việc nắm bắt cơ hội đối với tuổi trẻ trong thời đại 4.0.**”

Hướng dẫn chấm:

- Học sinh xác định đúng vấn đề cần nghị luận: 0,5 điểm.
- Học sinh xác định chưa đúng vấn đề cần nghị luận: 0,0 điểm

c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm

Lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp, kết hợp chặt chẽ lí lẽ và dẫn chứng; trình bày được hệ thống ý phù hợp theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận. Có thể triển khai theo hướng:

*** Mở bài:** Dẫn dắt giới thiệu vấn đề nghị luận, nêu quan điểm của người viết.

*** Thân bài:**

- Giải thích

+ **Thời đại 4.0** là thời đại công nghệ số đặt ra những yêu cầu và thách thức mới đòi hỏi tuổi trẻ cần phải chủ động nắm bắt cơ hội, liên tục trải nghiệm để thích ứng và phát triển bản thân, trở thành những chủ nhân tương lai của đất nước.

+ **Cơ hội:** Là những hoàn cảnh tạo điều kiện thuận lợi để con người đạt được điều mình muốn nó không xuất hiện thường xuyên và không phải ai cũng có thể tận dụng.

- **Bàn luận về sự cần thiết của việc nắm bắt cơ hội đối với người trẻ**
 - + Nắm bắt cơ hội giúp tuổi trẻ được trải nghiệm, khám phá những giá trị mới mẻ, lí thú.
 - + Nắm bắt cơ hội giúp tuổi trẻ thực hiện những dự định mục tiêu của bản thân.
 - + Biết nắm bắt cơ hội giúp tuổi trẻ biết trân trọng hơn những khoảnh khắc của hiện tại, suy nghĩ hành động một cách dứt khoát quyết đoán.
 - + Nắm bắt cơ hội giúp tuổi trẻ giúp tuổi trẻ dễ đi tới thành công...

- **Mở rộng vấn đề, trao đổi với quan điểm trái chiều hoặc ý kiến khác**

* **Kết bài:** Khẳng định lại vấn đề nghị luận.

Hướng dẫn chấm:

- *Học sinh lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; dẫn chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng (2 - 2,5 điểm).*

- *Học sinh lập luận chưa thật chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng nhưng không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không tiêu biểu (1 – 1,75 điểm)*

- *Học sinh lập luận không chặt chẽ, thiếu thuyết phục: lí lẽ không xác đáng, không liên quan mật thiết đến vấn đề nghị luận, không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không phù hợp (0,5 – 0,75 điểm).*

Lưu ý: Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.

d. Chính tả, ngữ pháp

Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.

Hướng dẫn chấm: Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp

e. Sáng tạo: 0.5 điểm

Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ, sáng tạo.

Tổng điểm: 10 điểm

PHÁT TRIỂN TỪ ĐỀ MINH HỌA

ĐỀ 6

ĐỀ ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT 2025

MÔN: NGỮ VĂN

Thời gian: 90 phút

Phần I. Đọc hiểu (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

Những hệ lụy khó lường của TikTok với giới trẻ

Trong thời đại 4.0 bùng nổ, mạng xã hội (MXH) đã trở thành “món ăn tinh thần” không thể thiếu của đại bộ phận giới trẻ. Thần tốc vượt qua các nền tảng MXH khác, TikTok đang “hớp hồn” người trẻ bởi những video có thời lượng ngắn, hình ảnh bắt mắt với nhạc nền hay... Tuy nhiên, bên cạnh những yếu tố tích cực, giải trí thì vẫn còn đó những mặt trái, hệ lụy xấu gây tác động tiêu cực lên giới trẻ từ nền tảng này.

VIDEO



Những video nhằm nhí, phản cảm đang đầu độc giới trẻ. Ảnh: Đ.K.C

Quá nhiều nội dung độc hại

[...] Mới đây, đại diện Cục Phát thanh - Truyền hình và Thông tin điện tử (Bộ Thông tin - Truyền thông) đã chỉ ra sáu vi phạm của nền tảng này tại Việt Nam. Các sai phạm gồm: không có các biện pháp kiểm soát hiệu quả những nội dung vi phạm liên quan đến chính trị, chống phá Đảng, Nhà nước, tin giả, nội dung nhằm nhí, độc hại, thậm chí gây nguy hiểm với trẻ em; việc sử dụng thuật toán phân phối nội dung tự động để tạo trend nhằm phát tán những nội dung giật tít, câu view, gây ảnh hưởng xấu đến cộng đồng và giới trẻ; không có biện pháp kiểm soát hiệu quả để ngăn chặn hoạt động kinh doanh, buôn bán, quảng cáo hàng giả, hàng nhái, thực phẩm chức năng không rõ nguồn gốc; không quản lý hoạt động của các idol (thần tượng) TikTok nên để nhiều idol có xu hướng sản xuất những nội dung nhằm nhí fb thaongo, thiếu văn hóa...

Không để TikTok ảnh hưởng đến tâm lý giới trẻ

Những vi phạm trên đã gióng lên hồi chuông cảnh báo để phụ huynh vào cuộc, giám sát chặt chẽ hơn thời gian sử dụng các thiết bị điện tử của giới trẻ, trẻ vị thành niên tại nhà. Theo khuyến cáo của các chuyên gia về công nghệ, phụ huynh có thể giữ an toàn cho con em khi sử dụng TikTok bằng việc cài đặt bảo mật để giới hạn lượng thông tin mà con chia sẻ. Trường hợp nếu con tạo clip, phụ huynh cần đảm bảo đoạn video đã được xem xét kỹ trước khi trẻ tải lên để không chứa nội dung tiêu cực hoặc gây hiểu lầm. [...]

Với giới trẻ, Gen Z cần biết “gạn đục khơi trong” khi tiếp cận các nền tảng MXH, đặc biệt là TikTok; hãy học hỏi những điều hay, lan truyền những video tích cực, giàu giá trị nhân văn và tẩy chay, nói không với những video nhằm nhí, xấu độc. Các bạn trẻ cần tách bạch, học cách cân bằng giữa cuộc sống thực và thế giới ảo; fb thaongo biết chọn lọc thông tin tiếp cận để tránh những tác động tiêu cực không đáng có đến tâm lý, sức khỏe, cuộc sống.

(Theo Mai Khôi, Báo Bạc Liêu online, thứ sáu, ngày 14/04/2023)

Trả lời các câu hỏi từ 1 đến 5

Câu 1. Văn bản đề cập đến vấn đề gì?

Câu 2. Chỉ ra cách trình bày dữ liệu trong văn bản?

Câu 3. Chủ đề trong văn bản được người viết triển khai qua mạch ý ra sao?

Câu 4. Ngoài hệ thống ý được biểu đạt qua ngôn từ, việc sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ có tác dụng gì?

Câu 5. Anh/Chị có đồng tình với quan điểm: “*Trong thời đại 4.0 bùng nổ, mạng xã hội (MXH) đã trở thành “món ăn tinh thần” không thể thiếu của đại bộ phận giới trẻ*” không? Vì sao?

Phần II. Làm văn (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về cách vượt qua áp lực trong cuộc sống của giới trẻ.

Câu 2. (4,0 điểm)

Anh/chị hãy viết bài văn (khoảng 600 chữ) so sánh, đánh giá cảm xúc của nhân vật trữ tình trong hai bài thơ sau:

Nhà thơ và những đối thoại

Đối thoại 1: Với một nhà thơ

- *Cháu thích làm gì nhất?*

- *Làm thơ*

- *(lắc đầu) Khó lắm!*

Đối thoại 2: Với một họa sĩ

- *Nhớ tặng tôi tập thơ của em nhé!*

- *Nhất định rồi. Anh sẽ...*

- *Tôi sẽ đặt lên giá sách ở phòng khách nhà tôi. (!)*

Đối thoại 3: Với một người buôn bán

- *Cô thử đi buôn một chuyến xem,*

Giàu hơn bán chữ trăm lần!

- *Tôi không bán chữ Tôi làm thơ*

- *Cô sống bằng gì?*

- *Viết báo*

- *Tôi chẳng viết nổi một dòng thơ*

Quên đi

Đếm tiền sướng hơn chứ!

- *Tôi làm thơ để giải tỏa những mong đợi*

Con người tôi nếu trừ thơ, không còn là tôi nữa

Chị ta phá lên cười (!)

01.01.1998

(Vi Thùy Linh, Khát, NXB Phụ nữ, 2007, tr.17)

Và: **Cô đơn**

Ta lại về nơi

không ai chờ đợi

chỉ nỗi buồn

tựa cửa thờ ơ

Hoa giấy rơi

thăng thoát trước nhà

những mảnh trời vừa nguội

Chiều buông

bóng ta đổ về ta

nhức nhối

Bụi đường

Tóc rối

Lược cũng hững hờ

Ta về nhen lại những ước mơ

ngùn ngụt cùng hoa giấy nở

Giữa những cánh hoa

những tàn tro

ta nhật nối cô đơn còn ấm lửa.

1997

(In trong tập thơ song ngữ Anh – Việt *Những chiếc gai trong mơ*, Nguyễn Bảo Chân, NXB Thế giới, 2010)

* Vi Thùy Linh sinh năm 1980. Với chị, văn chương là hành trình nhọc nhằn và hạnh phúc, gian nan và đam mê mà tôi muốn tận hiến. Khi sáng tác, đòi hỏi khắc nghiệt của tôi, là buộc phải tìm ra cái mới, qua ngôn ngữ, thi ảnh, với tình cảm và trí tuệ tinh hoa, trong sáng nhất. Một nghệ sĩ đích thực mà không tạo ra được cái mới, dấu ấn phong cách riêng là phi sáng tạo, fb thao ngo không làm được bốn phận với nghệ thuật và công chúng.

* Nguyễn Bảo Chân sinh ngày 23/11/1969, quê Thanh Hóa. Thơ chị luôn độc đáo về hình thức biểu đạt, nhiều cảm xúc, dụng chữ kỹ lưỡng, chất lọc, đa tầng ngữ nghĩa, giàu thi ảnh. Trong đó có triết lý nhân sinh, tình yêu, những vấn đề xã hội và tâm tư ước vọng con người về một cuộc sống

nhân văn, cao thượng. Thơ Nguyễn Bảo Chân giàu suy tưởng. Nỗi buồn trong thơ Bảo Chân không bi lụy mà là nỗi buồn đẹp, với tâm thế của một con người yêu thương cuộc đời, cảm ơn mỗi ngày được sống, đón nhận mọi buồn vui của nhân gian.

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Vấn đề: Những hệ lụy khó lường của TikTok với giới trẻ Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án: 0,5 điểm - Học sinh không trả lời: 0 điểm	0,5
	2	Cách trình bày dữ liệu: tổ chức thông tin theo tầm quan trọng của vấn đề Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án: 0,5 điểm - Học sinh không trả lời: 0 điểm	0,5
	3	Cách triển khai chủ đề: - Phần sa-pô: Giới thiệu khái quát vấn đề trọng tâm – Sức hút mạnh mẽ cùng những tác động của nền tảng MXH TikTok tới giới trẻ hiện nay. + Ý chính 1: Những sai phạm nghiêm trọng và những mối nguy hại tiềm ẩn của TikTok hiện nay tới giới trẻ và cộng đồng. + Ý chính 2: Giải pháp phòng tránh những tác động tiêu cực của TikTok đối với giới trẻ, trẻ vị thành niên. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án: 1,0 điểm. - HS trình bày được nội dung phần sa-pô trong đáp án: 0,5 điểm. - HS trình bày được nội dung phần sa-pô và trả lời được 1/2 ý chính trong đáp án: 0,75 điểm. - HS không trình bày nội dung phần sa -pô mà trả lời 02 ý chính trong đáp án: 0,5 điểm - HS không trình bày nội dung phần sa -pô mà trả lời 1/2 ý chính trong đáp án: 0,25 điểm. - Học sinh trả lời sai, không trả lời: không cho điểm Lưu ý: HS có thể có cách diễn đạt khác, miễn là lí giải hợp lí, thuyết phục thì vẫn cho điểm	1,0
	4	- Tác dụng:	1,0

		<p>+ Minh họa cho nội dung chính của văn bản: TikTok chứa đựng nhiều nội dung độc hại, vi phạm quy định của Bộ Thông tin – Truyền thông, ảnh hưởng xấu đến người sử dụng, đặc biệt là giới trẻ.</p> <p>+ Giúp văn bản thêm sinh động, lôi cuốn; giúp người đọc dễ tiếp nhận thông tin.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh trả lời hai tác dụng như đáp án: 1,0 điểm</p> <p>- Học sinh trả lời được 1/2 ý trong đáp án: 0,5 điểm.</p> <p>- Học sinh trả lời sai, không trả lời: không cho điểm</p> <p>Lưu ý: HS có thể có cách diễn đạt khác, miễn là lí giải hợp lí, thuyết phục thì vẫn cho điểm</p>	
5		<p>- Bày tỏ quan điểm: đồng tình / không đồng tình / kết hợp cả 2 quan điểm: 0,25 điểm.</p> <p>- Lí giải thuyết phục: 0,75 điểm.</p> <p>Gợi ý:</p> <p>Đồng tình, vì:</p> <p>+ Nó là một món ăn tinh thần không thể thiếu trong đời sống của giới trẻ hiện nay.</p> <p>+ Là kênh để giải trí sau những giờ làm việc căng thẳng mệt mỏi</p> <p>+ Tuy nhiên, cần phải lựa chọn những nội dung lành mạnh để tiếp cận</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Hs đưa ra được quan điểm cụ thể, lí giải hợp lí: 1,0 điểm</p> <p>- Hs đưa ra được quan điểm cụ thể: 0,25 điểm.</p> <p>- Trả lời không đúng hoặc không trả lời: 0,0 điểm.</p> <p>Lưu ý: HS có thể có cách diễn đạt khác, miễn là lí giải hợp lí, thuyết phục thì vẫn cho điểm)</p>	1,0
II		VIẾT	6,0
1		Anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về cách vượt qua áp lực trong cuộc sống của giới trẻ.	2,0
	a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành.		0,25
	b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận Trả lời câu hỏi: cách vượt qua áp lực trong cuộc sống của giới trẻ.		0,25
	c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận		0,5

	<p>- Xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận, sau đây là một số gợi ý:</p> <p>1. Mở đoạn</p> <p>Giới thiệu và dẫn dắt về cách vượt qua áp lực trong cuộc sống</p> <p>2. Thân đoạn</p> <p>- Giải thích: áp lực trong cuộc sống là những sức ép từ xã hội, từ đời sống tác động, đè nặng lên mỗi người. Đó có thể là khó khăn thử thách gặp phải, công việc nặng nề phải đảm nhận, trách nhiệm lớn lao phải gánh vác... Nó thường tạo ra tâm lí căng thẳng, nặng nề, lo lắng. Tuy nhiên, áp lực cũng có ý nghĩa quan trọng trong quá trình trưởng thành của bản thân mỗi người, cũng như đối với thành công.</p> <p>- Cách để giới trẻ vượt qua áp lực trong cuộc sống:</p> <p>+ Dừng cảm để có tinh thần sẵn sàng đối diện với mọi áp lực.</p> <p>+ Luôn lạc quan vì: “Cho dù cuộc sống này có áp lực tới đâu, công việc có một mối thế nào thì ẩn đằng sau đó vẫn là những điều tốt đẹp hơn đang chờ ta phía trước”.</p> <p>+ Nỗ lực hết mình, cố gắng hết mình và đón nhận kết quả trong tâm trạng thoải mái nhất. Với tinh thần như vậy, chúng ta sẽ dễ dàng vượt qua những “con bão tố khủng khiếp” trong cuộc sống.</p> <p>+ Cần chia sẻ những vấn đề khó khăn mà chúng ta gặp phải với người thân trong gia đình để tìm sự đồng cảm và gỡ rối những băn khoăn.</p> <p>+ Nhìn nhận sự thành công, kết quả công việc theo hướng tích cực.</p> <p>3. Kết đoạn</p> <p>Bài học nhận thức và hành động</p>	
	<p>d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau:</p> <p>- Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận:</p> <p>- Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.</p> <p>- Trình bày rõ quan điểm hệ thống các ý</p> <p>- Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng.</p>	0,5
	<p>đ. Diễn đạt</p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn</p>	0,25
	e. Sáng tạo	0,25

		Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	
2	Viết bài văn (khoảng 600 chữ) so sánh, đánh giá cảm xúc của nhân vật trữ tình trong hai bài thơ	4,0	
	a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài Xác định được yêu cầu của kiểu bài: nghị luận văn học.	0,25	
	b. Xác định đúng vấn đề nghị luận So sánh, đánh giá cảm xúc của nhân vật trữ tình trong hai bài thơ	0,5	
	c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề của bài viết - Xác định được các ý chính của bài viết - Sắp xếp được các ý hợp lí theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận: 1. Mở bài - Dẫn dắt - Giới thiệu VĐNL: so sánh, đánh giá cảm xúc của nhân vật trữ tình trong hai bài thơ 2. Thân bài * Khái quát: - Giới thiệu sơ lược 2 tác giả, 2 bài thơ - Nêu căn cứ, mục đích so sánh của 2 bài thơ: cảm xúc của nhân vật trữ tình * So sánh: - Điểm chung: cảm xúc cô đơn, một mình - Điểm riêng: + “Nhà thơ và những đối thoại”: - Sự cô đơn, không được thấu hiểu song hành với hoài bão, đam mê của nhà thơ; - Cảm xúc đơn độc cần thiết để tôi luyện bản lĩnh con người - Xúc cảm được thể hiện qua hình thức thơ tự sự, không nhiều hình ảnh nhưng giàu chất suy tưởng, sâu sắc + “Cô đơn”: - Xúc cảm cô đơn đến đau đớn, tuyệt vọng vẫn tồn tại bình thường trong cuộc sống. Kết đọng lại ở niềm tin, hy vọng hướng về tương lai, sự sống nảy mầm trong tuyệt vọng. - Hai xúc cảm tưởng như đối lập nhưng nảy sinh từ nhau bổ trợ cho nhau. - Xúc cảm được thể hiện qua bức tranh thơ giàu hình ảnh, trữ tình	2,25	

	<p>* Đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ý nghĩa đối với phong cách thơ của 2 tác giả - Giá trị tác phẩm: <p>+ “Nhà thơ và những đối thoại”: Nỗi đơn độc của con người trên hành trình theo đuổi đam mê; Ca ngợi đam mê, khát vọng cháy bỏng và lý tưởng của người nghệ sĩ chân chính</p> <p>+ “Cô đơn”: Nỗi cô đơn không thể thiếu của con người trong cuộc sống; Niềm tin, lạc quan, hy vọng vào ngày mai tươi sáng.</p> <p>3. Kết bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khái quát những nét giống nhau và khác nhau tiêu biểu. - Có thể rút ra ý kiến cá nhân về vấn đề. 	
	<p>d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Triển khai được ít nhất hai luận điểm để làm rõ quan điểm cá nhân - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng. <p>Lưu ý: Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</p>	0,5
	<p>đ. Diễn đạt</p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.</p>	0,25
	<p>e. Sáng tạo</p> <p>Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p>	0,25
Tổng điểm		10,0

--HẾT--

<p>PHÁT TRIỂN TỪ ĐỀ MINH HỌA</p> <p>ĐỀ 7</p>	<p>ĐỀ ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT 2025</p> <p>MÔN: NGỮ VĂN</p> <p>Thời gian: 90 phút</p>
--	--

PHẦN I: ĐỌC – HIỂU

Đọc văn bản sau:

GIỤC GIÃ

(Trích)

Mau với chứ, vội vàng lên với chứ!
 Em, em ơi, tình non đã già rồi,
 Con chim hồng, trái tim nhỏ của tôi,
 Mau với chứ! thời gian không đứng đợi.
 Tình thổi gió, màu yêu lên phấp phới:
 Nhưng đôi ngày, tình mới đã thành xưa.
 Nắng mọc chưa tin, hoa rụng không ngờ,
 Tình yêu đến, tình yêu đi, ai biết.
 Trong gặp gỡ đã có mầm ly biệt;
 Những vườn xưa, nay đoạn tuyệt dấu hài;
 Gấp đi em, anh rất sợ ngày mai;
 Đời trôi chảy, lòng ta không vĩnh viễn.

...

Thà một phút huy hoàng rồi chợt tối,
 Còn hơn buồn le lói suốt trăm năm.
 Em vui đi, rằng nở ánh trăng rằm,
 Anh hút nhụy của mỗi giờ tình tự.
 Mau với chứ! Vội vàng lên với chứ!
 Em, em ơi! Tình non sắp già rồi.

(Thi Nhân Việt Nam, Hoài Thanh – Hoài Chân, NXB Văn học tr. 131-132)

Thực hiện yêu cầu từ câu 1 đến câu 5 (trình bày ngắn gọn):

Câu 1. Chỉ ra dấu hiệu để xác định thể thơ trong văn bản.

Câu 2. Chỉ ra những câu thơ thể hiện lời giục giã, sự hối thúc gấp gáp trong tâm trạng của chủ thể trữ tình ở chín câu thơ đầu của văn bản.

Câu 3. Trình bày ý nghĩa của yếu tố tượng trưng trong 2 câu thơ sau :

*Thà một phút huy hoàng rồi chợt tối,
 Còn hơn buồn le lói suốt trăm năm.*

Câu 4. Nêu sự vận động cảm xúc của chủ thể trữ tình “anh” trong văn bản .

Câu 5. Từ thông điệp của văn bản, anh/chị có suy nghĩ gì về cách sử dụng thời gian của giới trẻ ngày nay? (trình bày trong khoảng 5 đến 7 dòng)

PHẦN II: LÀM VĂN

Câu 1. (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) phân tích cảm xúc của chủ thể trữ tình “anh” trong đoạn trích ở phần Đọc hiểu.

Câu 2. (4,0 điểm)

“Tuổi trẻ được phép sai lầm nhưng không được phép sai phạm”. Từ góc nhìn tích cực của người trẻ, anh/chị hãy viết một bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) bàn luận về vấn đề **quyền được sai và sửa sai của tuổi trẻ**.

-----Hết-----

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

PHẦN	HƯỚNG DẪN CHẤM	ĐIỂM
I. ĐỌC – HIỂU	Câu 1: Dấu hiệu để xác định thể thơ trong văn bản: Số chữ trong các dòng thơ không bằng nhau là dấu hiệu để xác định thể thơ tự do trong văn bản. Hướng dẫn chấm: - HS trả lời như đáp án được 0.5 điểm - HS không trả lời được: 0 điểm	0.5
	Câu 2: Những câu thơ thể hiện lời giục giã, sự hối thúc gấp gáp trong tâm trạng của chủ thể trữ tình ở chín câu thơ đầu của văn bản: - “Mau với chứ, vội vàng lên với chứ!” - “Mau với chứ, thời gian không đứng đợi” - “Gấp đi em, anh rất sợ ngày mai” Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án được 0.5 điểm - Học sinh chỉ ra từ 1 đến 2 câu thơ được 0.25 điểm	0.5
	Câu 3: - Yếu tố tượng trưng: + “một phút huy hoàng rồi chợt tối”: Sự toả sáng, sống hết mình, cháy hết mình dù trong khoảnh khắc ngắn ngủi + “buồn le lói suốt trăm năm”: nỗi sống mờ nhạt, tầm thường, vô nghĩa - Ý nghĩa: + Thể hiện quan điểm sống tích cực và khát khao hướng đến một cuộc đời đầy ý nghĩa của nhà thơ Xuân Diệu. Kêu gọi mọi người, đặc biệt là những người trẻ phải biết trân trọng cuộc sống, sống trọn vẹn từng phút từng giây, không sống một cuộc đời mờ nhạt tầm thường vô nghĩa. + Giúp cho sự diễn đạt trở nên gợi hình gợi cảm, tạo dấu ấn riêng của thi sĩ. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án hoặc có cách diễn đạt ý tương tự được 1.0	1.0

	<p><i>điểm</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - HS chỉ ra được yếu tố tượng trưng : 0,25 điểm - HS trả lời được ý nghĩa của yếu tố tượng trưng đầy đủ: 0,75 điểm - HS trả lời được một ý nghĩa của yếu tố tượng trưng: 0,5 điểm - HS không trả lời được: 0 điểm 	
	<p>Câu 4:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sự vận động cảm xúc của chủ thể trữ tình “anh” trong đoạn thơ: + Vội vàng, cuống quýt lo sợ thời gian trôi qua nhanh không thể nắm bắt. + Tiếc nuối hụt hẫng trước sự tàn phai của thời gian. + Khát khao sống tận hưởng và tận hiến. <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh trả lời như đáp án hoặc có cách diễn đạt ý tương tự được 1.0 điểm. - Học sinh trả lời đủ ý nhưng diễn đạt chưa tốt được 0.75 điểm. - Học sinh trả lời được một ý được 0.5 điểm. 	1.0
	<p>Câu 5: Suy nghĩ về cách sử dụng thời gian của giới trẻ ngày nay.</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS tự do trình bày quan điểm cá nhân chỉ cần thể hiện được sự sâu sắc trong suy nghĩ và rút ra bài học về vấn đề nghị luận thì giáo viên linh hoạt cho điểm. 	1.0
PHẦN II: VIẾT	<p>Câu 1 (2,0 điểm)</p> <p>Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) phân tích cảm xúc của chủ thể trữ tình “anh” trong đoạn trích ở phần Đọc hiểu .</p> <p>a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn</p> <p>Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>Học sinh đáp ứng yêu cầu về mặt hình thức đoạn văn: 0,25 điểm</p> <p>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận cảm xúc của chủ thể trữ tình trong đoạn trích bài thơ <i>Giục giã</i> (Xuân Diệu)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh xác định đúng vấn đề cần nghị luận: 0,25 điểm <p>c. Triển khai vấn đề nghị luận</p> <p>Lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp, kết hợp chặt chẽ lí lẽ và dẫn chứng trên cơ sở đảm bảo những nội dung sau:</p> <p>Cảm xúc của chủ thể trữ tình “anh” bắt nguồn từ nhận thức về sự trôi chảy của thời gian và lòng ham sống, yêu đời mãnh liệt:</p>	2.0

- Đó là sự vội vàng cuồng quýt thông qua những lời lẽ chứa đầy sự hối thúc, gấp gáp.
- Lo sợ thời gian trôi qua nhanh sẽ cuốn theo những điều tốt đẹp.
- Tiếc nuối, hụt hẫng trước sự tàn phá của thời gian.
- Gửi gắm thông điệp ý nghĩa: Hãy sống hết mình cho hôm nay, trân trọng từng khoảnh khắc trôi qua trong hiện tại, biết tận hưởng cho mình và tận hiến cho tổ quốc.

Hướng dẫn chấm:

- Phân tích đầy đủ, sâu sắc: 1,25 điểm.
- Phân tích chưa đầy đủ hoặc chưa sâu: 0,75 điểm – 1,0 điểm.
- Phân tích chung chung, sơ sài: 0,25 điểm – 0,5 điểm.

d. Chính tả, ngữ pháp

Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.

Hướng dẫn chấm: Không cho điểm nếu bài làm mắc quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.

e. Sáng tạo

Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. (0.25 điểm)

Câu 2: Viết một bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) bàn luận về vấn đề **quyền được sai và sửa sai của tuổi trẻ.**

4.0

a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận (0,5 điểm)

Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề

b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: (0,5 điểm)

bàn luận về vấn đề “quyền được sai và sửa sai của tuổi trẻ”

Hướng dẫn chấm:

- Học sinh xác định đúng vấn đề cần nghị luận: 0,5 điểm.
- Học sinh xác định chưa đúng vấn đề cần nghị luận: 0,0 điểm

c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm

Lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp, kết hợp chặt chẽ lí lẽ và dẫn chứng; trình bày được hệ thống ý phù hợp theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận. Có thể triển khai theo hướng:

* **Mở bài:** Dẫn dắt giới thiệu vấn đề nghị luận, nêu quan điểm của người viết.

* **Thân bài:**

- Giải thích

+ *Tuổi trẻ* là khoảng thời gian tươi đẹp nhất trong cuộc đời mỗi con người, là tuổi có nhiều ước mơ, hoài bão, khát vọng. Nhưng tuổi trẻ cũng thường là những người ít có kinh nghiệm và trải nghiệm nên việc mắc sai lầm là điều có thể xảy ra.

+ *Sai lầm*: Là những thất bại, những điều không như mong đợi trong quá trình thử nghiệm. Sai lầm khác với tội lỗi.

+ “*Quyền được sai và sửa sai của tuổi trẻ*” được hiểu theo hướng tích cực là khuyến khích người trẻ dám trải nghiệm và dần thân , cho dù có thất bại.

- Bàn luận:

+ *Vì sao tuổi trẻ lại có quyền được sai ?* Vì còn trẻ nên sẽ có cơ hội làm lại, được sửa sai. Chỉ khi trải qua va vấp và trải nghiệm thì mới có bài học để trưởng thành.

+ Sai lầm không phải là điểm dừng mà là bước đệm để thành công, mỗi bạn trẻ hãy tự tin bước vào hành trình khám phá của mình.

+ Tuổi trẻ có quyền được trải nghiệm, quyền được sai, được thất bại nhưng không được để những sai lầm đó lặp lại. Phải dũng cảm đứng lên sau mỗi lần vấp ngã, biết rút kinh nghiệm cho bản thân.

...

- Mở rộng vấn đề, trao đổi với quan điểm trái chiều hoặc ý kiến khác.

*** Kết bài:** Khẳng định lại vấn đề nghị luận.

Hướng dẫn chấm:

- *Học sinh lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; dẫn chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng (2 - 2,5 điểm).*

- *Học sinh lập luận chưa thật chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng nhưng không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không tiêu biểu (1 – 1,75 điểm)*

- *Học sinh lập luận không chặt chẽ, thiếu thuyết phục: lí lẽ không xác đáng, không liên quan mật thiết đến vấn đề nghị luận, không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không phù hợp (0,5 – 0,75 điểm).*

Lưu ý: Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.

d. Chính tả, ngữ pháp

Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.

Hướng dẫn chấm: Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.

	e. Sáng tạo: 0.5 điểm	
	Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ, sáng tạo.	
Tổng điểm: 10		

PHÁT TRIỂN TỪ ĐỀ MINH HỌA	ĐỀ ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT 2025
ĐỀ 7	MÔN: NGỮ VĂN
	Thời gian: 90 phút

PHẦN I. ĐỌC HIỂU (4,0 ĐIỂM)

Đọc văn bản sau:

THÁNG NĂM CỦA BÀ

Tháng năm có đàn chim ngói về ăn hạt trên cánh đồng bà ngoại
 Trời thì xanh như không thể biếc hơn
 Cháu đội nón đôi chân trần trên đất
 Gặt về phơi cả ba tháng nhọc nhằn

Ba tháng nhọc nhằn nuôi mày lớn lúa ơi
 Hoa cỏ may đan chéo bàn chân bà từa máu
 Mồ hôi xuống như mưa là tháng sáu
 Lưng bà còng bông lúa trĩu như nhau

Bà ngoại trồng lúa, bà ngoại nhai trầu
 Suốt một đời không đi ra ngoài mái đình bến nước.
 Nỗi vất vả ấy lấy gì mà đo được
 Như hạt thóc nảy mầm trở bông

Tháng năm này cánh đồng bà có nhiều chim ngói không
 Lưng bà mỗi ngày lại gằn hơn mặt đất
 Cháu mong lắm được trở về đi gặt
 Phơi giúp bà hạt giống để mùa sau

(Bình Nguyên Trang, *Chỉ em và chiếc bình pha lê biết*, NXB Hội nhà văn, 2003, tr. 87, 88)

Thực hiện các yêu cầu từ 1 đến 5:

Câu 1. Chỉ ra dấu hiệu để xác định thể thơ của đoạn trích

Câu 2. Liệt kê những hình ảnh miêu tả sự vất vả của bà.

Câu 3. Anh/ chị hiểu như thế nào về nội dung của hai câu thơ sau:

“Ba tháng nhọc nhằn nuôi mày lớn lúa ơi
 Hoa cỏ may đan chéo bàn chân bà từa máu”

Câu 4. Nêu cảm hứng chủ đạo của bài thơ.

Câu 5. Từ bài thơ Tháng năm của bà, anh/chị hãy lí giải vì sao hình ảnh người bà luôn gắn liền với kí ức tuổi thơ của mỗi người.

PHẦN 2. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm): Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) phân tích, đánh giá tâm trạng của nhân vật trữ tình trong đoạn thơ sau:

(1) Em ơi! Buồn làm chi
Anh đưa em về sông Đuống
Ngày xưa cát trắng phẳng lì

(2) Sông Đuống trôi đi
Một dòng lấp lánh
Năm nghiêng nghiêng trong kháng chiến trường kì
Xanh xanh bãi mía bờ dâu
Ngô khoai biêng biếc
Đứng bên này sông sao nhớ tiếc
Sao xót xa như rụng bàn tay

*

Bên kia sông Đuống
Quê hương ta lúa nếp thơm nồng
Tranh Đông Hồ gà lợn nét tươi trong
Màu dân tộc sáng bừng trên giấy điệp
Quê hương ta từ ngày khùng khiếp
Giặc kéo lên ngùn ngụt lửa hung tàn
Ruộng ta khô
Nhà ta cháy
Chó ngọ một đàn
Lưỡi dài lê sắc máu
Kiệt cùng ngõ thẳm bờ hoang
Mẹ con đàn lợn âm dương
Chia lìa đôi ngả
Đám cưới chuột đang tưng bừng rộn rã
Bây giờ tan tác về đâu? [...]

(*Bên kia sông Đuống*, Hoàng cầm, Ngữ văn 12 nâng cao,
Tập một, NXB Giáo dục, 2008, tr.72)

Chú thích:

- Nhà thơ Hoàng Cầm (1922-2010), tên thật là Bùi Tăng Việt, quê gốc làng Lạc Thổ, thị trấn Hồ, Thuận Thành, Bắc Ninh, là một tên tuổi lớn trên văn đàn Việt Nam hiện đại thế kỷ XX, được mệnh danh là nhà thơ của vùng đất Kinh Bắc (Bắc Ninh). Thơ ông hấp dẫn các thế hệ bạn đọc khác nhau, vì ngoài những tìm tòi cách tân về nghệ thuật, ông vẫn giữ cho riêng mình một vốn ngôn ngữ và hình ảnh đặc trưng Kinh Bắc, độc đáo, tài hoa.

- Bài thơ “Bên kia sông Đuống” ra đời vào tháng 4/1948 và được đăng lần đầu tiên trên báo “Cứu quốc”. Sông Đuống chia tỉnh Bắc Ninh ra làm 2 phần, Nam (hữu ngạn), Bắc (tả ngạn). Quê hương của Hoàng cầm ở bên này hữu ngạn sông Đuống. Khi giặc Pháp chiếm đóng vùng đất này thì Hoàng cầm đang công tác văn nghệ ở Việt Bắc. Hay tin giặc tàn phá quê hương mình, ông xúc động viết một mạch từ 12 giờ đêm đến gần sáng bài thơ nói trên với tâm trạng “niềm căm giận và thương cảm sâu sắc” như chính nhà thơ đã có lần tâm sự.

Câu 2 (4,0 điểm): Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) bàn về vấn đề: Tuổi trẻ và lòng nhân ái.

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	- Đoạn trích được viết theo thể thơ: Tự do - Dấu hiệu: Số chữ trong câu, số câu trong một khổ không bằng nhau Hướng dẫn chấm: - Trả lời được như đáp án: 0,5 điểm - Trả lời sai/ Không trả lời: 0 điểm	0,5
	2	Những hình ảnh miêu tả sự vất vả của bà: bàn chân bà từa máu, mồ hôi xuống như mưa, lưng bà còng Hướng dẫn chấm: - Trả lời đúng 2 – 3 hình ảnh: 0,5 điểm - Trả lời đúng 1 hình ảnh: 0,25 điểm	0,5
	3	- Hai câu thơ thể hiện sự gian nan, vất vả của người bà - Sự đồng cảm, thấu hiểu, xót xa và biết ơn của cháu trước công lao, sự hi sinh thầm lặng của người bà. Hướng dẫn chấm: - Trả lời được như đáp án hoặc diễn đạt tương đương: 1,0 điểm - Trả lời được ½ số ý: 0,5 điểm	1,0
	4	Cảm hứng chủ đạo: - Nỗi xót xa của người cháu đối với những vất vả, nhọc nhằn của bà. - Lòng biết ơn của người cháu đối với sự hi sinh thầm lặng của bà. Hướng dẫn chấm: - Trả lời được như đáp án: 1,0 điểm - Trả lời được 1/2 đáp án: 0,5 điểm - Trả lời sai/ Không trả lời: 0 điểm - HS có cách diễn đạt tương đương vẫn cho điểm tối đa.	1,0
	5	HS trình bày cảm nhận của mình chân thực, hợp lí, thuyết phục về một trong những vấn đề sau: - Hình ảnh người bà luôn gắn liền với kí ức tuổi thơ của con người bởi: + Bà là người thay mẹ chăm sóc, nuôi nấng, yêu thương chúng ta khi còn thơ bé. + Bà là người tảo tần, lam lũ, giàu đức hi sinh. Bà đã đánh thức niềm yêu thương, lòng biết ơn trong tâm hồn chúng ta ngay từ thời thơ ấu. Những tình cảm đó hằn sâu trong kí ức mỗi chúng ta và bất biến theo thời gian. + Bà còn là hiện thân cho quê hương, cho nguồn cội. Vì thế, bà luôn gắn liền với kí ức tuổi thơ của chúng ta. Hướng dẫn chấm: - HS trình bày cảm nhận của cá nhân ngắn gọn nhưng tinh tế, sâu sắc: 0,75 – 1,0 điểm - HS trình bày cảm nhận của cá nhân chung chung, sơ sài: 0,25 – 0,5 điểm	1,0
II		VIẾT	6,0
	1	Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) phân tích, đánh giá tâm trạng của nhân vật trữ tình trong đoạn thơ	2,0
		a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn: Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: tâm trạng của nhân vật trữ tình trong đoạn thơ	0,25

	<p><i>c. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu</i></p> <p>Lựa chọn được các thao tác lập luận phù hợp, kết hợp chặt chẽ lí lẽ và dẫn chứng trên cơ sở đảm bảo những nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hồi tưởng, nhớ thương về quá khứ bình yên, tươi đẹp của quê hương: + Một dòng sông đẹp như đang lấp lánh”; lấp lánh ánh bình minh, lấp lánh trắng sao soi vào gương sông trong xanh. Nhớ về dáng hình, về thể đứng của nó trong lịch sử: “Nằm nghiêng nghiêng trong kháng chiến trường kỳ” + Đôi bờ dòng sông quê hương là một màu “xanh xanh” bát ngát, là sắc “biêng biếc” của bãi mía, bờ dâu, của ngô khoai -> bức tranh quê trù phú, giàu đẹp. - Xót xa, đau đớn trước thực tại quê hương khi bị giặc chiếm đóng: + Cảm giác bàng hoàng, thương xót: Sao nhớ tiếc... sao xót xa..." vì quê hương đang chìm trong máu lửa. Nỗi nhớ, nỗi đau đến cực độ, làm tê tái cả hồn người, làm "chết đi" từng phần cơ thể. Câu thơ "Sao xót xa như rụng bàn tay" đã cụ thể hóa nỗi đau đớn xót xa cả về thể xác lẫn tinh thần + Nỗi đau đớn tột cùng: Tiếc nuối, buồn thương trước cảnh quê hương tan tác bằng một nỗi đau có thể cảm nhận bằng da thịt "sao xót xa như rụng bàn tay". 	1,0
	<p><i>d. Diễn đạt:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu về việc triển khai các luận điểm, lựa chọn các thao tác lập luận. - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn 	0,25
	<p><i>e. Sáng tạo:</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận, có cách diễn đạt mới mẻ</p>	0,25
2	<p>Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) bàn về vấn đề: Tuổi trẻ và lòng nhân ái.</p>	4,0
	<p><i>a. Đảm bảo bố cục và dung lượng của bài văn nghị luận</i></p> <p>Đảm bảo yêu cầu về bố cục và dung lượng (khoảng 600 chữ) của bài văn</p>	0,25
	<p><i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: Tuổi trẻ và lòng nhân ái.</i></p>	0,5
	<p><i>c. Viết được bài văn đảm bảo các yêu cầu</i></p> <p>Lựa chọn được các thao tác lập luận phù hợp, kết hợp nhuần nhuyễn, chặt chẽ lí lẽ và dẫn chứng; trình bày được hệ thống ý phù hợp theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận. Có thể triển khai theo hướng:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Mở bài: Giới thiệu vấn đề: Tuổi trẻ và lòng nhân ái và khẳng định tuổi trẻ cần biết sống nhân ái. 2. Thân bài: <ul style="list-style-type: none"> * Giải thích: Lòng nhân ái: tình yêu thương giữa con người với con người, sẵn sàng đồng cảm, chia sẻ, thấu hiểu và giúp đỡ người khác khi người ta gặp khó khăn. Rộng hơn nữa chính là tình đồng bào, tinh thần đoàn kết. * Bàn luận: <ul style="list-style-type: none"> - Biểu hiện của người có lòng nhân ái: <ul style="list-style-type: none"> + Luôn sẵn sàng đồng cảm, chia sẻ, thấu hiểu và giúp đỡ người khác khi người ta gặp khó khăn. + Luôn yêu thương mọi người, sẵn sàng cho đi mà không mong nhận lại, không ích kỉ nhỏ nhen, tính toán thiệt hơn với người khác. + Sống chan hòa với mọi người xung quanh, luôn mang những điều tích cực đến cho mọi người và lan tỏa được những thông điệp, hành động tốt 	2,5

	<p>đẹp ra xã hội.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ý nghĩa của lòng nhân ái trong cuộc sống: + Cuộc sống vẫn còn nhiều mảnh đời khó khăn, bất hạnh, giúp đỡ nhau làm cuộc sống của con người ngày càng tốt lên, xã hội phát triển hơn, những thông điệp tốt đẹp sẽ được lan tỏa đến mọi người. + Khi chúng ta sống yêu thương, ta sẽ thấy cuộc đời ý nghĩa hơn, mọi người sẽ yêu quý, tôn trọng chúng ta nhiều hơn. + Một xã hội được xây dựng trên cơ sở của lòng nhân ái là một xã hội mơ ước, đáng sống, sẽ đẩy xa được sự ích kỉ, lạnh lùng, vô cảm. - Mở rộng vấn đề, trao đổi với những quan điểm trái chiều * Liên hệ bản thân và rút ra bài học – Những biểu hiện của lối sống, phẩm chất nhân ái ở bản thân anh/chị? – Làm thế nào để tuổi trẻ ngày càng sống nhân ái hơn? <p>3. Kết bài: Khẳng định lại sự cần thiết của lối sống, phẩm chất nhân ái ở người trẻ tuổi.</p> <p><i>Lưu ý: HS có thể trình bày suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</i></p>	
	<p>d. Diễn đạt</p> <ul style="list-style-type: none"> - Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu về việc triển khai các luận điểm, lựa chọn các thao tác lập luận. - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt, liên kết văn bản. 	0,25
	<p>e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận, có cách diễn đạt mới mẻ</p>	0,5
Tổng điểm		10

--HẾT--

<p>PHÁT TRIỂN TỪ ĐỀ MINH HỌA</p> <p>ĐỀ 7</p>	<p>ĐỀ ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT 2025</p> <p>MÔN: NGỮ VĂN</p> <p>Thời gian: 90 phút</p>
--	--

Họ, tên thí sinh:.....

Số báo danh:.....

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)**Đọc văn bản sau:**

*Cát vắng, sông đầy, cây ngán ngơ,
Không gian xao xuyến chuyển sang mùa.
Tên mình ai gọi sau vòm lá,
Lối cũ em về nay đã thu.*

Mây trắng bay đi cùng với gió,
Lòng như trời biếc lúc nguyên sơ.
Đắng cay gửi lại bao mùa cũ,
Thơ viết đôi dòng theo gió xa.

Khắp nẻo dăng đầy hoa cỏ may
Áo em sơ ý cỏ găm đầy
Lời yêu mỏng mảnh như màu khói,
Ai biết lòng anh có đổi thay?

(Xuân Quỳnh, *Hoa cỏ may*, dẫn theo thivien.net)

Thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 5 (trình bày ngắn gọn):

Câu 1. (NB) (0,5 điểm): Xác định đề tài văn bản trên.

Câu 2. (NB) (0,5 điểm): Khung cảnh mùa thu được thể hiện qua những hình ảnh nào trong đoạn thơ sau:

*Cát vắng, sông đầy, cây ngẩn ngơ,
Không gian xao xuyến chuyển sang mùa.
Tên mình ai gọi sau vòm lá,
Lối cũ em về đã sang thu.*

Câu 3. (TH) (1,0 điểm): Nêu tác dụng của biện pháp tu từ so sánh trong câu thơ: *Lòng như trời biếc lúc nguyên sơ*.

Câu 4. (TH) (1,0 điểm): Xác định cảm hứng chủ đạo trong văn bản trên.

Câu 5. (VD) (1,0 điểm): So sánh hai câu thơ cuối của văn bản trên với hai câu thơ sau, từ đó nhận xét vẻ đẹp của tâm hồn Xuân Quỳnh trong tình yêu.

*Em đâu dám nghĩ là vĩnh viễn,
Hôm nay yêu, mai có thể xa rồi.*

(Xuân Quỳnh, Trích *Nói cùng anh*, dẫn theo thivien.net)

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) phân tích hình ảnh thiên nhiên trong bài thơ *Hoa cỏ may*.

Câu 2. (4,0 điểm)

Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày ý kiến của anh/chị về vấn đề: Tuổi trẻ cần phải dần thân để trưởng thành.

-Thí sinh không được sử dụng tài liệu.

-Giám thị không giải thích gì thêm.

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Hướng dẫn chấm: Đề tài của văn bản: Tình yêu. - Học sinh trả lời như đáp án. (0,5đ) - Học sinh không trả lời hoặc trả lời nhưng đáp án không hợp lí. (0,0đ)	0,5
	2	Hướng dẫn chấm: Khung cảnh mùa thu được thể hiện qua những hình ảnh: cát vắng, sông đầy, cây ngẩn ngơ. - Học sinh trả lời như đáp án hoặc 02 hình ảnh trong đáp án (0,5đ) - Học sinh trả lời 01 hình ảnh (0,25đ) - Học sinh không trả lời hoặc trả lời không đúng (0,0đ)	0,5
	3	Hướng dẫn chấm: Tác dụng của biện pháp tu từ so sánh trong câu thơ: <div style="text-align: center;">Lòng như trời biếc lúc nguyên sơ.</div> + Tăng hiệu quả diễn đạt, làm cho câu thơ gợi hình, gợi cảm, sinh động, hấp dẫn. + Giúp cho người đọc hình dung rõ hơn vẻ đẹp tâm hồn của nhân vật trữ tình trong tình yêu: trong sáng, tinh khôi, thuần khiết. - Học sinh trả lời được 2 ý như đáp án hoặc cách diễn đạt tương tự. (1,0đ) - Học sinh trả lời được 1 ý của đáp án hoặc cách diễn đạt tương tự. (0,5đ) - Học sinh trả lời không như đáp án hoặc không trả lời. (0,0đ)	1,0
	4	Hướng dẫn chấm: Cảm hứng chủ đạo của văn bản trên: + Xao xuyến, vui mừng trước vẻ đẹp thơ mộng, trữ tình của thiên nhiên mùa thu. + Lo lắng, suy ngẫm về sự mỏng manh của tình yêu lứa đôi. - Học sinh trả lời như đáp án hoặc cách diễn đạt tương tự như đáp án. (1,0đ) - Học sinh trả lời được 1 ý của đáp án hoặc cách diễn đạt tương tự (0,5đ) - Học sinh trả lời không như đáp án hoặc không trả lời. (0,0đ)	1,0

	5	<p>-Hướng dẫn chấm: Về đẹp của tâm hồn Xuân Quỳnh trong tình yêu:</p> <p>+ Chân thành, đắm thắm và luôn da diết trong khát vọng hạnh phúc bình dị đời thường.</p> <p>+ Luôn lo âu, trăn trở trong tình yêu.</p> <p>- Học sinh trả lời như đáp án hoặc cách diễn đạt tương tự như đáp án. (1,0đ)</p> <p>- Học sinh trả lời được 1 ý của đáp án hoặc cách diễn đạt tương tự (0,5đ)</p> <p>- Học sinh trả lời không như đáp án hoặc không trả lời. (0,0đ)</p>	1,0
II		VIẾT	6,0
	1	Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) phân tích hình ảnh thiên nhiên trong bài thơ Hoa cỏ may (Xuân Quỳnh).	2,0
		<p>a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn</p> <p>Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành.</p>	0,25
		<p>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận</p> <p>Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Phân tích hình ảnh thiên nhiên trong bài thơ Hoa cỏ may (Xuân Quỳnh)</p>	0,25
		<p>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận</p> <p>- Xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận, sau đây là một số gợi ý:</p> <p>+ Bức tranh thiên nhiên mùa thu lúc giao mùa thơ mộng, nhẹ nhàng, êm dịu;</p> <p>+ Trí tưởng tượng phong phú; ngôn ngữ tinh tế; các hình ảnh sống động, mềm mại, ...</p>	0,5
		<p>d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau</p> <p>- Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận.</p> <p>- Trình bày rõ quan điểm hệ thống các ý.</p> <p>- Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng.</p>	0,5
		<p>đ. Diễn đạt</p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.</p>	0,25
		<p>e. Sáng tạo</p> <p>Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới</p>	0,25

	mê.	
2	Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày ý kiến của anh/chị về vấn đề: Tuổi trẻ cần phải dần thân để trưởng thành.	4,0
	a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài: Nghị luận xã hội. Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.	0,25
	b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: Tuổi trẻ cần phải dần thân để trưởng thành.	0,5
	c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận - Xác định được các ý chính của bài viết. - Sắp xếp được các ý hợp lí theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận: Gợi ý: * Mở bài: Giới thiệu được vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm cá nhân về vấn đề nghị luận. * Thân bài: Triển khai vấn đề nghị luận. - Giải thích: Tinh thần dần thân là sự nỗ lực hết mình, dám thử thách, đối đầu với những khó khăn thách thức, không ngại khó ngại khổ. - Bày tỏ quan điểm của người viết, có thể theo một số gợi ý sau: + Tinh thần dần thân giúp khơi gợi sự sáng tạo và tự tin ở mỗi người, là cơ sở để người trẻ trưởng thành hơn. + Dần thân để trải nghiệm cuộc sống, khám phá và phát hiện đam mê, hoài bão của bản thân, tạo nên sự chín chắn trong suy nghĩ và hành động. + Mở rộng được các mối quan hệ xã hội. + Tinh thần dần thân còn mang lại hạnh phúc và cuộc sống tươi đẹp cho mỗi người. - Nêu được dẫn chứng và phân tích dẫn chứng. - Mở rộng, bày tỏ quan điểm trái chiều hoặc ý kiến khác để có cái nhìn toàn diện hơn: + Dần thân không có nghĩa là liều lĩnh, bấp chập. + Sự dần thân cần có trí tuệ, bản lĩnh để trưởng thành hơn. + Chỉ dần thân là chưa đủ mà cần rèn luyện nhiều phẩm chất khác. - Đề xuất phương hướng hành động: + Đầu tư vào bản thân bằng việc nâng cao kiến thức, kĩ năng, sức khoẻ. + Dám đối diện với khó khăn, thử thách. + Tin tưởng vào chính mình. + Rèn luyện nhân cách và tu dưỡng phẩm chất. * Kết bài: Khẳng định lại quan điểm cá nhân và rút ra bài học cho bản thân. Hướng dẫn chấm: - Học sinh triển khai được hệ thống ý đầy đủ, phù hợp: 1,0 điểm. - Học sinh triển khai hệ thống ý chưa logic, chung chung: 0,5 – 0,75	1,0

	điểm. - Học sinh tỏ ra chưa hiểu vấn đề: không cho điểm.	
	d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau - Triển khai được ít nhất hai luận điểm để làm rõ quan điểm cá nhân. - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng. Lưu ý: Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	1,5
	đ. Diễn đạt Bảo đảm chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.	0,25
	e. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
	Tổng điểm	10,0

----- HẾT -----

PHÁT TRIỂN TỪ ĐỀ MINH HỌA ĐỀ 8	ĐỀ ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT 2025 MÔN: NGỮ VĂN Thời gian: 90 phút
---	---

I. PHẦN ĐỌC HIỂU

Đọc đoạn trích sau:

(1) Đó là mùa của những tiếng chim reo
Trời xanh biếc, nắng tràn lên khắp ngả
Đất thành cây, mặt trào lên vị quả
Bước chân người bỗng mở những đường đi

(2) Đó là mùa không thể giấu che
Cả vạn vật đều phơi trần dưới nắng
Biển xanh thẳm, cánh buồm lồng lộng trắng
Từ những miền cay đắng hóa thành thơ.

(3) Đó là mùa của những ước mơ
Những dự vọng muôn đời không kể xiết
Gió bão hòa, mưa thành sông thành bể
Một thoáng nhìn có thể hóa tình yêu

(4) Đó là mùa của những buổi chiều
Cánh diều giấy nghiêng vòm trời cao vút
Tiếng dế thức suốt đêm dài oi bức
Tiếng cuốc dồn thúc giục nắng đang trưa

(5) Mùa hạ của tôi, mùa hạ đã đi chưa
Ôi tuổi trẻ bao khát khao còn, hết
Mà mặt đất màu xanh là vẫn biển
Quả ngọt ngào thắm thiết vẫn màu hoa.

(Mùa hạ, Thơ Xuân Quỳnh, Xuân Quỳnh, NXB Văn học, 2016, tr. 34)

* **Chú thích:** Xuân Quỳnh là một trong những nhà thơ nữ tiêu biểu của văn học Việt Nam hiện đại. Thơ Xuân Quỳnh đậm vẻ đẹp nữ tính, thể hiện tiếng nói của một tâm hồn trắc ẩn, chân thực, hồn hậu, luôn khát khao về hạnh phúc đời thường. Bài thơ *Mùa hạ* được nữ nghệ sĩ viết khi tuổi thanh xuân đã qua.

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1: Chỉ ra dấu hiệu để xác định thể thơ của đoạn trích.

Câu 2: Chỉ ra hình ảnh miêu tả bức tranh thiên nhiên, cảnh vật mùa hạ được nhắc đến trong đoạn (2).

Câu 3: Chỉ ra và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ liệt kê trong khổ thơ (1).

Câu 4: Thông điệp có ý nghĩa nhất với em sau khi đọc đoạn trích là gì? Vì sao?

Câu 5: Đoạn trích đã tái hiện bức tranh thiên nhiên mùa hè rực rỡ, cũng như mùa của tuổi trẻ, của đam mê khát vọng. Từ đó, em trình bày suy nghĩ về những điều đẹp đẽ mà tuổi trẻ Việt Nam làm cho tổ quốc. (trình bày khoảng 5 - 7 dòng).

II. PHẦN VIẾT

Câu 1: Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) phân tích hình ảnh mùa hè qua cảm nhận của nhân vật trữ tình tôi trong đoạn thơ sau:

(1) Đó là mùa của những tiếng chim reo
Trời xanh biếc, nắng tràn lên khắp ngả
Đất thành cây, mặt trào lên vị quả
Bước chân người bỗng mở những đường đi.

Câu 2: Cố nhạc sĩ Trần Lập từ viết: *Chặng đường nào trái bước trên hoa hồng/ Bàn chân cũng thấm đau vì những mũi gai*. Với tư duy của một người trẻ, em hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) bàn về cách ứng xử đúng khi đối diện với khó khăn.

----- HẾT -----

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Môn: Ngữ văn, lớp 12

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
------	-----	----------	------

I	ĐỌC HIỂU	4,0
1	Số chữ trong các dòng không bằng nhau là dấu hiệu để xác định thể thơ tự do của đoạn trích. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án: 0,5 điểm.	0,5
2	Từ ngữ, hình ảnh miêu tả bức tranh thiên nhiên mùa hạ được nhắc đến trong đoạn (2) là: “Cả vạn vật đều phơi trần dưới nắng”, “Biển xanh thăm”, “cánh buồm lồng lộng trắng”. Hướng dẫn chấm: - Trả lời như đáp án: 0,5 điểm. - Học sinh trả lời đúng 1 ý được 0,25	0,5
3	Chỉ ra và phân tích hiệu quả nghệ thuật của biện pháp tu từ liệt kê trong khổ thơ (1): - Biện pháp tu từ: liệt kê “tiếng chim reo”, “trời xanh biếc”, “nắng tràn khắp ngả”, “đất thành cây”, “mật trào lên vị quả”. - Tác dụng: + Về nghệ thuật: tăng tính biểu cảm, hấp dẫn, sinh động cho câu thơ + Về nội dung: Nhấn mạnh mùa hè đến tươi đẹp với âm thanh rộn rã, màu sắc rực rỡ, tràn ngập hương vị ngọt ngào và căng tràn nhựa sống. - Hướng dẫn chấm: + Xác định đúng biện pháp tu từ được 0,5 điểm + Nêu được đầy đủ hiệu quả nội dung và nghệ thuật được 0,5 điểm, chỉ nêu được hiệu quả nghệ thuật được 0,25 điểm	1,0
4	HS có thể chọn một trong số các thông điệp và đưa ra lí giải hợp lí, thuyết phục: - Mùa hạ - mùa của tuổi trẻ, của đam mê và khát vọng lớn lao, cần cháy hết mình cho tuổi trẻ. - Sự sống đích thực bắt diệt khi con người biết cháy hết mình với những khát vọng của tuổi trẻ. - Sống có ý nghĩa thì mùa hạ vẫn mãi bên ta... - Hướng dẫn chấm: + Chỉ ra được thông điệp liên quan đến đặc điểm mùa hạ của thiên nhiên và mùa hạ (tuổi trẻ) của đời người được 0,5 điểm + Học sinh trình bày, giải thích hợp lí theo thông điệp có thể triển khai theo các kiểu đoạn văn diễn dịch, quy nạp, tổng phân hợp, móc xích, song hành được 0,5 giải thích.	1,0
5	Những điều đẹp đẽ mà tuổi trẻ Việt Nam làm cho tổ quốc: - Chiến đấu chống giặc ngoại xâm bảo vệ nền độc lập dân tộc. - Nỗ lực học tập, trau dồi bản thân, rèn luyện đạo đức, sống có ước mơ, hoài bão, mục tiêu và cố gắng vươn lên. - Tích cực tham gia vào các hoạt động công ích, các hoạt động tình nguyện, sẵn sàng chia sẻ, giúp đỡ người khác. - Sống có tinh thần tập thể, đi theo cái hay, cái đúng, bỏ qua cái tôi vì lợi ích chung của cộng đồng. - Hướng dẫn chấm: + Chỉ ra được những điều tốt đẹp được 0,5 điểm + Học sinh trình bày, giải thích hợp lí theo thông điệp có thể triển khai theo các kiểu đoạn văn diễn dịch, quy nạp, tổng phân hợp, móc xích, song hành được 0,5 giải thích.	1,0
II	LÀM VĂN	7,0
1	Đoạn văn phân tích hình ảnh mùa hè qua cảm nhận của nhân vật trữ tình tôi trong đoạn trích ở phần Đọc - hiểu. a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng - phân - hợp, móc xích hoặc song hành. b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận	2,0 0,25 0,25

	Hình ảnh mùa hè qua cảm nhận của nhân vật trữ tình tôi	
	<p>c. <i>Triển khai vấn đề nghị luận</i></p> <p>Xác định được các ý phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận, sau đây là một số gợi ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bức tranh thiên nhiên mùa hạ tươi sáng, căng tràn sức sống mang đặc trưng của làng quê qua các hình ảnh: <i>tiếng chim reo, Trời xanh biếc, nắng tràn lên khắp ngả, Đất thành cây, mặt trào lên vị quả,</i> - Mùa hạ còn là mùa mà những chặng đường mới được mở ra. Hình ảnh hoán dụ <i>bước chân người</i> gợi liên tưởng đến những bước chân tuổi trẻ mạnh mẽ, nhiệt huyết tiến lên khám phá và mở ra những con đường mới. => Đoạn thơ cũng là tiếng nói của tuổi trẻ lạc quan và khát vọng cống hiến. - Sắp xếp hệ thống ý hợp lý theo đặc điểm của kiểu đoạn văn. - Nghệ thuật thể hiện bức tranh thiên nhiên: <ul style="list-style-type: none"> + Gieo vần chân + Cách ngắt nhịp linh hoạt tạo tính nhạc cho thơ. + Ngôn ngữ chọn lọc, hình ảnh tươi sáng. Kết hợp các biện pháp nghệ thuật: liệt kê, hoán dụ... 	1,0
	<p>d. <i>Diễn đạt</i></p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp. 	0,25
	<p>e. <i>Sáng tạo</i></p> <p>Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p> <p>Hướng dẫn chấm: Học sinh huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận; có cách nhìn riêng, mới mẻ về vấn đề nghị luận; có sáng tạo trong viết câu, dựng đoạn, làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh.</p> <p>- Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm.</p>	0,25
2	<p>Cố nhạc sĩ Trần Lập từ viết: <i>Chặng đường nào trải bước trên hoa hồng/ Bàn chân cũng thấm đau vì những mũi gai.</i> Với tư duy của một người trẻ, em hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) bàn về cách ứng xử đúng khi đối diện với khó khăn.</p>	4,0
	<p>a. <i>Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận</i></p> <p>Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.</p>	0,25
	<p>b. <i>Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i></p> <p>Cách ứng xử đúng khi đối diện với khó khăn.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh xác định đúng vấn đề cần nghị luận: 0,5 điểm. - Học sinh xác định chưa đầy đủ vấn đề nghị luận: 0,25 điểm. 	0,5
	<p>c. <i>Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i></p> <p>Thí sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sắp xếp được các ý theo bố cục hợp lí ba phần của bài văn nghị luận: * Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm của cá nhân về vấn đề. * Triển khai vấn đề nghị luận: <ul style="list-style-type: none"> - Giải thích: Khó khăn là những trắc trở, chông gai, những rào cản không mong muốn mà ta gặp phải trong cuộc sống. - Bàn luận: <ul style="list-style-type: none"> + Người trẻ cần có nhận thức rõ ràng khó khăn là một phần tất yếu trong cuộc sống và nên cần có những cách xử lí phù hợp. + Giữ vững tinh thần trước mọi khó khăn, quyết tâm, nỗ lực vượt qua; biết rút ra những bài học kinh nghiệm sau mỗi lần gặp khó khăn; xem khó khăn như là 	2,5

	<p>thử thách, một bài học để bản thân được tôi luyện.</p> <p>+ Biết chia sẻ những cảm xúc tiêu cực với người khác, cân bằng cảm xúc cá nhân khi phải đối diện với khó khăn; luôn giữ tinh thần lạc quan, nhìn nhận vấn đề tích cực để không bị nhấn chìm trong sự bi quan, tiêu cực...</p> <p>- Mở rộng, trao đổi với quan điểm trái chiều hoặc ý kiến khác để có cái nhìn toàn diện,...</p> <p>* Khẳng định lại quan điểm cá nhân đã trình bày và rút ra bài học cho bản thân</p> <p>Lưu ý: Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh phân tích đầy đủ, sâu sắc: 2,5 điểm.</p> <p>- Học sinh phân tích chưa đầy đủ hoặc chưa sâu : 1,75 điểm - 2,25 điểm.</p> <p>- Học sinh phân tích chung chung, chưa rõ các biểu hiện: 1,0 điểm - 1,5 điểm.</p> <p>- Học sinh phân tích sơ lược, không rõ các biểu hiện: 0,25 điểm - 0,75 điểm.</p>	
	<p>d. Chính tả, ngữ pháp</p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.</p> <p>Hướng dẫn chấm: Không cho điểm nếu bài làm mắc quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.</p>	0,25
	<p>e. Sáng tạo</p> <p>Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p> <p>Hướng dẫn chấm: Học sinh biết vận dụng, biết liên hệ vấn đề nghị luận với thực tiễn đời sống; văn viết giàu hình ảnh, cảm xúc.</p> <p>- Đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên: 0,5 điểm.</p> <p>- Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm.</p>	0,5
Tổng điểm		10,0

PHÁT TRIỂN TỪ ĐỀ MINH HỌA	ĐỀ ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT 2025
ĐỀ 9	MÔN: NGỮ VĂN
	Thời gian: 90 phút

I. PHÂN ĐỌC HIỂU

Đọc đoạn trích sau:

Có vị ngọt ngào từ ngọn gió mùa đông
 Ấp ủ trái tim dịu dàng nhỏ bé,
 Gió mùa ơi, gọi bình minh nhẹ nhẹ
 Hơi ấm nồng, công mẹ chẳng chiu...

Ngọn gió mùa đánh thức giấc mơ con
 Tuổi thơ con bên nồi cơm gạo mới
 Cha lặng lẽ giấu nhọc nhằn trong gió lạnh
 Con tép, con tôm đưa con bước vào đời...

Gió mùa về mang bao nỗi nhớ à ơi
 Câu hát ru vang vọng gian nhà nhỏ
 Kẹo kẹo ầu ơ, mẹ gánh mỗi mồn
 Se sắt nỗi lòng thơm “giấc mơ con”

Cơn gió mùa da diết nhớ thương con
 Gửi biết ơn trong từng cơn gió lạnh
 Gửi tình yêu vào lòng ấm nóng

Cha mẹ cho con sinh cõi nhân lành (Trích Gió mùa, Vũ Thị Phương, tạp chí Văn học & Tuổi trẻ, số tháng 11 (534+535) năm 2023)

* **Ghi chú:** Vũ Thị Phương là cây bút trẻ đầy triển vọng của nền văn học Việt Nam đương đại. Thơ của Vũ Thu Phương viết về những điều giản dị trong cuộc sống nhưng chứa đựng những triết lí sâu sắc. Bài thơ *Gió mùa* in trong tập thơ cùng tên.

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1: Chỉ ra dấu hiệu để xác định thể thơ của đoạn trích.

Câu 2: Chỉ ra hai hình ảnh về kí ức tuổi thơ của nhân vật trữ tình đã được “đánh thức” bởi ngọn gió mùa.

Câu 3: Nêu sự vận động cảm xúc của nhân vật trữ tình trong đoạn trích.

Câu 4: Em cảm nhận được điều gì về cuộc đời của cha mẹ từ hai câu thơ?

Cha lặng lẽ giấu nhọc nhằn trong gió lạnh

Con tép, con tôm đưa con bước vào đời...

Câu 5: Cha mẹ đã hi sinh cả cuộc đời nuôi con khôn lớn. Hãy bày tỏ suy nghĩ của em về những việc cần làm để đền đáp công ơn đó (trình bày khoảng 5-7 dòng).

II. PHẦN VIẾT

Câu 1:

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) phân tích làm rõ cảm xúc của nhân vật trữ tình trong ngữ liệu ở phần Đọc hiểu.

Câu 2:

Tuổi trẻ là khoảng thời gian đẹp nhất của đời người; độ tuổi dồi dào năng lượng, tràn đầy nhiệt huyết và đam mê, đây là những chủ nhân tương lai của đất nước.

Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) bày tỏ suy nghĩ của em về những việc cần làm để phát triển đất nước ở giới trẻ hiện nay.

----- **HẾT** -----

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Số chữ trong các dòng không bằng nhau là dấu hiệu để xác định thể thơ tự do của đoạn trích. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án: 0,5 điểm. - Học sinh trả lời không đúng: không cho điểm.	0,5
	2	Hai hình ảnh về kí ức tuổi thơ của nhân vật trữ tình đã được “đánh thức” bởi ngọn gió mùa là: “nồi cơm gạo mới”, “câu hát ru”. Hướng dẫn chấm: - Học sinh chỉ ra được đủ (2/2): 0,5 điểm. - Học sinh chỉ ra được 1/2 cụm từ: 0,25 điểm. - Học sinh trả lời không đúng: không cho điểm.	0,5
	3	Sự vận động cảm xúc của nhân vật trữ tình: - Nỗi nhớ tha thiết, hoài niệm về kí ức tuổi thơ. - Xót xa trước những khó khăn, vất vả của cha mẹ; biết ơn, yêu thương, trân trọng trước sự hy sinh cao cả của đảng sinh thành để con khôn lớn. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án hoặc có cách diễn đạt tương đương: 1,0 điểm. - Học sinh trả lời 1 ý của đáp án: 0,5 điểm. - Học sinh trả lời không hợp lí: không cho điểm.	1,0
	4	- Hai câu thơ nói về cuộc đời người cha dù trong gió lạnh vẫn làm lụng để nuôi con khôn lớn. - Qua đó cảm nhận được cuộc đời của cha mẹ luôn vất vả, cực nhọc, hy sinh, dành tình yêu thương to lớn cho những đứa con. - Bản thân mỗi người cần biết ơn, yêu thương, quan tâm, kính trọng, báo đáp công ơn dưỡng dục của cha mẹ. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án hoặc có cách diễn đạt tương đương: 1,0 điểm.	1,0

		<p>- Học sinh trả lời 1 ý của đáp án: 0,25 điểm.</p> <p>- Học sinh trả lời không hợp lý: không cho điểm.</p> <p>GV cân nhắc mức độ hợp lý để cho điểm.</p>	
	5	<p>Cha mẹ đã hi sinh cả cuộc đời nuôi con khôn lớn. Từ đó em có suy nghĩ về những việc cần làm để đền đáp công ơn đó. Có thể theo hướng: biết ơn, trân trọng cha mẹ; dành thời gian quan tâm yêu thương, hiếu thảo...</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh trả lời như đáp án hoặc có cách diễn đạt tương đương: 1,0 điểm.</p> <p>- Học sinh trả lời 1 ý của đáp án: 0,25 điểm.</p> <p>- Học sinh trả lời không hợp lý: không cho điểm.</p>	
II		LÀM VĂN	6,0
	1	<p>Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) phân tích làm rõ cảm xúc của nhân vật trữ tình trong ngữ liệu ở phần Đọc hiểu.</p> <p>a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn. Bảo đảm yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, phối hợp, móc xích hoặc song hành.</p> <p>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận. Đánh giá chủ đề và những nét đặc sắc nghệ thuật trong đoạn trích.</p> <p>c. Viết đoạn văn bảo đảm các yêu cầu Lựa chọn được các thao tác lập luận phù hợp, kết hợp chặt chẽ lí lẽ và dẫn chứng trên cơ sở bảo đảm những nội dung sau: - Cảm xúc của nhân vật trữ tình: Nỗi nhớ tha thiết, hoài niệm về kí ức tuổi thơ. Đồng thời xót xa trước những khó khăn, vất vả của cha mẹ; biết ơn, yêu thương, trân trọng trước sự hy sinh cao cả của đáng sinh thành để con khôn lớn. - Nghệ thuật: Thể thơ tự do; từ ngữ, hình ảnh giản dị, mộc mạc; giọng điệu tha thiết, sâu lắng; kết hợp nhiều biện pháp nghệ thuật điệp ngữ, liệt kê...</p> <p>Hướng dẫn chấm: HS có thể trình bày quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</p> <p>d. Diễn đạt Bảo đảm chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết trong đoạn văn.</p> <p>Hướng dẫn chấm: GV cân nhắc mức độ hợp lý để cho điểm.</p> <p>đ. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p> <p>Hướng dẫn chấm: Học sinh huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận; có sáng tạo trong viết câu, dựng đoạn, làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh.</p>	<p>2,0</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>1,0</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p>
	2	<p>Tuổi trẻ là khoảng thời gian đẹp nhất của đời người; độ tuổi dồi dào năng lượng, tràn đầy nhiệt huyết và đam mê, đây là những chủ nhân tương lai của đất nước.</p> <p>Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) bày tỏ suy nghĩ của em về những việc cần làm để phát triển đất nước ở giới trẻ hiện nay.</p> <p>a. Bảo đảm bố cục và dung lượng của bài văn nghị luận Bảo đảm yêu cầu về bố cục và dung lượng (khoảng 600 chữ) của bài văn.</p> <p>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận. Những việc cần làm để phát triển đất nước ở giới trẻ hiện nay.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh xác định đúng vấn đề cần nghị luận: 0,5 điểm.</p> <p>- Học sinh xác định chưa đầy đủ vấn đề cần nghị luận: 0,25 điểm.</p> <p>c. Viết được bài văn nghị luận bảo đảm các yêu cầu Lựa chọn được các thao tác lập luận phù hợp, kết hợp nhuần nhuyễn lí lẽ và</p>	<p>4,0</p> <p>0,25</p> <p>0,5</p> <p>2,5</p>

	<p>dẫn chứng; trình bày được hệ thống ý phù hợp theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận. Có thể triển khai theo hướng:</p> <p>*Mở bài: Giới thiệu vấn đề nghị luận.</p> <p>*Thân bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải thích vấn đề: Những việc cần làm để phát triển đất nước là nghĩa vụ, hành động thiết thực của người trẻ để góp phần xây dựng tổ quốc. - Bàn luận: <ul style="list-style-type: none"> + Cố gắng học tập, trau dồi tri thức để khẳng định được giá trị của bản thân cũng như xây dựng đất nước. + Rèn luyện đạo đức, hoàn thiện nhân cách; sống và làm việc theo pháp luật. + Có lòng nhân ái, yêu thương, biết quan tâm, chia sẻ với những người xung quanh. + Kiên cường, dũng cảm, không khuất phục trước những khó khăn. + Giữ gìn và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc... - Mở rộng, trao đổi với quan điểm trái chiều hoặc ý kiến khác để có cái nhìn toàn diện... <p>*Kết bài: Khẳng định lại quan điểm cá nhân đã trình bày và rút ra bài học cho bản thân.</p> <p>Lưu ý: Thí sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</p>	
	<p>d. Diễn đạt</p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p><i>HS có thể trình bày quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</i></p>	0,25
	<p>đ. Sáng tạo</p> <p>Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p> <p>Hướng dẫn chấm: Học sinh biết vận dụng, biết liên hệ vấn đề nghị luận với thực tiễn đời sống; văn viết giàu hình ảnh, cảm xúc.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên: 0,5 điểm. - Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm. 	0,5
Tổng điểm		10,0

PHÁT TRIỂN TỪ ĐỀ MINH HỌA**ĐỀ 10****ĐỀ ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT 2025****MÔN: NGỮ VĂN****Thời gian: 90 phút****I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)****Đọc văn bản: MÙA HOA CẢI BÊN SÔNG (Nguyễn Quang Thiều)**

Ngày mai cả nhà ông sẽ đi Bãi Yên. Đó là đoạn sông rộng và êm chạy ven chân một dãy núi đá vôi. Ở dưới đáy giữa khúc sông đó là mộ người vợ bất hạnh của ông. Thế là đã hơn mười năm rồi. Con sông đổ biết bao nhiêu nước ra biển cũng như ông có biết bao thay đổi trên đời. Vào mùa hè cách đây mười hai năm. Đó là mùa hè đầy bệnh tật và đói kém. Dọc hai bên bờ sông ông qua, ngày nào cũng vọng tiếng kèn đám ma thảm thiết và thấp thoáng sau những lùm tre gầy nhằng, úa vàng là những chiếc cờ tang vật vờ bay. Rồi vợ ông cũng trở thành nạn nhân của mùa hè ghê rợn ấy. Bà để lại cho ông ba đứa con [...]

Đêm hôm sau, khi vàng trắng cuối tháng hiện lên phía ven trời thì chiếc thuyền từ Bãi Yên trở lại bến Chùa.

- Bố! Ông nghe tiếng cô con gái út run run gọi ông ở phía sau. Cô ngồi xuống bên cạnh và ôm lấy cánh tay ông- Bố đưa mẹ lên bờ đi. Bố đừng để mẹ ở mãi dưới sông nữa.

Đã bao nhiêu lần cô nói như van lạy ông. Nhưng lần nào ông cũng nhìn cô bằng đôi mắt ngẫu đồ, u uất.

- Không đứa nào trong nhà này được nói đến điều đó - Ông rít lên -Không đứa nào được giẫm lên lời nguyện của ta.

Nhưng ngay sau đó chính lòng ông đầy đau khổ, giày vò. Ông nhìn con xót xa. Chinh, đứa con gái duy nhất của ông, đã sinh ra trong chiếc thuyền trên dòng sông này. Ngày Chinh ra đời, ông cắt rốn con thả xuống dòng sông và cầu nguyện cho con. Chinh lớn lên khỏe mạnh, dịu dàng và âm vang như dòng sông. Cô thừa hưởng sắc đẹp dịu dàng của mẹ, lòng dũng cảm của cha và sự bí ẩn của dòng sông. Là đứa con gái duy nhất, nhưng cô xông xáo táo bạo hơn các anh cô.

[...] Nhưng cô thêm khát đôi bờ. Thuở mẹ cô còn sống, cô vẫn được mẹ cô đưa lên bờ đi chợ hoặc kiếm củi khô trên những bãi vãi, bãi ổi ven sông. Sau ngày mẹ cô mất, các anh cô và cô không ai dám bước chân lên bờ. Và thế là hơn mười năm rồi, cuộc đời cô chỉ với con thuyền và dòng sông. Cô thêm khát được đặt chân lên dải đất mịn màng phù sa. Cô muốn được nằm trên thảm cỏ xanh ven đê làng. Có nhiều đêm cô bơi sát vào bờ và khi nghe thấy tiếng lá ngô khua xào xạc, khi ngửi thấy mùi râu ngô non dịu ngọt và mùi cỏ đêm hăng hăng, người cô lại cảm thấy nôn nao, nhịp tim cô dồn dập. Nhưng sau đó cô phải trườn mình quay lại con thuyền ngay khi đã nghe tiếng mõ gọi của bố. Có một lần cô nhìn thấy một xác người chết trôi qua thuyền. Nạn nhân bị chém nhiều nhát, vết thương đã rửa tóa mùi tanh nồng nặc. Cô ôm lấy bố run lên: "Trời ơi, ai làm sao vậy bố ? Bố vớt người ta lên bờ đi". "Người trên mặt đất họ giết nhau đấy". Ông Lu trả lời lạnh băng và đẩy cô vào nhà thuyền. Suốt ngày hôm đó ông không cho ai chạm vào dòng sông. Ông nói: "Hãy để nước sông đêm cuốn đi mọi bẩn thỉu của mặt đất. Đừng chạm tay vào nước sông cho đến sáng mai".

[...] *(Lược một đoạn: Chinh hỏi anh trai Sỏi muốn lên bờ không - anh trả lời không, hỏi Cát, anh bày tỏ khao khát được lên bờ bởi sống trong thuyền quá tù túng, giam cầm thanh xuân. Ông Lu về chị dâu kể cho nghe lời của Cát, ông dọa Cát lên bờ sẽ chặt cụt chân).*

Rồi Cát cũng không lên bờ. Con thuyền lại tiếp tục các công việc của nó. Thế rồi một mùa xuân lại đến. Chinh đã sang tuổi mười bảy. Một buổi sáng thức dậy ra mạn thuyền vo gạo, cô bỗng thấy trên bãi sông Bến Chùa, một thảm màu vàng tươi, một màu vàng xôn xao, ấm áp ulla vào mắt cô. Hoa cải gặp gió ấm đêm qua đã bung nở. Mỗi khi có ngọn gió chạy qua, cả bãi hoa vàng rợn lên như sóng. "Đẹp quá"- Chinh khe khẽ thốt lên. Cái rá gạo từ từ tuột khỏi tay cô trôi theo dòng nước. Suốt cả ngày hôm đó cô không thể nào rời tâm trí khỏi thảm hoa vàng kia. Một cái gì náo nức vẫy gọi cô. Cô đã sang tuổi mười bảy. Thỉnh thoảng có đêm thức giấc, cô cảm thấy một cái gì chập chờn, quẩn quít ở đâu đây. Không phải tiếng nước sông chảy trong đêm, không phải tiếng reo của ngọn lửa, không phải hương ổi chín từ bãi sông đưa lại, cũng không phải tiếng gọi nhau của bầy chim rí từ những lùm dừa dại ven đê. Một cái gì đấy làm cô đang chải tóc chợt dừng tay. Nó làm cho ngực áo cô bỗng đầy lên đến nghẹn thở. Cái đó chợt đến, chợt đi, chợt rời ra, quẩn quýt.

[...]

Rồi đêm sau cô lại tìm cách lên bờ. Và trước khi trở lại thuyền, cô lại ngắt những chùm hoa cải mang về. Nhưng đến đêm thứ ba thì có người phát hiện ra việc làm của cô. Đó là một chàng trai chừng ba mươi tuổi mặc một bộ quân phục đã cũ. Những ngày trước đó bà mẹ

chàng trai thường xuống bến sớm và phát hiện những luống hoa cải bà để giống cho vụ sau bị ai đó ngắt nham nhờ từng quãng. Bà ca thán với con và chàng trai quyết rình bắt cho được kẻ phá hoại. Khi Chinh đang quỳ trước đám hoa cải vừa vuốt ve chúng vừa thì thầm trò chuyện thì nghe tiếng quát khê nhưng rất gắt của chàng trai. Cô giật mình hoảng hốt quay lại, và vẫn trong tư thế quỳ, cô ngược mắt lên nhìn chàng trai, người run lên vì sợ hãi. Cô không khái niệm được sự sai trái do việc làm của mình, mà sợ hãi vì trước cô trong đêm trăng lạnh là một người lạ.

- Cô là ai? Cô làm gì ở đây?

Chàng trai hỏi và bước lại gần cô. Cô lúng túng đứng dậy. Chợt những làn mây mỏng tan đi. ánh trăng trong veo đổ tràn gương mặt cô. Bây giờ thì đến lượt chàng trai giật mình. "Đẹp quá!". Anh thəm kêu lên. Sao trong đêm trăng tĩnh lặng trên bãi sông ở một làng quê hẻo lánh này lại xuất hiện một người con gái đẹp như thế? Chiếc áo tối màu và ánh trăng làm ngời lên đôi bàn tay, cái cổ thon và gương mặt đẹp. Đôi môi cô khê mím lại còn đôi mắt thì mở to. Chàng trai hồi hộp, liếc nhanh cơ thể cô và nhận ra dưới lớp trăng mỏng, dưới lớp áo tối màu, là tuổi dậy thì nóng hổi, dịu dàng và phập phồng thở.

Anh bỗng hoảng hốt sợ cô biến mất. Anh đứng lặng nhìn cô và rồi vội vã ngắt những chùm hoa cải. Chinh nhận bó hoa cải từ tay anh rồi quay người đi xuống bến.

- Này em! - Chàng trai chạy theo - Tên em là gì?

- Chinh.

- Anh là Thao. Nhà anh ở kia kia. Mai em lên nhé. Hoa cải nhà anh đấy.

Chinh mỉm cười gật đầu và đi xuống bến. Anh nhìn theo. Đến lúc này anh mới nhận ra mái tóc như thiên thần của cô. Anh ngửa mặt lên trời. Có lẽ mái tóc ấy đã từ vàng trắng chảy xuống.

[...]

- Thuyền về chưa?

Không ai hiểu câu anh hỏi. Mọi người nhìn anh lo lắng. Còn anh cứ mỗi khi nhắm mắt thiếp đi lại thấy chiếc thuyền, thấy dòng sông và Chinh đang bơi đến bên anh. Bỗng Chinh dừng bơi, ôm chặt lấy anh kêu lên khe khẽ. Gương mặt cô vừa đau đớn vừa hạnh phúc. Cô mỉm cười và trán đầm mồ hôi. Rồi anh nghe tiếng trẻ khóc. Tiếng khóc âm vang náo nức cả dòng sông. Anh bế đứa bé nâng lên khỏi mặt nước. Nhưng rồi đôi tay anh nhẹ bẫng. Anh giật mình, đôi mắt dài dài mở ra nhìn mọi người, mọi anh thì thào:

- Thuyền đã về chưa?

Khi con sốt chưa kịp khỏi hẳn, anh đã quyết định đi tìm Chinh. Anh nói với bà mẹ rằng có lẽ hai tuần tới anh không về nhà. Anh phải đọc một số sách tư liệu cho năm học mới. Anh lấy xe đạp và bắt đầu cuộc hành trình dọc sông Đáy nhưng suốt một tuần đầu anh không có được một tin gì về Chinh. Anh la cà ở những nơi thuyền tụ tập đông đúc. Anh kể cho những người làm nghề sông nước về gia đình cô. Có người nói họ nhìn thấy chiếc thuyền đó qua nơi họ đã ở mấy hôm trước. ở trên mũi thuyền có một cô gái hai tay bị trói vào cọc. Có người lại kể rằng họ thấy một thuyền câu nhỏ cứ quay tròn trôi theo làn nước, trong thuyền có một đứa bé mới đẻ. Một đôi vợ chồng già không có con đã đón đứa bé ấy về nuôi. Rồi lại có người nói rằng họ nghe đồn có một người đàn bà chết trôi, trên bụng có một đứa bé mắt tròn như mắt cá. Đứa bé ấy nhìn vào bờ cứ cười ba tiếng lại khóc ba tiếng... Thao cứ đi mãi theo những lời đồn đại như chuyện cổ tích của những người dân chài cho đến khi ra đến biển. Biển tím tấp không bờ không bến và rền rĩ tiếng sóng.

Cho đến một buổi sáng Thao dậy sớm. Suốt cả bãi sông làng anh rực vàng hoa cải. Những bông hoa cải nhỏ nhắn, mềm mại, áp áp đung đưa trong gió. Thao bỗng thấy trái tim rung lên đập hồi hả. Anh chạy ủa xuống bên. Bỗng anh quỳ xuống bên luống cải. Trước mắt anh, trên mặt phù sa rụng lảm tằm những cánh hoa mỏng và từ đó kéo dài xuống bên sông là những dấu chân mỏng và nhỏ nhắn.

(Rút từ tập truyện cùng tên của Nguyễn Quang Thiều - Tập truyện do Phương Nam Book và Hội Nhà văn phát hành quý IV năm 2012)

*** Ghi chú :**

- Nguyễn Quang Thiều (SN 1957), là một trong những nhà thơ, nhà văn tiên phong của trào lưu hiện đại, một con người đa năng về văn chương, báo chí, hội họa. Bắt đầu viết văn từ năm 1983, Nguyễn Quang Thiều là cây bút sung sức, xuất hiện thường xuyên trên văn đàn, báo chí. Ông nhanh chóng nổi lên như một nhà thơ trẻ cách tân hàng đầu thế hệ mình. Bên cạnh thơ, Nguyễn Quang Thiều cũng ghi dấu ấn về văn xuôi, tiểu luận, dịch thuật và góp phần quan trọng quảng bá văn học Việt Nam ra thế giới.
- Nguyễn Quang Thiều viết về nhiều đề tài với những cách biểu hiện khác nhau và nhiều cung bậc cảm xúc vượt khỏi phạm vi cảm hứng hiện thực hay siêu thực. Thơ ca sử dụng nhiều hình ảnh mang tính chất tượng trưng, đa nghĩa, nhưng ẩn sau hệ thống hình ảnh ấy là một cảm xúc thiết tha, chân thành.
- Nguyễn Quang Thiều quan niệm về văn học: Tôi viết rất nhiều thể loại như truyện ngắn, tiểu thuyết, kịch sân khấu, kịch bản phim, tiểu luận, báo chí... Nhưng thơ ca là nơi duy nhất để tôi giải phóng tôi và để tôi trú ẩn. Một điều tôi muốn nói đến là: có thể những bài thơ cụ thể nào đó không cứu rỗi được thế giới nhưng những gì mang tinh thần của thi ca đã và đang cứu rỗi thế giới. Điều quan trọng nhất của thơ là tạo ra sự ám ảnh và điều tệ hại nhất là thiếu trí tưởng tượng.

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1 (0.5 điểm). Tìm các từ ngữ miêu tả tâm trạng của nhân vật Chinh khi nhìn thấy hoa cải bên sông.

Câu 2 (0.5 điểm). Anh/chị hiểu như thế nào về điệp khúc “*Thuyền đã về chưa?*”?

Câu 3 (1.0 điểm). Nhận xét về thái độ và hành động của ông Lư trong đoạn văn đã cho.

Câu 4 (1.0 điểm). Ý nghĩa của sự thèm khát đôi bờ và dải đất mịn màng phù sa của Chinh.

Câu 5 (1.0 điểm). Thông điệp của tác giả trong đoạn trích trên.

II. LÀM VĂN (6,0 điểm):

Câu 1 (2,0 điểm).

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) phân tích nghệ thuật kể chuyện của Nguyễn Quang Thiều trong truyện ngắn “Mùa hoa cải bên sông”

Câu 2 (4,0 điểm).

Viết một văn nghị luận xã hội (khoảng 600 chữ) bàn về cách thoát khỏi ghen ghét, đố kỵ của giới trẻ trong xã hội hiện nay để sống cuộc sống có ý nghĩa.

-----HẾT-----

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4.0
	1	<p>- Các từ ngữ miêu tả tâm trạng nhân vật Chinh: <i>nôn nao, nhịp tim cô dồn dập....</i> Những từ ngữ này thể hiện sự xúc động và khao khát của Chinh đối với những kỉ niệm và cuộc sống trên bờ.</p> <p>(Lưu ý: Đây là kiểu câu nhận biết rất dễ, học sinh chỉ cần đọc kĩ đề là làm được bài. Vì thế, khi rơi vào kiểu đề này chú ý từ hỏi (từ ngữ miêu tả) đối tượng (tâm trạng Chinh khi thấy hoa cải)</p> <p>- Học sinh trả lời chính xác như đáp án: 0,5 điểm</p> <p>- Học sinh không trả lời: không cho điểm.</p>	0,5
	2	<p>- Là lời của nhân vật Thao.</p> <p>- Điệp khúc “Thuyền đã về chưa?” thể hiện sự mong chờ, hy vọng và khắc khoải của Thao.</p> <p>- Nó có thể biểu tượng cho sự chờ đợi một điều gì đó tốt đẹp, cho tình yêu và niềm hi vọng của Thao.</p> <p>- Nỗi đau đớn, vô vọng và khao khát đợi chờ.</p> <p>(Lưu ý: Khi trả lời câu hỏi về điệp khúc được nhân vật nhắc lại nhiều lần HS cần chú ý: Đó là lời của ai? Nói trong hoàn cảnh nào? Nội dung của điệp khúc đó là gì? Nhằm mục đích gì? Và thể hiện tâm trạng như thế nào?)</p>	0,5
	3	<p>Thái độ và hành động của ông Lư trong đoạn văn thể hiện sự lạnh lùng, vô cảm và bất lực trước sự tàn bạo của con người. Ông chọn cách tránh né và không can thiệp vào những điều xấu xa, để dòng sông tự cuốn đi mọi bẩn thỉu của cuộc sống.</p> <p>- Nguyên nhân dẫn thái độ và hành động đó:</p> <p>+ Do những người ở trên bờ không cho gia đình ông Lư chôn xác vợ ông.</p> <p>+ Do sự ích kỉ, hẹp hòi xuất phát từ những thành kiến, định kiến => trở thành mối thù, lời nguyền làm con người ta tha hóa, biến chất.</p> <p>- Mục đích: tác giả lên án, phản đối thành kiến, định kiến => bày tỏ nỗi xót xa của nhà văn khi chứng kiến sự đối xử lạnh lùng giữa con người với con người như vậy.</p> <p>(Lưu ý: Kiểu dạng câu hỏi thái độ và tại sao? Đối với dạng câu hỏi này, chúng ta cần căn cứ vào sở thích, tính cách, hoàn cảnh của mỗi người đối với một hình ảnh/một sự vật, một sự việc nào đó để đi lí giải vì sao họ lại có thái độ như vậy? Khi lí giải, cần chú ý, hình ảnh/sự vật đó có gắn bó với họ không? Đối với họ hình ảnh/ sự vật ấy biểu tượng cho điều gì? Mang giá trị gì?)</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh trả lời đúng: 1.0 điểm.</p> <p>- Học sinh không trả lời đúng: không cho điểm.</p>	1.0
	4	<p>- Ý nghĩa của sự thèm khát đôi bờ và dải đất mịn màng phù sa của Chinh.</p> <p>+ Sự thèm khát đôi bờ và dải đất mịn màng phù sa của Chinh biểu tượng cho khát vọng được trở về, được sống một cuộc sống bình yên và hạnh phúc. Khát vọng lên bờ sẽ chấm dứt cuộc sống tù đọng, quanh quẩn, bị</p>	1.0

		<p>giam hãm trong một không gian chật chội, tù túng (cả gia đình 5 người sống trên một chiếc thuyền). Nó thể hiện sự khao khát của con người đối với những giá trị tốt đẹp và bình dị trong cuộc sống.</p> <p>+ Phải chăng khao khát đó cũng là mong muốn xóa bỏ lời nguyền, xóa bỏ những thành kiến, hận thù?</p> <p>- Tác động đến nhận thức:</p> <p>+ Khao khát của Chinh thật đáng trân trọng, đó là khao khát chính đáng của tuổi trẻ.</p> <p>+ Sống phải biết khao khát, ước mơ...</p> <p><i>(Lưu ý: Đây là kiểu câu hỏi nêu suy nghĩ, nhận xét về (nhân vật, về quyết định của nhân vật, về một tình huống, sự việc nào đó). Đối với kiểu bài này, điều quan trọng nhất, HS phải đưa ra được quan điểm, nhận xét của bản thân. Tuy nhiên, nhận xét, đánh giá chỉ có ý nghĩa phải có căn cứ (vào hoàn cảnh, tính cách, phẩm chất của nhân vật) để đưa ra xem xét vấn đề ở các mức độ (đúng- sai, phải- trái, tốt - xấu, sáng suốt - mù quáng...))</i></p>	
	5	<p>Thông điệp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Niềm tin về hạnh phúc nảy mầm từ trong đau khổ, tuyệt vọng. - Hạnh phúc sẽ đến với những ai phấn đấu vượt qua nỗi đau và những mất mát <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS xác định được một thông điệp (0.25 điểm); nhận xét được như gợi ý đáp án (0.75 điểm). - Học sinh không trả lời: không cho điểm. 	1.0
II		PHẦN II. VIẾT	6,0
	1	<p>Câu 1 (2,0 điểm)</p> <p>Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) phân tích nghệ thuật kể chuyện của Nguyễn Quang Thiều trong truyện ngắn “Mùa hoa cải bên sông”</p>	2,0
		<p>* Yêu cầu về kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo cấu trúc; dung lượng đoạn văn nghị luận khoảng 200 chữ. - Trình bày rõ ràng, mạch lạc, không mắc lỗi diễn đạt, lỗi chính tả và ngữ pháp. 	0,5
		<p>* Yêu cầu về kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định đúng vấn đề nghị luận: phân tích nghệ thuật kể chuyện của Nguyễn Quang Thiều trong truyện ngắn “Mùa hoa cải bên sông” <p>a. Mở đoạn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu tác giả Nguyễn Quang Thiều và truyện ngắn “Mùa hoa cải bên sông”. - Nêu khái quát về nghệ thuật kể chuyện của tác giả. <p>b. Thân đoạn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cách xây dựng cốt truyện: <ul style="list-style-type: none"> + Cốt truyện đơn giản nhưng sâu sắc, tập trung vào những chi tiết nhỏ nhưng đầy ý nghĩa. + Sử dụng những tình tiết bất ngờ để tạo sự hấp dẫn. - Miêu tả tâm lý nhân vật: 	1.5

	<ul style="list-style-type: none"> + Khắc họa tâm lý nhân vật tinh tế, chân thực. + Sử dụng ngôn ngữ miêu tả nội tâm để thể hiện cảm xúc và suy nghĩ của nhân vật. - Sử dụng hình ảnh và biểu tượng: + Hình ảnh hoa cải vàng bên sông là biểu tượng cho sự hy vọng và khát khao. + Sử dụng các biểu tượng thiên nhiên để tạo nên không gian truyện đầy chất thơ. - Ngôn ngữ kể chuyện: + Ngôn ngữ giản dị, mộc mạc nhưng giàu cảm xúc. + Sử dụng các biện pháp tu từ như ẩn dụ, so sánh để tăng tính biểu cảm. <p>c. Kết đoạn:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Khẳng định lại nghệ thuật kể chuyện độc đáo của Nguyễn Quang Thiều. + Nêu cảm nhận cá nhân về tác phẩm. <p><i>(Lưu ý: Để làm được câu này HS cần lưu ý:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> + <i>Hiểu được khái niệm nghệ thuật kể chuyện là gì?</i> + <i>Nắm chắc được biểu hiện của nghệ thuật kể chuyện trong đoạn trích.</i> + <i>Biết phân tích cách kể chuyện của tác giả.</i> + <i>Tác dụng của việc sử dụng cách kể chuyện đó.</i> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Xác định được các yếu tố nghệ thuật đặc sắc. Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; dẫn chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng (1.5 điểm).</i> - <i>Xác định được các yếu tố nghệ thuật đặc sắc. Lập luận chưa thật chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng nhưng dẫn chứng không tiêu biểu (1.0 điểm).</i> - <i>Có xác định được yếu tố nghệ thuật nhưng chưa đặc sắc, chưa đầy đủ. Lập luận không chặt chẽ, thiếu thuyết phục: lí lẽ không xác đáng, không liên quan mật thiết đến vấn đề nghị luận, không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không phù hợp (0,75 điểm).</i> - <i>Không xác định được yếu tố nghệ thuật, chỉ viết cảm nhận chung chung về nội dung và nghệ thuật. Lập luận không chặt chẽ, thiếu thuyết phục, lí lẽ không xác đáng, không liên quan mật thiết đến vấn đề nghị luận (0,5 điểm).</i> 	
2	<p>Câu 2 (4,0 điểm)</p> <p>Viết một văn nghị luận xã hội (khoảng 600 chữ) bàn về cách thoát khỏi ghen ghét, đố kị của giới trẻ trong xã hội hiện nay để sống cuộc sống có ý nghĩa.</p>	4,0
	<p><i>a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức bài văn:</i> Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.</p>	0.25
	<p><i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận:</i> bàn về cách thoát khỏi ghen ghét, đố kị, đố lồi, nói xấu để sống cuộc sống có ý nghĩa</p>	0.25
	<p><i>c. Triển khai vấn đề nghị luận:</i> Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và</p>	3.0

	<p>dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau:</p> <p>a. Mở bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu vấn đề ghen ghét, đố kị, đổ lỗi, nói xấu trong xã hội hiện nay. - Nêu tầm quan trọng của việc thoát khỏi những điều tiêu cực này để sống cuộc sống có ý nghĩa. <p>b. Thân bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguyên nhân của ghen ghét, đố kị: + Sự thiếu tự tin và tự trọng. + Áp lực từ xã hội và môi trường sống. + Thiếu sự giáo dục về đạo đức và giá trị sống. - Hậu quả của những hành vi tiêu cực: + Gây tổn thương cho bản thân và người khác. + Làm mất đi các mối quan hệ tốt đẹp. + Gây ra sự bất ổn trong xã hội. - Giải pháp để thoát khỏi những điều tiêu cực: + Tự nhận thức và tự cải thiện: + Tự đánh giá lại bản thân, nhận ra điểm mạnh và điểm yếu. + Học cách yêu thương và tôn trọng bản thân. - Giáo dục và rèn luyện đạo đức: + Tham gia các khóa học về kỹ năng sống và giá trị đạo đức. + Đọc sách, tìm hiểu về những tấm gương sống đẹp. - Xây dựng môi trường sống tích cực: + Kết bạn với những người có tư duy tích cực. + Tham gia các hoạt động xã hội, từ thiện để giúp đỡ người khác. - Thực hành lòng biết ơn và tha thứ: + Học cách biết ơn những điều tốt đẹp trong cuộc sống. + Tha thứ cho những lỗi lầm của người khác và của chính mình. <p>c. Kết bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khẳng định lại tầm quan trọng của việc thoát khỏi ghen ghét, đố kị, đổ lỗi, nói xấu. - Kêu gọi mọi người cùng nhau xây dựng một xã hội tốt đẹp hơn. <p>- Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Xác định đúng vấn đề nghị luận. Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; dẫn chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng (3.0 điểm).</i> - <i>Xác định đúng vấn đề nghị luận. Lập luận chưa thật chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng nhưng dẫn chứng không tiêu biểu (2,5 điểm).</i> - <i>Lập luận không chặt chẽ, thiếu thuyết phục: lí lẽ không xác đáng, không liên quan mật thiết đến vấn đề nghị luận, không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không phù hợp (1,5 điểm).</i> <p><i>Lưu ý: Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</i></p>	<p>1.0</p> <p>2.0</p>
--	--	-----------------------

			1.0
		d. Chính tả, ngữ pháp. Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0.25
		e. Sáng tạo. Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ, độc đáo.	0.25
TỔNG ĐIỂM			10

PHÁT TRIỂN TỪ ĐỀ MINH HỌA**ĐỀ 11****ĐỀ ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT 2025****MÔN: NGỮ VĂN****Thời gian: 90 phút****I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)**

Đọc bài thơ: *Nào ai biết việc đời đưa rất lạ
 Tôi đến một nơi gió núi xôn xao
 Trong rừng sâu triền miên xa tất cả
 Như đã về đây từ một thuở nào*

*Tôi đi mãi vào ngàn thông rợp bóng
 Như đi sang một cõi khác nào rồi
 Quên hết cả chỉ thấy trời xanh rộng
 Và mùa thu im lặng ở quanh tôi*

*Đã có mùa xuân đời tôi không nhỉ
 Và đã có không cả một mùa hè
 Tôi chỉ nhớ đã đi nhiều mê mãi
 Năm tháng đêm ngày theo một ánh xa*

*Và hôm nay một mình trên đất lạ
 Tôi chợt nhận ra đã tới mùa thu
 Bao nhiêu chuyện tôi không còn nhớ nữa
 Với cả bao nhiêu nét mặt đã mờ
 Tôi nhìn lại tất cả chìm nhòa hết
 Rồi sương tan dần ánh sáng lặng trong
 Cho tôi nhìn về mãi xa xa tím
 Bỗng nhiên tôi thấy rõ một bờ sông*

*Bóng áo vải thô một cô gái nhỏ
 Hàng trâu cau đường đỏ lá vàng hoe
 Em tiễn anh lính đi nơi đạn lửa
 Môi run run em chúc có ngày về*

*Em gái ơi tôi vẫn đây còn sống
 Còn em bây giờ ở nơi đâu
 Bao nhiêu nước đã trôi bao nhiêu sóng
 Nơi dòng sông xanh in bóng núi cao*

Ôi mùa thu hôm nay nghiêng cánh vàng

Đưa tôi bay về nơi nguồn tìm em.

(Nguyễn Đình Thi, *Mùa thu vàng*, in trong tập thơ *Trong cát bụi*, NXB Văn học, 1992)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Chỉ ra dấu hiệu để xác định thể thơ của bài thơ.

Câu 2. Xác định các từ chỉ mùa được sử dụng trong bài thơ.

Câu 3. Trình bày hiệu quả của việc kết hợp yếu tố tự sự với trữ tình trong bài thơ.

Câu 4. Nêu sự vận động cảm xúc của nhân vật trữ tình *tôi* trong bài thơ.

Câu 5. Từ sự hoài niệm của nhân vật trữ tình *tôi*, anh/chị hãy bày tỏ suy nghĩ về miền kí ức tươi đẹp trong tâm hồn mỗi người (trình bày khoảng 5-7 dòng).

II. VIẾT (6.0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) phân tích hình ảnh thiên nhiên và con người qua hoài niệm của nhân vật trữ tình *tôi* trong bài thơ ở phần Đọc hiểu.

Câu 2 (4,0 điểm)

Trong bài phát biểu tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc ngày 21-11-2021, Tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng đã khẳng định: “*Văn hóa là bản sắc dân tộc, văn hóa còn thì dân tộc còn, văn hóa mất thì dân tộc mất*”.

Anh/ chị hãy viết một bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ về trách nhiệm của tuổi trẻ trong việc giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

.....Hết.....

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu

- Giám thị không giải thích gì thêm

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		Đọc hiểu	4,0
	1	<p>- Thể thơ: tám chữ</p> <p>- Dấu hiệu xác định: Bài thơ có các câu thơ đều 8 chữ, không giới hạn về số lượng câu.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh trả lời chính xác như đáp án: 0,5 điểm.</p> <p>- Học sinh trả lời chính xác được một trong hai ý trên: 0,25 điểm.</p> <p>- Học sinh không trả lời hoặc trả lời không đúng thể thơ: không cho điểm.</p>	0,5
	2	Các từ chỉ mùa được sử dụng trong bài thơ: <i>xuân, hè, thu</i> .	0,5
	3	<p>Hiệu quả của việc sử dụng yếu tố tự sự trong bài thơ:</p> <p>- Tạo sự chân thật, cụ thể, tinh tế trong việc thể hiện nội dung, cảm xúc.</p> <p>- Thể hiện tâm trạng nhớ thương, day dứt của nhân vật <i>tôi</i> về một kí ức đã xa.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p>	1,0

		<ul style="list-style-type: none">- Học sinh trả lời chính xác như đáp án: 0,5 điểm.- Học sinh trả lời được một từ chỉ mùa : 0,25 điểm.- Học sinh không trả lời hoặc trả lời sai: không cho điểm.	
4	Sự vận động cảm xúc của nhân vật trữ tình <i>tôi</i> trong bài thơ: <ul style="list-style-type: none">- Nhớ về một miền ức đã xa vẫn không thể quên trong quá khứ.- Cảm xúc u hoài, xót xa ở hiện tại khi con người lạc nhau trong cuộc đời. <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none">- Học sinh trả lời chính xác như đáp án: 1,0 điểm.- Học sinh trả lời được một trong hai ý: 0,5 điểm.- Học sinh không trả lời hoặc trả lời sai: không cho điểm.	1,0	
5	Từ sự hoài niệm của nhân vật trữ tình <i>tôi</i> , thí sinh trình bày của bản thân về miền kí ức tươi đẹp trong tâm hồn mỗi người. Có thể theo hướng: kí ức tuổi thơ hồn nhiên, trong sáng bên gia đình, bạn bè; kí ức thanh xuân tươi đẹp với nhiều ước mơ, hoài bão,... <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none">- Học sinh nêu đúng và đầy đủ một kí ức tươi đẹp như đáp án: 0,5 điểm- Học sinh biết lựa chọn dẫn chứng phù hợp : 0,5 điểm <p>Lưu ý: HS trả lời tương đương vẫn cho điểm tối đa.</p>	1,0	
II	Viết		6,0
1	Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) phân tích hình ảnh thiên nhiên và con người qua hoài niệm của nhân vật trữ tình <i>tôi</i> trong đoạn trích ở phần Đọc hiểu.		2,0
	<p>a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn</p> <p>Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, phối hợp, móc xích hoặc song hành.</p>		0,25
	<p>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</p> <p>Hình ảnh thiên nhiên và con người qua hoài niệm của nhân vật trữ tình <i>tôi</i>.</p>		0,25
	<p>c. Viết đoạn văn bảo đảm các yêu cầu</p> <p>Lựa chọn được các thao tác lập luận phù hợp, kết hợp chặt chẽ lí lẽ và dẫn chứng trên cơ sở bảo đảm những nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none">- Hình ảnh thiên nhiên: Thơ mộng, gần gũi, yên bình, tĩnh lặng, mang đậm sắc thái mùa thu (<i>bờ sông, hàng trầu cau, đường đỏ, lá vàng</i>)		1,0

	<p>- Hình ảnh con người: Cô gái nhỏ với trang phục mộc mạc, giản dị (<i>áo vải thô</i>) nên đau thương tiễn người yêu ra trận với mong ước sẽ có ngày đoàn tụ (<i>tiễn anh lính đi nơi đạn lửa, môi run run em chúc có ngày về,...</i>)</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh phân tích đầy đủ, sâu sắc bức tranh thiên nhiên và con người trong bài thơ. Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: 2,0 điểm.</p> <p>- Học sinh phân tích đầy đủ bức tranh thiên nhiên và con người trong bài thơ. Lập luận chưa thật sự chặt chẽ, thuyết phục: 1,0 – 1,5 điểm.</p> <p>- Học sinh phân tích sơ lược được bức tranh thiên nhiên và con người trong bài thơ. Lập luận không chặt chẽ, thiếu thuyết phục : 0,25 -0,75 điểm.</p>	
	<p>d. Diễn đạt</p> <p>Bảo đảm chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.</p>	0,25
	<p>đ. Sáng tạo</p> <p>Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p>	0,25
2	<p>Tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng đã khẳng định: “Văn hóa là bản sắc dân tộc, văn hóa còn thì dân tộc còn, văn hóa mất thì dân tộc mất”.Viết một bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ về trách nhiệm của tuổi trẻ trong việc giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.</p>	4,0
	<p>a. Bảo đảm bố cục và dung lượng của bài văn nghị luận</p> <p>Bảo đảm yêu cầu về bố cục và dung lượng (khoảng 600 chữ) của bài văn.</p>	0,25
	<p>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</p> <p>Trách nhiệm của tuổi trẻ trong việc giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.</p>	0,5
	<p>c. Viết được bài văn bảo đảm các yêu cầu</p> <p>Lựa chọn được các thao tác lập luận phù hợp, kết hợp nhuần nhuyễn lí lẽ và dẫn chứng; trình bày được hệ thống ý phù hợp theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận. Có thể triển khai theo hướng:</p> <p>* Mở bài: Giới thiệu vấn đề nghị luận</p> <p>* Thân bài:</p> <p>- Giải thích:</p> <p>+ Bản sắc văn hóa dân tộc: là những nét văn hóa từ lâu đời của dân tộc, truyền thống và phong tục tập quán, đặc trưng vùng miền.</p>	2,5

	<p>+ Câu nói: “<i>Văn hóa là bản sắc dân tộc, văn hóa còn thì dân tộc còn, văn hóa mất thì dân tộc mất</i>” đã khẳng định tầm quan trọng của việc giữ gìn, phát huy bản sắc dân tộc.</p> <p>- Bàn luận:</p> <p>+ Tuổi trẻ cần nhận thức sâu sắc về trách nhiệm giữ gìn và phát huy các di sản văn hóa dân tộc.</p> <p>+ Tích cực học tập, trau dồi hiểu biết, tuyên truyền về những giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc: ngôn ngữ, tôn giáo, lễ hội truyền thống, phong tục, di sản văn hóa, ẩm thực,...</p> <p>+ Tích cực tham gia các hoạt động giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc do nhà trường, đoàn thể và địa phương tổ chức: lễ hội, sân khấu dân gian, trò chơi dân gian,...</p> <p>- Mở rộng vấn đề: Phê phán một bộ phận giới trẻ sống xa rời bản sắc dân tộc, thờ ơ với những giá trị truyền thống, đề cao những giá trị văn hóa du nhập nước ngoài,...</p> <p>- Bài học nhận thức và hành động:</p> <p>+ Tuổi trẻ cần ý thức được vai trò, ý nghĩa của bản sắc văn hóa dân tộc.</p> <p>+ Rèn luyện lối sống, hành động tích cực; giữ gìn, phát huy những giá trị đậm đà bản sắc dân tộc.</p> <p>* Kết bài: Khái quát vấn đề nghị luận.</p> <p><i>Lưu ý: Thí sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</i></p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh phân tích đầy đủ và sâu sắc, dẫn chứng thuyết phục: 2,5 điểm</p> <p>- Học sinh phân tích chưa đầy đủ hoặc chưa sâu sắc, có dẫn chứng: 1,5 - 2,25 điểm</p> <p>- Học sinh phân tích chung chung, chưa rõ các biểu hiện: 0,5 - 1,25 điểm.</p>	
	<p>d. Diễn đạt</p> <p>Bảo đảm chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p><i>Không cho điểm nếu bài làm mắc từ 05 lỗi chính tả, ngữ pháp.</i></p>	0,25
	<p>đ. Sáng tạo</p> <p>Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p>	0,5

	<p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>Học sinh biết vận dụng lí luận văn học trong quá trình phân tích, đánh giá; biết so sánh, mở rộng để làm nổi bật nét đặc sắc của vấn đề; biết liên hệ vấn đề nghị luận với thực tiễn đời sống; văn viết giàu hình ảnh, cảm xúc.</p>	
Tổng điểm		10,0

PHÁT TRIỂN TỪ ĐỀ MINH HỌA
ĐỀ 12
ĐỀ ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT 2025
MÔN: NGỮ VĂN
Thời gian: 90 phút
I. ĐỌC HIỂU (4.0 điểm)
Đọc đoạn trích sau:

Gần hết mùa hè năm... tôi không rời bỏ Hà Nội một cách đột nhiên. Buổi sớm kia, khi trở dậy trong căn phòng nhà trọ, tôi thấy ánh nắng rực rỡ xuyên qua các khe lá đến nhảy múa trên mặt tường. Trời trong và gió mát quá, khiến tôi chợt nhớ đến cánh đồng, ruộng ở chỗ ông Ba ở mà đã lâu năm tôi chưa về thăm.

Một vài bộ quần áo với mấy quyển sách đem theo, tôi hớn hờ ra ga, sung sướng được xa lánh cái náo nhiệt của thành phố, và nhất là được quên những bài học khô khan và vô ích ở nhà trường.

Tất cả tâm hồn tôi nảy nở dưới cơn gió từ quãng không đưa lại. Trên tàu, tôi mãi mê ngắm dãy đồi núi xanh xanh ở tận chân trời; chỗ tôi sắp đến cũng có những đồi núi như thế. Ông Ba, bạn thân với cha tôi hồi trước, có một cái đồn điền rộng, trồng toàn sản và chè. Hồi nhỏ, tôi đã nhiều lần đến chơi nhà ông, nhưng từ khi ra học Hà Nội, tôi không có dịp về nữa.

Xuống ga, một cái ga nhỏ gần tỉnh P., không có ai ra đón tôi cả. Tôi biết trước, vì khi đi tôi cũng không gửi giấy báo cho ông Ba biết. Tôi muốn đến một cách bất thành linh.

Chiếc cặp cặp ở nách, tôi thông thả theo con sông Cong, chạy khuất khúc len giữa các đồi. Một cái cầu gỗ mong manh bắc qua sông. Hai rặng thông từ trên đỉnh đồi chạy xuôi xuống tận gần bờ, giữa luồng gió thoáng, và cái tiếng rì rào như nhớ nhung của lá thông chải gió nhắc tôi nghĩ đến những cảnh rộng rãi, bao la.

(Thạch Lam, Trích *Nắng trong vườn*, in trong tập *Nắng trong vườn*, NXB Văn học, 2022, tr.3-4)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1: Xác định dấu hiệu nhận biết ngôi kể của đoạn trích.

Câu 2: Chỉ ra những từ ngữ chỉ tâm trạng của nhân vật tôi trên đường về nhà ông Ba.

Câu 3: Phân tích tác dụng của biện pháp tu từ so sánh được sử dụng trong câu văn: *Hai rặng thông từ trên đỉnh đồi chạy xuôi xuống tận gần bờ, giữa luồng gió thoáng, và cái tiếng rì rào như nhớ nhung của lá thông chải gió nhắc tôi nghĩ đến những cảnh rộng rãi, bao la.*

Câu 4: Theo anh/ chị, nhân vật tôi là một người có đời sống tâm hồn, tình cảm như thế nào?

Câu 5: Từ tâm trạng của nhân vật tôi, anh/ chị hãy trình bày suy nghĩ về nơi dựa tinh thần của người xa quê (trình bày 5-7 dòng).

II. VIẾT (6.0 điểm)
Câu 1 (2 điểm)

Viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) phân tích vẻ đẹp của bức tranh thiên nhiên trên con đường về quê qua cảm nhận của nhân vật tôi gợi ra từ phần Đọc hiểu.

Câu 2 (4 điểm)

“Thanh niên là hạt giống của đất nước, phải biết nuôi dưỡng trách nhiệm và ý chí vươn lên” (Võ Nguyên Giáp). Từ góc nhìn của người trẻ, em hãy viết bài văn nghị luận (600 chữ) bàn về suy nghĩ về vấn đề đặt ra trong câu nói trên.

-Hết-

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu.
- Giám thị không giải thích gì thêm.

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Người kể chuyện xưng “Tôi” là dấu hiệu nhận biết ngôi kể thứ nhất Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời chính xác như đáp án: 0,5 điểm. - Học sinh chỉ nêu được dấu hiệu ngôi kể: 0,25 điểm - Học sinh chỉ nêu được ngôi kể: 0,25 điểm	0,5
	2	Từ ngữ chỉ tâm trạng của nhân vật “tôi” trên đường về nhà là: <i>hớn hở, sung sướng</i> Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời đầy đủ như đáp án: 0,5 điểm. - Học sinh trả lời 1 từ: 0,25 điểm	0,5
	3	Tác dụng của biện pháp tu từ so sánh qua cụm từ: “ <i>cái tiếng rì rào như nhớ nhung của lá thông chải gió</i> ” - Tăng tính gợi hình, gợi cảm cho câu văn; - Giúp người đọc cảm nhận rõ hơn về âm thanh của lá thông rì rào trong gió trở thành âm thanh của kí ức của nhân vật <i>tôi</i> . Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời đầy đủ như đáp án: 1,0 điểm. - Học sinh chỉ ra cụm từ so sánh: 0,25 điểm. - Học sinh chỉ ra được 2 tác dụng: 0,75 điểm. - Học sinh nêu được 1 tác dụng: 0,5 điểm.	1.0
	4	Nhân vật <i>tôi</i> là người: - Là người có tâm hồn nhạy cảm, tinh tế trước vẻ đẹp của thiên nhiên; - Là một người gắn bó, nặng tình với quê hương, sống tình cảm với người thân quen. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời đầy đủ như đáp án: 1,0 điểm. - Học sinh chỉ trả lời được một ý: 0,5 điểm. Lưu ý: HS trả lời tương đương vẫn cho điểm tối đa.	1.0
	5	Từ tâm trạng của nhân vật “tôi”, thí sinh trình bày suy nghĩ về nơi dựa tinh thần của người xa quê. Có thể theo hướng: Quê hương là nơi dựa tinh thần của người xa quê: nơi con người thấy được sự bình yên, nơi được yêu thương và làm điểm tựa... Hướng dẫn chấm: - Trình bày được các lí lẽ, bằng chứng thuyết phục : 0,5 điểm - Thể hiện được nhận xét, đánh giá sâu sắc: 0,25 điểm - Đảm bảo số dòng, chính tả, ngữ pháp câu, liên kết ý: 0,25 điểm Lưu ý: HS trả lời tương đương vẫn cho điểm tối đa.	1.0

II		VIẾT	6,0
		Viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) phân tích vẻ đẹp của bức tranh thiên nhiên qua cảm nhận của nhân vật gọi ra từ phần Đọc hiểu.	2.0
		a. Xác định được yêu cầu về hình thức và dung lượng đoạn văn Bảo đảm yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, phối hợp, móc xích hoặc song hành.	0.25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Vẻ đẹp của bức tranh thiên nhiên qua cảm nhận của nhân vật	0.25
		c. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu Lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp, kết hợp chặt chẽ lí lẽ và các dẫn chứng, đảm bảo các nội dung sau: - Thiên nhiên trữ tình thơ mộng: cảnh <i>đôi núi xanh xanh ở tận chân trời, dòng sông Cong với cầu gỗ, rừng thông vì vu...</i> - Thiên nhiên bình yên, gần với kí ức tuổi thơ, gần với hình ảnh người thân: <i>tâm hồn tôi nảy nở dưới cơn gió; Hình ảnh đồn điền trồng chè mà hồi nhỏ, tôi đã nhiều lần đến chơi nhà ông Ba.</i> Hướng dẫn chấm: - Học sinh trình bày được đánh giá được đặc sắc về nội dung, lí lẽ, dẫn chứng thuyết phục: 1,0 điểm. - Học sinh nêu được những nét đặc sắc về nội dung nhưng còn chung chung, có lí lẽ, dẫn chứng nhưng chưa thật thuyết phục: 0,75 điểm. - Học sinh nêu được 1 phần nội dung nhưng còn chung chung, có lí lẽ, dẫn chứng nhưng không đúng hoặc không có: 0.25-0,5 điểm. - Học sinh không nêu và đánh giá được đặc sắc về nội dung: 0,0 điểm.	1.0
		d. Diễn đạt Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, viết câu đúng ngữ pháp tiết Việt, liên kết câu trong đoạn. Hướng dẫn chấm: - Không cho điểm nếu bài làm có có trên 3 lỗi chính tả, ngữ pháp.	0.25
		e. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận, có cách diễn đạt mới mẻ, độc đáo. Hướng dẫn chấm: Học sinh huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận; sáng tạo trong viết câu, dựng đoạn, làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh. - Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm.	0.25
	2	Viết bài văn nghị luận (600 chữ) trình bày suy nghĩ về vấn đề đặt ra trong câu nói: "Thanh niên là hạt giống của đất nước, phải biết nuôi dưỡng trách nhiệm và ý chí vươn lên" (Võ Nguyên Giáp).	4,0
		a. Bảo đảm về bố cục và dung lượng của bài văn nghị luận Bảo đảm yêu cầu bố cục một bài văn và dung lượng khoảng 600 chữ.	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Thanh niên cần phải biết nuôi dưỡng trách nhiệm và ý chí.	0,5

	<p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh xác định đúng vấn đề cần nghị luận: 0,5 điểm.</p> <p>- Học sinh xác định chưa đầy đủ vấn đề nghị luận: 0,25 điểm.</p> <p>c. <i>Viết được bài văn nghị luận đảm bảo các yêu cầu</i></p> <p>* Mở bài: Giới thiệu vấn đề nghị luận: giới thiệu câu nói của Võ Nguyên Giáp và vấn đề nuôi dưỡng trách nhiệm và ý chí.</p> <p>* Thân bài:</p> <p>- Giải thích:</p> <p>+ <i>Thanh niên là hạt giống của đất nước</i>: lời khẳng định vai trò của thanh niên trong sự tiếp nối truyền thống của cha anh.</p> <p>+ <i>Nuôi dưỡng trách nhiệm</i> là sự tự nhận thức bổn phận, nghĩa vụ mà bản thân cần phải thực hiện.</p> <p>+ <i>Ý chí</i> chính là sức mạnh tinh thần để thực hiện mục tiêu, thực hiện trách nhiệm của bản thân.</p> <p>- Bàn luận:</p> <p>+ Trách nhiệm của thanh niên là học tập để nâng cao tri thức, thực hiện bổn phận của người con trong gia đình, người công dân với quê hương, đất nước. Việc nuôi dưỡng trách nhiệm giúp thanh niên nhận thức được việc mình phải làm để tròn bổn phận với bản thân, gia đình và quê hương, đất nước; giúp người trẻ từ bỏ lối sống tầm thường, ích kỉ, có được mục tiêu và động lực trong cuộc sống.</p> <p>+ Thanh niên phải có ý chí, phải biết vươn lên vì ý chí chính là sức mạnh nội tại giúp thanh niên vượt qua khó khăn trong cuộc sống để thực hiện trách nhiệm của bản thân và theo đuổi lí tưởng, mục tiêu.</p> <p>+ Thanh niên cần nhận thức việc nuôi dưỡng trách nhiệm và ý chí là cần thiết nên cần chủ động thực hiện nghĩa vụ của bản thân, nâng cao năng lực, tham gia các hoạt động xã hội; mạnh mẽ, kiên định ...</p> <p>- Mở rộng vấn đề, trao đổi những quan điểm, ý kiến trái chiều.</p> <p>* Kết bài: Khái quát vấn đề nghị luận.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh trình bày ý đầy đủ và sâu sắc vấn đề nghị luận; luận điểm rõ ràng; lí lẽ, dẫn chứng thuyết phục: 2,25- 2,5 điểm</p> <p>- Học sinh trình bày chưa đủ ý; tuy nhiên các luận điểm chưa rõ ràng; có lí lẽ, dẫn chứng phù hợp nhưng chưa thật thuyết phục: 1,5 – 2,0 điểm</p> <p>- Học sinh trình bày chưa đủ ý, chưa rõ các luận điểm; có lí lẽ, dẫn chứng nhưng chưa phù hợp và thiếu thuyết phục: 0,5- 1,25 điểm.</p> <p>- Học sinh trình bày các ý sơ sài, thiếu ý; luận điểm không rõ và không chính xác; không có dẫn chứng: 0- điểm.</p> <p><i>Lưu ý: Thí sinh có thể bày tỏ suy nghĩ và những quan điểm riêng nhưng các quan điểm phải phù hợp với những chuẩn mực đạo đức của xã hội, phải có lí lẽ và dẫn chứng thuyết phục.</i></p>	2.5
	<p>d. <i>Diễn đạt</i></p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.</p> <p>Hướng dẫn chấm: Không cho điểm nếu bài làm mắc từ 05 lỗi chính tả, ngữ pháp, diễn đạt lủng củng.</p>	0, 25
	đ. <i>Sáng tạo</i>	0,5

	<p>Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận, có cách diễn đạt độc đáo và mới mẻ.</p> <p>Hướng dẫn chấm: Học sinh biết kết hợp các phương thức biểu đạt, thao tác lập luận phù hợp; biết so sánh, mở rộng để làm nổi bật nét đặc sắc của vấn đề; biết liên hệ vấn đề nghị luận với thực tiễn đời sống; văn viết giàu hình ảnh, cảm xúc.</p>	
Tổng		10.0

PHÁT TRIỂN TỪ ĐỀ MINH HỌA**ĐỀ 13****ĐỀ ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT 2025****MÔN: NGỮ VĂN****Thời gian: 90 phút****I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)****Đọc đoạn trích:**

Em cu Tai ngủ trên lưng mẹ ơi
 Em ngủ cho ngoan đừng rời lưng mẹ
 Mẹ đang tia bắp trên núi Ka-lưi
 Lưng núi thì to, mà lưng mẹ nhỏ
 Em ngủ ngoan em đừng làm mẹ mỏi
 Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi
 Mặt trời của mẹ, em nằm trên lưng.

- Ngủ ngoan a-kay ơi, ngủ ngoan a-kay hỡi
 Mẹ thương a-kay, mẹ thương làng đồi
 Con mơ cho mẹ hạt bắp lên đều
 Mai sau con lớn phát mười Ka-lưi...

Em cu Tai ngủ trên lưng mẹ ơi
 Em ngủ cho ngoan, đừng rời lưng mẹ
 Mẹ đang chuyển lán, mẹ đi đập rừng
 Thằng Mĩ đuổi ta phải rời con suối
 Anh trai cầm súng, chị gái cầm chông
 Mẹ địu em đi để giành trận cuối
 Từ trên lưng mẹ em đến chiến trường
 Từ trong đôi mắt em vào Trường Sơn.

(Theo Nguyễn Khoa Điềm, *Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ*,
 in trong *Đất và khát vọng*, NXB Văn học, Hà Nội, 1984)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Nêu hai phương thức biểu đạt được sử dụng trong văn bản.

Câu 2. Dựa vào văn bản, hãy kể ra những việc làm của người mẹ.

Câu 3. Nêu chủ đề của văn bản.

Câu 4. Phân tích hiệu quả của biện pháp tu từ ẩn dụ được sử dụng trong hai câu thơ sau:

Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi
Mặt trời của mẹ, em nằm trên lưng.

Câu 5. Từ bài thơ, hãy cảm nhận về hình ảnh người mẹ trong kháng chiến (trình bày khoảng 5-7 dòng).

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2.0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) cảm nhận về hình ảnh “lưng mẹ” trong đoạn trích ở phần Đọc hiểu.

Câu 2. (4.0 điểm)

Nhà thơ Mỹ Robert Frost có hai câu thơ, đại ý: *Trong rừng có nhiều lối đi/ Và tôi chọn lối đi chưa có dấu chân người.*

Từ góc nhìn của người trẻ, anh/chị hãy viết một bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ về vấn đề được gợi lên từ hai câu thơ trên.

----- HẾT -----

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu.
- Giám thị không giải thích gì thêm.

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		Đọc hiểu	4,0
	1	Hai phương thức biểu đạt: biểu cảm, miêu tả. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án: 0,5 điểm. - Học sinh trả lời được 01 ý: 0,25 điểm - Học sinh không trả lời/ trả lời không đúng đáp án: không cho điểm.	0,5
	2	Những việc làm của người mẹ: tía bắp, chuyển lán, đập rừng, đi em đi giành trận cuối Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời được 03 chi tiết hoặc như đáp án: 0,5 điểm. - Học sinh trả lời được 01-02 chi tiết: 0,25 điểm - Học sinh không trả lời/ trả lời không đúng đáp án: không cho điểm.	0,5
	3	Chủ đề của văn bản: Từ hình ảnh người mẹ vừa nuôi con vừa làm việc và chiến đấu, bài thơ ca ngợi những người mẹ trong kháng chiến không chỉ yêu thương con tha thiết mà còn có tình yêu sâu đậm với quê hương, đất nước trong những năm tháng chiến tranh. Hướng dẫn chấm:	1,0

		<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh trả lời như đáp án: 1.0 điểm - Học sinh trả lời tương đối đầy đủ như đáp án: 0.5 – 0.75 điểm - Học sinh trả lời sơ sài: 0.25 điểm - Học sinh không trả lời/ trả lời không đúng: không cho điểm. 	
	4	<ul style="list-style-type: none"> - Biện pháp tu từ ẩn dụ: hình ảnh “mặt trời của mẹ” (0,25) - Tác dụng: (0,75) + Giúp cho cách diễn đạt trở nên cụ thể, tăng sức gợi hình, gợi cảm, hấp dẫn cho câu thơ + Diễn tả và nhấn mạnh em bé chính là nguồn sống, nguồn động lực to lớn đối với người mẹ + Tác giả nhấn mạnh vẻ đẹp của tình mẫu tử. <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh trả lời như Đáp án hoặc có cách diễn đạt tương đương: 1,0 điểm - Học sinh không trả lời/ trả lời không đúng đáp án: không cho điểm. 	1,0
	5	<p>Cảm nhận về hình ảnh người mẹ trong kháng chiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người mẹ có tình yêu thương con tha thiết - Người mẹ có tình yêu công việc, yêu lao động - Người mẹ có tình yêu làng bản, quê hương, đất nước và kháng chiến <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh trả lời như đáp án: 1.0 điểm - Học sinh trả lời được 02 ý như đáp án: 0.75 điểm - Học sinh trả lời được 01 ý như đáp án: 0.5 điểm - Học sinh không trả lời/trả lời không đúng: không cho điểm 	1,0
II		Viết	6.0
	1	Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) cảm nhận về hình ảnh “lưng mẹ” trong đoạn trích ở phần Đọc hiểu.	2.0
		<p>a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn</p> <p>Bảo đảm yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, phối hợp, móc xích hoặc song hành.</p>	0.25
		<p>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</p> <p>Hình ảnh lưng mẹ trong bài thơ.</p>	0.25
		<p>c. Viết đoạn văn bảo đảm các yêu cầu</p> <p>Lựa chọn được các thao tác lập luận phù hợp, kết hợp chặt chẽ lí lẽ và dẫn chứng trên cơ sở bảo đảm những nội dung sau:</p>	1.0

		<p>- Lưng mẹ là biểu tượng của tình yêu thương ấm áp, là chỗ dựa vững chắc, nuôi con lớn khôn từng ngày.</p> <p>- Lưng mẹ là biểu tượng cho tinh thần lao động và chiến đấu, bảo vệ con, bản làng và quê hương đất nước.</p>	
		<p><i>d. Diễn đạt</i></p> <p><i>Bảo đảm chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.</i></p>	0.25
		<p><i>đ. Sáng tạo</i></p> <p><i>Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận, có cách diễn đạt mới mẻ</i></p>	0.25
	2	<p>Viết một bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ về vấn đề được gọi lên từ hai câu thơ của nhà thơ Mỹ Robert Frost, đại ý: <i>Trong rừng có nhiều lối đi/ Và tôi chọn lối đi chưa có dấu chân người.</i></p>	4.0
		<p><i>a. Bảo đảm bố cục và dung lượng của bài văn nghị luận</i></p> <p><i>Bảo đảm yêu cầu về bố cục và dung lượng (khoảng 600 chữ) của bài văn</i></p>	0.25
		<p><i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận</i></p> <p>Tầm quan trọng của việc biết lựa chọn hướng đi riêng, sáng tạo, chủ động.</p>	0.5
		<p><i>c. Viết được bài văn nghị luận bảo đảm các yêu cầu</i></p> <p><i>Lựa chọn được các thao tác lập luận phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn lí lẽ và dẫn chứng; trình bày được hệ thống ý phù hợp theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận. Có thể triển khai theo hướng:</i></p> <p><i>* Mở bài: Giới thiệu vấn đề nghị luận.</i></p> <p><i>* Thân bài:</i></p> <p><i>- Giải thích:</i></p> <p><i>+ Trong rừng có nhiều lối đi: cuộc sống có nhiều con đường, nhiều cách thức để mỗi người có sự lựa chọn riêng cho cuộc tồn sinh và phát triển.</i></p> <p><i>+ Lối đi không có dấu chân người: lối đi mới, cách nghĩ mới, lối sống mới, sáng tạo</i></p> <p><i>+ Tôi chọn: thể hiện sự chủ động, quyết định mang tính cá nhân.</i></p> <p><i>> Giải thích ý nghĩa cả câu: Cả câu khẳng định mỗi người cần có sự lựa chọn riêng mới mẻ, sáng tạo trên hành trình của cuộc đời.</i></p> <p><i>- Bàn luận:</i></p> <p><i>Con người cần có lựa chọn lối đi riêng, mới mẻ vì:</i></p> <p><i>+ Mỗi người có nhận thức và cách nghĩ riêng</i></p> <p><i>+ Lựa chọn lối đi riêng sẽ cho ta những cơ hội để trải nghiệm</i></p>	2.5

	<ul style="list-style-type: none"> + Giúp con người trở nên chủ động, phát huy được sở trường, bản lĩnh - Mở rộng vấn đề, trao đổi với quan điểm trái chiều hoặc ý kiến khác: + Lối đi riêng không có nghĩa là lập dị, tách biệt với xã hội + Lối đi riêng cũng không có nghĩa là tìm cách để chuộc lợi cho bản thân + Muốn đi lối riêng, con người cũng phải không ngừng trau dồi trí tuệ, nhân cách - Giải pháp: + Phải có suy nghĩ chín chắn chứ không tùy tiện + Phải dám chấp nhận những thất bại có thể xảy đến + Phải học hỏi từ những người có kinh nghiệm <p>* Kết bài: Khái quát vấn đề nghị luận</p> <p><i>Lưu ý: Thí sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</i></p>	
	<p>d. Diễn đạt</p> <p><i>Bảo đảm chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.</i></p>	0.25
	<p>đ. Sáng tạo</p> <p><i>Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận, có cách diễn đạt mới mẻ.</i></p>	0.5
Tổng điểm		10.0

----- HẾT -----

<p>PHÁT TRIỂN TỪ ĐỀ MINH HỌA</p> <p>ĐỀ 14</p>	<p>ĐỀ ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT 2025</p> <p>MÔN: NGỮ VĂN</p> <p>Thời gian: 90 phút</p>
---	--

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản:

Mẹ quê mãi mãi mẹ quê
 Con đường nhỏ nhỏ đi về thân quen
 Cả đời nào biết bon chen
 Hiền như cục đất nhuộm đen màu phèn
 Miếng ăn dành để luân phiên
 Sợ mùa thất bát lại phiên cháu con
 Quanh năm lam lũ héo hon
 Quên thời con gái môi son áo hồng

Kể từ cất bước theo chồng
Mùi bùn đã ngấm, nâu sông đã thân
Thế mà đã mấy chục năm
Tóc giờ bạc trắng lưng còng còng hơn
Gió chiều thổi nhẹ từng cơn
Long lanh ánh mắt mẹ buồn xa xăm
Lắng nghe giọng hát xa gần
Mẹ già chuối chín... vạn lần nhớ thương!

(Theo Nguyễn Minh Quang, *Mẹ quê*, in trong *Hạnh ngộ 5*, NXB Văn nghệ TP.HCM, 2008)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Chỉ ra dấu hiệu để xác định thể thơ của văn bản trên.

Câu 2. Trong văn bản trên, ngoại hình và phẩm chất của *mẹ quê* được khắc họa qua những chi tiết nào?

Câu 3. Phân tích hiệu quả của việc sử dụng biện pháp tu từ so sánh trong câu thơ: “*Hiền như cục đất nhuộm đen màu phèn*”.

Câu 4. Trình bày chủ đề của văn bản trên.

Câu 5. Nhận xét về cách quan sát, cảm nhận con người và cuộc sống cũng như vẻ đẹp tài năng – tâm hồn của tác giả Nguyễn Minh Quang được thể hiện trong văn bản trên.

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) phân tích hình ảnh *mẹ quê* qua cảm nhận của nhân vật trữ tình trong văn bản ở phần Đọc hiểu.

Câu 2 (4,0 điểm)

Sự kì vọng tạo ra áp lực hay động lực?

Từ góc nhìn của người trẻ, anh/chị hãy viết một bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ về vấn đề trên.

----- HẾT -----

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu.

- Giám thị không giải thích gì thêm.

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Hình thức được tạo dựng và duy trì bằng các cặp câu thơ (gồm một câu thơ sáu chữ và một câu thơ tám chữ) lần lượt nối tiếp nhau là dấu hiệu để xác định thể thơ lục bát của văn bản. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời đầy đủ như Đáp án: 0.5 điểm - Học sinh chỉ trả lời được một ý như Đáp án: 0.25 điểm	0,5

	- Học sinh không trả lời như Đáp án: không cho điểm	
2	<p>Trong văn bản trên, hình tượng <i>mẹ quê</i> được khắc họa qua những chi tiết sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngoại hình: “<i>nhuộm đen màu phèn</i>”, “<i>Tóc giờ bạc trắng lưng còng còng hơn</i>”, “<i>quanh năm lam lũ héo hon</i>”, “<i>long lanh ánh mắt</i>”. - Phẩm chất: “<i>hiền như cục đất</i>”, “<i>miếng ăn dành để luân phiên</i>”, “<i>mùi bùn đã ngấm, nâu sồng đã thân</i>”. <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh trả lời được 6 – 7 chi tiết như Đáp án: 0.5 điểm - Học sinh chỉ trả lời được 4 – 5 chi tiết như Đáp án: 0.25 điểm - Học sinh không trả lời như Đáp án: không cho điểm 	0,5
3	<p>Hiệu quả của việc sử dụng biện pháp tu từ so sánh (ví <i>Mẹ quê</i> “<i>hiền</i>” như “<i>cục đất</i>”) trong câu thơ “<i>Hiền như cục đất nhuộm đen màu phèn</i>”:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khiến cho lời thơ sinh động, tăng sức gợi hình – gợi cảm, làm giàu giá trị biểu đạt - biểu cảm cho sự diễn đạt. - Giúp người đọc hình dung cụ thể, cảm nhận rõ nét về nỗi vất vả, nhọc nhằn của công việc đồng áng được khắc họa trong văn bản; cũng như khắc họa sinh động tính cách hiền lành, giản dị, cam chịu của người mẹ thân thương ở quê nhà - Từ đó thể hiện tấm lòng hiếu thảo, tình yêu thương tha thiết, thái độ trân trọng cùng nỗi xót xa, trăn trở của chủ thể trữ tình về sự hi sinh vĩ đại của mẹ, ý thức sâu sắc về trách nhiệm của người con trong việc đền đáp công ơn sinh dưỡng của mẹ. <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh trả lời được đầy đủ như Đáp án: 1.0 điểm - Học sinh chỉ trả lời được 2 ý như Đáp án: 0.75 điểm - Học sinh chỉ trả lời được 1 ý như Đáp án: 0.5 điểm - Học sinh không trả lời như Đáp án: không cho điểm 	1,0
4	<p>Ghi lại những cảm nhận chân thực, sinh động về sự hi sinh thầm lặng nhưng vĩ đại của người mẹ trong gia đình thôn quê, bài thơ <i>Mẹ quê</i> (Nguyễn Minh Quang) đã thể hiện rõ nét tình yêu thương, thái độ trân trọng, tấm lòng biết ơn của người con dành cho mẹ; qua đó tác giả trực tiếp bày tỏ thái độ ca ngợi, tri ân đức hi sinh của mẹ, đề cao tình mẫu tử thiêng liêng, cao đẹp.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh trả lời được đầy đủ như Đáp án hoặc có cách diễn đạt tương tự với Đáp án: 1.0 điểm - Học sinh chỉ trả lời được một phần nội dung như Đáp án: 0.5 điểm - Học sinh không trả lời như Đáp án: không cho điểm 	1,0
5	<p>Thí sinh có thể trình bày suy nghĩ của bản thân về cách quan sát, cảm nhận con người và cuộc sống cũng như vẻ đẹp tài năng – tâm hồn của tác giả</p>	1,0

		<p>Nguyễn Minh Quang được thể hiện trong văn bản trên. Có thể theo hướng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguyễn Minh Quang có cách quan sát, cảm nhận con người và cuộc sống chân thực, sinh động, tỉ mỉ. - Nguyễn Minh Quang cũng là nhà thơ có khả năng sử dụng tiếng Việt nhuần nhuyễn, khéo léo khai thác chất liệu văn học dân gian Việt Nam và có thái độ trân trọng, tôn quý đối với ngôn ngữ và văn học dân tộc... <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh trả lời được đầy đủ như Đáp án hoặc có cách diễn đạt tương tự với Đáp án: 1.0 điểm - Học sinh chỉ trả lời được một phần nội dung như Đáp án: 0.5 điểm - Học sinh không trả lời như Đáp án: không cho điểm 	
II		VIẾT	6,0
	1	Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) phân tích hình ảnh <i>mẹ quê</i> qua cảm nhận của nhân vật trữ tình trong văn bản ở phần Đọc hiểu.	2,0
		<p><i>a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn</i></p> <p>Bảo đảm yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, phối hợp, móc xích hoặc song hành.</p>	0,25
		<p><i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i></p> <p>Hình ảnh <i>mẹ quê</i> qua cảm nhận của nhân vật trữ tình.</p>	0,25
		<p><i>c. Viết đoạn văn bảo đảm các yêu cầu</i></p> <p>Lựa chọn được các thao tác lập luận phù hợp, kết hợp chặt chẽ lí lẽ và dẫn chứng trên cơ sở bảo đảm những nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hình ảnh <i>mẹ quê</i> gắn liền với lối sống giản dị, dân dã, thanh bạch (“<i>con đường nhỏ nhỏ đi về thân quen</i>”, “<i>cả đời nào biết bon chen</i>”, “<i>mùi bùn đã ngấm, nâu sông đã thân</i>”). - Hình ảnh <i>mẹ quê</i> mang vẻ đẹp gần gũi, thân thương với những phẩm chất tốt đẹp, đáng quý tiêu biểu của người phụ nữ Việt Nam: cần kiệm (“<i>cả đời nào biết bon chen</i>”), hiền lành (“<i>hiền như cục đất...</i>”), nhân hậu, giàu tình thương yêu và đức hi sinh cao đẹp (“<i>Miếng ăn dành để luân phiên/ Sợ mùa thất bát lại phiên cháu con</i>”), tảo tần, đảm đang (“<i>quanh năm lam lũ héo hon</i>”). - Hình ảnh <i>mẹ quê</i> phản ánh rõ nét sự bào mòn khắc nghiệt của thời gian (“<i>Thế mà đã mấy chục năm/ Tóc giờ bạc trắng lưng còng còng hơn</i>”) cùng cuộc sống vất vả, cực nhọc đè nặng lên vai người phụ nữ trong gia đình (“<i>quên thời con gái môi son áo hồng</i>”), là minh chứng điển hình cho vẻ đẹp mộc mạc, bình dị của người phụ nữ Việt Nam, khơi gợi nên thái độ trân trọng, kính yêu của mỗi người dành cho sự hi sinh vĩ đại của những người mẹ trong gia đình. 	1,0
		<p><i>d. Diễn đạt</i></p> <p>Bảo đảm chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.</p>	0,25

		<i>đ. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận, có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25
	2	Hãy viết một bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ về vấn đề: <i>Sự kì vọng tạo ra áp lực hay động lực?</i>	4,0
		<i>a. Đảm bảo bố cục và dung lượng của bài văn nghị luận</i> Bảo đảm yêu cầu về bố cục và dung lượng (khoảng 600 chữ) của bài văn.	0,25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> Sự kì vọng có thể tạo ra áp lực, nhưng cũng đồng thời làm nên động lực cho người.	0,5
		<i>c. Viết được bài văn nghị luận bảo đảm các yêu cầu</i> Lựa chọn được các thao tác lập luận phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn lí lẽ và dẫn chứng; trình bày được hệ thống ý phù hợp theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận. Có thể triển khai theo hướng: * Mở bài: Giới thiệu vấn đề nghị luận. * Thân bài: - Giải thích: Sự kì vọng là thuật ngữ chỉ việc con người đặt nhiều niềm tin, hi vọng, mong mỏi vào một đối tượng hay sự việc nào đó có ý nghĩa quan trọng đối với họ; áp lực là sự cưỡng ép được con người cảm nhận rõ rệt; động lực là cái thúc đẩy, làm cho con người phát triển theo chiều hướng tích cực, tiến bộ; vấn đề này đề cập đến tác dụng của sự kì vọng đối với con người khi được nhìn nhận dưới góc độ đa chiều. - Bàn luận: + Sự kì vọng có thể tạo ra áp lực cho con người trên nhiều phương diện với nhiều mức độ khác nhau; con người cần nhận thức và kiểm soát sự kì vọng của bản thân vào một điều gì đó vì nó có thể gây ra nhiều vấn đề tiêu cực. + Sự kì vọng có thể tạo ra động lực cho con người, thúc đẩy con người phấn đấu để vượt qua khó khăn, thử thách để thực hiện nhiều mục tiêu; con người cần đặt kì vọng đúng mức, đúng chỗ để nó phát huy tác dụng tích cực. - Mở rộng vấn đề, trao đổi với quan điểm trái chiều hoặc ý kiến khác. * Kết bài: Khái quát vấn đề nghị luận. <i>Lưu ý: Thí sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</i>	2,5
		<i>d. Diễn đạt</i> Bảo đảm chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.	0,25
		<i>đ. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận, có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
Tổng điểm			10.0

----- Hết -----

PHẦN I. ĐỌC-HIỂU (4.0 điểm)**Đọc văn bản:**

(1) *Cùng một cơn mưa, người tích cực sẽ bực mình vì phải trùm áo mưa, người lạc quan thì nghĩ đến cây cối xanh tươi, không khí sẽ được trong lành. Và một khi chúng ta không thể thay đổi được hiện tượng xảy ra, tốt nhất là nhìn nó bằng ánh mắt tích cực. Cái thiện có thể sẽ thua cái ác trong một thời điểm nhưng chung cuộc sẽ chiến thắng. Cứ sau một sự cố, con người lại tìm nguyên nhân và khắc phục nó. Sau lũ lụt, phù sa sẽ làm màu mỡ hơn cho cánh đồng, sâu bọ sẽ bị quét sạch ra biển, dư lượng hóa chất trong đất đai sẽ bị rửa sạch. Lỗi lầm của người khác, thay vì giữ trong lòng và tức giận, thôi bỏ qua, mình sẽ thấy thoải mái hơn rất nhiều. Nói một cách khác, nếu bạn được sống 100 năm, xem như là một bộ phim có 100 tập, thì hãy tạo ra ít nhất 2/3 tập có tiếng cười thay vì tập nào cũng rơi vào bi kịch chán chường, đau khổ, chia lìa, mất mát.*

(2) *Trong từ Hán Việt, nguy cơ bao gồm nguy và cơ. Đối với người có tư duy tích cực, “nguy” (problem) sẽ được họ biến thành “cơ” (opportunity). Người tích cực và lạc quan sẽ có gương mặt sáng bừng, nụ cười thường trực trên môi, sống và cháy hết mình, học tập và làm việc hết mình dù ngày mai trời có sập.*

(Tony buổi sáng, trích *Tư duy tích cực*, in trong *Trên đường băng*,

NXB Trẻ, 2016, tr.24)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1 (0,5 điểm). Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản trên.

Câu 2 (0,5 điểm). Theo tác giả, khi không thể thay đổi được hiện tượng xảy ra, tốt nhất là chúng ta cần làm gì?

Câu 3 (1,0 điểm). Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong câu văn: *Người tích cực và lạc quan sẽ có gương mặt sáng bừng, nụ cười thường trực trên môi, sống và cháy hết mình, học tập và làm việc hết mình dù ngày mai trời có sập.*

Câu 4 (1,0 điểm). Nhận xét về quan điểm sống của tác giả được thể hiện trong đoạn trích.

Câu 5 (1,0 điểm). Anh/chị có đồng tình với quan điểm: *“Cái thiện có thể sẽ thua cái ác trong một thời điểm nhưng chung cuộc sẽ chiến thắng”* không? Vì sao?

PHẦN II. LÀM VĂN (6.0 điểm)

Câu 1 (2.0 điểm).

Từ đoạn trích ở phần Đọc hiểu, anh/chị hãy viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) bàn về quan niệm sau: *Đối với người có tư duy tích cực, “nguy” (problem) sẽ được họ biến thành “cơ” (opportunity).*

Câu 2 (4.0 điểm).

Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) so sánh, đánh giá hai bài thơ sau:

Anh xa em Trăng cũng lẻ Mặt trời cũng lẻ Biển vẫn cây mình dài rộng thế Vắng cánh buồm một chút	Anh cách em như đất liền xa cách bể Nửa đêm sâu nằm lắng sóng phương em Em thân thuộc sao thành xa lạ thế
---	---

<p> <i>đã cô đơn</i> <i>Gió không phải là roi mà vách núi phải mòn</i> <i>Em không phải là chiều mà nhuộm anh đến tím</i> <i>Sóng chẳng đi đến đâu</i> <i>nếu không đưa em đến</i> <i>Dù sóng đã làm anh</i> <i>Nghiêng ngả</i> <i>Vì em</i> </p> <p>(Hữu Thỉnh, <i>Thơ viết ở biển</i>, In trong tập <i>100 bài thơ tình chọn lọc</i>, NXB Giáo dục, 1997, tr. 152-153).</p>	<p> <i>Sắp gặp em rồi sóng lại đẩy xa thêm</i> <i>Anh không ngủ. Phải vì em đang nhớ</i> <i>Một trời sao rực cháy giữa đôi ta</i> <i>Em nhắm mắt cho lòng anh lặng gió</i> <i>Cho trời sao yên rưng một đêm hoa</i> </p> <p>(Chế Lan Viên, <i>Chùm nhỏ thơ yêu</i>, In trong tập <i>Hoa ngày thường - Chim báo bão</i>, NXB Văn học, 1967).</p>
<p>Chú thích:</p> <p>Nhà thơ Hữu Thỉnh sinh ngày 15 tháng 2 năm 1942. Ông là tác giả của những tập thơ, trường ca tiêu biểu như <i>Sang thu</i>, <i>Thơ mùa đông</i>, <i>Trường ca biển</i>, <i>Thương lượng với thời gian</i>... Thơ ông mang tính trữ tình sâu lắng, gần gũi với thiên nhiên và cuộc sống; ngôn từ giản dị, trong sáng.</p> <p>Nhà thơ Chế Lan Viên (1920 - 1989). Con đường thơ của ông trải qua nhiều biến động, nhiều bước ngoặt với những trăn trở, tìm tòi sáng tạo không ngừng. Thơ Chế Lan Viên giàu tính suy tưởng - triết lí với hệ thống hình ảnh phong phú, độc đáo, giàu ý nghĩa biểu tượng.</p>	

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

I. Yêu cầu chung:

1. Giám khảo nắm vững yêu cầu của Hướng dẫn chấm để đánh giá tổng quát bài làm của học sinh. Hướng dẫn chấm chỉ nêu những nội dung cơ bản, *có tính định hướng, định tính* chứ không *định lượng*. Giám khảo cần linh hoạt khi vận dụng; trân trọng những bài có ý kiến và giọng điệu riêng. Chấp nhận các cách kiến giải khác nhau, kể cả không có trong hướng dẫn chấm, miễn là hợp lí và có sức thuyết phục.

2. Tổng điểm toàn bài là 10,0 điểm, cho lẻ đến 0,25 điểm.

II. Yêu cầu cụ thể:

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Phương thức biểu đạt chính của văn bản: Nghị luận. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án: 0,5 điểm. - Học sinh không trả lời hoặc trả lời không đúng đáp án: 0 điểm	0,5
	2	Theo tác giả, khi không thể thay đổi được hiện tượng xảy ra, tốt nhất là chúng ta nhìn nó bằng ánh mắt tích cực.	0,5

	<p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh trả lời như đáp án: 0,5 điểm.</p> <p>- Học sinh không trả lời hoặc trả lời không đúng đáp án: 0 điểm</p>	
3	<p>- Biện pháp tu từ được sử dụng trong câu văn: Liệt kê (gương mặt sáng bừng, nụ cười thường trực trên môi, sống và cháy hết mình, học tập và làm việc hết mình.)</p> <p>- Tác dụng:</p> <p>+ Tạo nhịp điệu, làm câu văn sinh động, hấp dẫn, giàu giá trị biểu đạt.</p> <p>+ Giúp người đọc hiểu được giá trị của tư duy tích cực.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>+ Học sinh trả lời như đáp án hoặc diễn đạt tương đương: 1,0 điểm. Cụ thể:</p> <p>Học sinh gọi tên và chỉ ra được đúng biện pháp tu từ (0.5 điểm), tác dụng (0,5 điểm).</p> <p>+ Học sinh gọi tên mà không chỉ ra được đúng biện pháp tu từ (0.25 điểm), tác dụng trả lời chung chung không rõ ý: 0,25 điểm.</p> <p>+ Học sinh không trả lời hoặc trả lời không đúng đáp án: 0.0 điểm</p>	1,0
4	<p>Nhận xét về quan điểm sống của tác giả được thể hiện trong đoạn trích:</p> <p>- Quan điểm sống tích cực, lạc quan</p> <p>- Đó là quan điểm sống đúng đắn, tiến bộ, giúp mỗi người tự hoàn thiện bản thân.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>+ Học sinh trả lời như đáp án hoặc diễn đạt tương đương: 1,0 điểm.</p> <p>+ Học sinh trả lời được 1 ý như đáp án hoặc diễn đạt tương đương: 0,5 điểm</p> <p>+ Học sinh trả lời chung chung không rõ ý: 0,25 điểm</p> <p>+ Học sinh không trả lời hoặc trả lời không đúng đáp án: 0.0 điểm</p>	1,0
5	<p>Trình bày suy nghĩ của anh/chị về câu nói: <i>Cái thiện có thể sẽ thua cái ác trong một thời điểm nhưng chung cuộc sẽ chiến thắng.</i></p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>+ Học sinh thể hiện rõ suy nghĩ cá nhân, nội dung câu trả lời cần tự nhiên, chân thành, có sức thuyết phục. (1,0 điểm).</p> <p>+ Học sinh nêu được quan điểm nhưng còn một chiều, chưa thuyết phục (0,5 điểm).</p> <p>+ Học sinh trả lời chung chung không rõ ý: 0,25 điểm</p> <p>+ Học sinh không trả lời hoặc trả lời không đúng đáp án: 0.0 điểm</p>	1,0

II		LÀM VĂN	
	1	Từ đoạn trích ở phần Đọc hiểu, anh/chị hãy viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) bàn về quan niệm: <i>Đối với người có tư duy tích cực, “nguy” (problem) sẽ được họ biến thành “cơ” (opportunity).</i>	2,0
		<p><i>a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn (khoảng 200 chữ).</i></p> <p>Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng - phân - hợp, móc xích hoặc song hành.</p>	0,25
		<p><i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:</i></p> <p><i>Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:</i> Với những người tích cực, họ sẽ luôn tìm thấy cơ hội tốt trong những vấn đề nguy nan.</p>	0,25
		<p><i>c. Triển khai vấn đề nghị luận.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh có thể lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách. - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống ý. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục, lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, hợp lý, kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng. - Có thể triển khai theo hướng: <ul style="list-style-type: none"> + Con người trong cuộc sống khó tránh khỏi những điều không như ý. + Thử thách (nguy) luôn ẩn chứa những cơ hội, những bài học từ cuộc sống. + Vượt qua những chướng ngại con người sẽ mạnh mẽ, trưởng thành hơn. + Nhiều bạn trẻ sớm chùn bước trước “nguy”, không đủ sáng suốt, niềm tin và kiên nhẫn thấy được “cơ” hoặc oán trách trước những thử thách của cuộc đời. + Hãy tư duy tích cực, lạc quan, chấp nhận thử thách, bằng niềm tin, ý chí, bản lĩnh, biến thử thách thành cơ hội để khẳng định giá trị bản thân. 	1.0
		<p><i>d. Diễn đạt</i></p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp Tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.</p>	0,25
		<p><i>e. Sáng tạo</i></p> <p>Suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p>	0,25
	2.	Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) so sánh, đánh giá hai bài thơ <i>Thơ viết ở biển</i> (Hữu Thỉnh) và <i>Chùm nhỏ thơ yêu</i> (Chế Lan Viên)	4,0
		<p><i>a. Xác định được kiểu bài, đảm bảo cấu trúc.</i></p> <p>Xác định được yêu cầu của kiểu bài: Viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai văn bản văn học. Đảm bảo cấu trúc: Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển</p>	0,25

		khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.	
		<p><i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i></p> <p>So sánh, đánh giá hai bài thơ <i>Thơ viết ở biển</i> (Hữu Thỉnh) và <i>Chùm nhỏ thơ yêu</i> (Chế Lan Viên)</p>	0,5
		<p><i>c. Triển khai vấn đề nghị luận:</i></p> <p>- Xác định được các ý chính của bài viết. Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận.</p> <p>- Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng.</p> <p>Có thể theo định hướng:</p> <p>- So sánh hai bài thơ</p> <p>+ Những điểm tương đồng giữa hai bài thơ:</p> <p>++ Cả hai bài thơ đều viết về đề tài tình yêu và nỗi nhớ khi xa cách. Cảm hứng chủ đạo là tình cảm yêu thương, nhớ nhung, trăn trở, suy tư da diết, sâu sắc. Hai tác phẩm cùng chọn nhân vật trữ tình là “<i>Anh</i>” – là cái tôi trữ tình của tác giả để gửi gắm những cảm xúc chân thành, đắm say về tình yêu và cuộc đời.</p> <p>++ Những cảm xúc, suy tư của hai nhà thơ đều được thể hiện qua hình thức thơ tự do, đậm chất trữ tình, lãng mạn. Cả hai bài thơ đều có những hình ảnh so sánh, nhân hóa, ẩn dụ giàu tính biểu cảm.</p> <p>+ Những điểm khác biệt giữa hai đoạn thơ:</p> <p>++ Nếu <i>Thơ viết ở biển</i> của Hữu Thỉnh thể hiện những cảm xúc của chủ thể trữ tình khi đứng trước biển cả bao la, rộng lớn, cảm thấy nhỏ bé trước không gian, cô đơn khi xa cách người yêu, nhớ mong, khao khát, cháy bỏng thì <i>Chùm nhỏ thơ yêu</i> của Chế Lan Viên nghiêng về diễn tả những trạng thái tâm lí, những khoảnh khắc đẹp đẽ, đặc trưng của tình yêu, khi ngọt ngào, say đắm, khi buồn nhớ vì xa cách, khi suy tư, trăn trở về sự mong manh của tình yêu, hạnh phúc.</p> <p>++ <i>Thơ viết ở biển</i> của Hữu Thỉnh có ngôn từ, hình ảnh giản dị, gần gũi, giàu nhịp điệu; <i>Chùm nhỏ thơ yêu</i> của Chế Lan Viên sử dụng ngôn từ tinh tế, hình ảnh tượng trưng, mới lạ, độc đáo; ngôn ngữ thơ vừa lãng mạn vừa mang tính triết lí.</p> <p>+ Lí giải sự tương đồng và khác biệt:</p> <p>++ Tương đồng:</p> <p>Đề tài tình yêu và nỗi nhớ luôn là đề tài bất tận của thơ ca muôn đời, khơi gợi cảm hứng của nhiều nhà thơ.</p> <p>Cả hai tâm hồn thơ đều tinh tế, nhạy cảm, có những cảm xúc chân thành, mãnh liệt trong tình yêu.</p>	2.5

	<p>++ Khác biệt:</p> <p>Mỗi nhà thơ có những suy tư riêng, những cảm quan, phong cách nghệ thuật riêng, vì vậy, họ có những khám phá riêng, biểu hiện riêng về tình yêu và nỗi nhớ.</p> <p>Thơ Hữu Thỉnh thường mang tính trữ tình, sâu lắng, giản dị, gần gũi. Thơ Chế Lan Viên thường mang tính tượng trưng, siêu thực và triết lí sâu sắc nên ngôn từ, hình ảnh thường phong phú, mới lạ, giàu tính biểu tượng.</p> <p>- Đánh giá chung</p> <p>+ Cả hai nhà thơ đều thể hiện những cảm xúc tinh tế, sâu sắc về tình yêu đôi lứa.</p> <p>+ Mỗi bài thơ hấp dẫn theo cách riêng, ghi dấu ấn riêng của mỗi nhà thơ, là sản phẩm trí tuệ không lặp lại.</p> <p>+ Đó chính là quy luật sáng tạo của nghệ thuật nói chung và cũng qua đó bộc lộ được vẻ đẹp đa thanh, đa sắc màu, đa giọng điệu của văn chương nói riêng.</p>	
	<p><i>d. Chính tả, ngữ pháp</i></p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.</p>	0,25
	<p><i>e. Sáng tạo</i></p> <p>Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p>	0,5
TỔNG ĐIỂM		10

PHÁT TRIỂN TỪ ĐỀ MINH HỌA**ĐỀ 16****ĐỀ ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT 2025****MÔN: NGỮ VĂN****Thời gian: 90 phút****I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)****Đọc văn bản sau:****Mùa xuân****- Bình Nguyên Trang-***(1) Trên cánh đồng trải dài màu xanh**Nghe hân hoan tiếng đập cánh con chim họa mi bay theo hình dải lụa**Dường như đó là chiếc thắt lưng của nàng công chúa**Đêm qua vừa kịp đến làng*

(2)Mùa xuân bất ngờ sang từ một búp bàng
Như con mắt thức dậy sau ngàn ngày chờ đợi
Lạ lùng gió cứ nồng nàn tràn tới
Đường như đầy ắp cánh đồng

(3)Nghe trong lòng như có một quả chuông
Năm giờ sáng chợt ngân lên kỳ diệu
Trước sân nhà hoa đào hồng như má người say rượu
Còn chú mèo lười đi từ bếp ra sân

(4)Bao mơ ước trở về trên đôi cánh mùa xuân
Trong giây lát mẹ dường như trẻ lại
Khi mẹ đứng trước thềm nhà gió thổi tung mái tóc
Em quàng chiếc khăn ngày bắt đầu đi học
Ngồi nói chuyện với chú mèo

(5)Mùa xuân về bao mới mẻ mang theo
Sau cơn mưa mặt đất có phép màu
Nắng bừng sáng trong khu vườn lạnh lẽo
Và tiếng cười đang ở lại trong ngôi nhà, trong nồi bánh đang reo ...

(Nguồn: <https://www.thivien.net/>)

Thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 5 (trình bày ngắn gọn):

Câu 1 (0,5 điểm). Xác định thể thơ trong văn bản trên

Câu 2 (0,5 điểm). Liệt kê những hình ảnh thiên nhiên báo hiệu mùa xuân về trong khổ thơ (1) và (2).

Câu 3 (1,0 điểm). Phân tích tác dụng của biện pháp tu từ so sánh trong hai câu thơ sau:

Nghe trong lòng như có một quả chuông
Năm giờ sáng chợt ngân lên kỳ diệu

Câu 4 (1,0 điểm). Anh/chị hiểu nội dung hai câu thơ sau như thế nào?

Nắng bừng sáng trong khu vườn lạnh lẽo

Và tiếng cười đang ở lại trong ngôi nhà, trong nồi bánh đang reo

Câu 5 (1,0 điểm). Nêu một bài học ý nghĩa nhất mà anh/chị rút ra được từ bài thơ và lí giải vì sao?

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm). Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) phân tích chủ đề và nghệ thuật của đoạn thơ sau trong bài Mùa xuân- Bình Nguyên Trang.

Trên cánh đồng trải dài màu xanh

Nghe hân hoan tiếng đập cánh con chim họa mi bay theo hình dải lụa

Dường như đó là chiếc thắt lưng của nàng công chúa

Đêm qua vừa kịp đến làng

Mùa xuân bất ngờ sang từ một búp bàng

Như con mắt thức dậy sau ngàn ngày chờ đợi

Lạ lùng gió cứ nồng nàn tràn tới

Dường như đầy ắp cánh đồng

Nghe trong lòng như có một quả chuông

Năm giờ sáng chợt ngân lên kỳ diệu

Trước sân nhà hoa đào hồng như má người say rượu

Còn chú mèo lười đi từ bếp ra sân

Câu 2 (4,0 điểm). Cuộc sống luôn tồn tại sự khác biệt giữa người này và người khác.

Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) bày tỏ ý kiến của anh/chị về **tôn trọng sự khác biệt**.

.....**Hết**.....

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu.

- Giám thị coi thi không giải thích gì thêm.

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	-Thể thơ: Tự do	0,5

	<p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh trả lời chính xác như đáp án: 0,5 điểm. - Học sinh không trả lời: không cho điểm. 	
2	<p>- Những hình ảnh thiên nhiên báo hiệu mùa xuân về trong khổ thơ (1) và (2):</p> <ul style="list-style-type: none"> -cánh đồng trải dài màu xanh - tiếng đập cánh của con chim họa mi - một búp bàng <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh trả lời chính xác như đáp án: 0,5 điểm. - Học sinh trả lời chính xác 1 ý: 0,25 điểm. - Học sinh không trả lời đúng: không cho điểm. 	0,5
3	<p>- Biện pháp tu từ so sánh: Những rung cảm trong lòng được ví như quả chuông ngân lên lúc năm giờ sáng.</p> <p>- Tác dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nhấn mạnh những rung cảm mãnh liệt trong tâm hồn nhân vật trữ tình trước những tín hiệu của mùa xuân; khắc sâu thêm cái mới mẻ, ban đầu, cái kì diệu, cái đắm đuối, mê say, rạo rực của con người khi đón đợi mùa xuân về. + Từ đó, khẳng định sự tinh tế, nhạy cảm của một tâm hồn yêu say thiên nhiên, thiết tha với cảnh sắc mùa xuân, cuộc sống,... + Làm cho câu thơ trở nên sinh động, hấp dẫn, giàu hình ảnh, giàu giá trị biểu cảm. <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh trả lời chính xác như đáp án : 1.0 điểm. - Học sinh trả lời 1 ý 0.25 điểm - Học sinh không trả lời đúng: không cho điểm. 	1.0
4	<p>Hai câu thơ: <i>Nắng bừng sáng trong khu vườn lạnh lẽo/Và tiếng cười đang ở lại trong ngôi nhà, trong nồi bánh đang reo</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Hai câu thơ gợi bức tranh mùa xuân chớm sang với hai trạng thái đối lập: một bên là khu vườn lạnh lẽo, bên kia là nắng bừng sáng và tiếng cười rộn rã âm thanh đời thường, giản dị,... - Hai câu thơ giúp ta hiểu: Mùa xuân đã tạo lên sự đổi thay kì diệu, đem lại 	0.5

		<p>sức sống, sự tươi mới và những năng lượng tích cực lan toả khắp muôn nơi</p> <p>- Hai câu thơ góp phần khắc họa: Nhân vật trữ tình là người có tình yêu thiết tha với thiên nhiên, đất nước, con người,...</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh trả lời chính xác như đáp án: 1,0 điểm.</p> <p>- Học sinh trả lời được 1 ý: 0,5 điểm.</p> <p>- Học sinh không trả lời đúng: không cho điểm.</p>	0.5
	5	<p>* Học sinh nêu được một bài học ý nghĩa từ đoạn thơ.</p> <p>Tham khảo: Những bài học ý nghĩa từ đoạn thơ:</p> <p>- Yêu thiên nhiên, quê hương đất nước, con người</p> <p>- Luôn tin tưởng và hi vọng...</p> <p>* Lí giải thuyết phục.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh trả lời được được một bài học và lý giải: 1,0 điểm.</p> <p>- Học sinh trả lời được 1 ý nhưng không lý giải: 0,5 điểm.</p> <p>- Học sinh không trả lời phù hợp: không cho điểm.</p>	1,0
II		LÀM VĂN	6,0
	1	<p>Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) phân tích chủ đề và nghệ thuật của đoạn thơ sau trong bài Mùa xuân- Bình Nguyên Trang.</p>	2.0
		<p><i>a. Đảm bảo cấu trúc đoạn nghị luận văn học</i></p> <p>- Đảm bảo dung lượng (khoảng 200 chữ)</p> <p>- Đúng hình thức đoạn văn</p>	0,25
		<p><i>b. Triển khai vấn đề nghị luận</i></p> <p>Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần giới thiệu được vấn đề cần nghị luận, có luận điểm, luận cứ chặt chẽ,... Sau đây là một số gợi ý:</p> <p>*Mở đoạn: Dẫn dắt, giới thiệu được tác giả, nội dung chính của đoạn thơ cần nghị luận.</p> <p>*Thân đoạn:</p> <p>- HS khai thác các tín hiệu nghệ thuật như: Từ ngữ, hình ảnh, cách ngắt nhịp, biện pháp nghệ thuật so sánh để làm sáng tỏ:</p> <p>- Cảm xúc rạo rực, yêu đời của nhân vật trữ tình khi mùa xuân về.</p> <p>- Cảm nhận không gian đẹp nên thơ, âm thanh vui tươi, du dương của tiếng</p>	1,5

		<p>chim họa mi, sự sống trời dậy từ hình ảnh “búp bàng”....</p> <p>- Sự giao hòa giữa thiên nhiên và con người, tâm hồn thơ tinh tế, nhạy cảm</p> <p>*Kết đoạn:</p> <p>-Khái quát giá trị nghệ thuật và nội dung của đoạn thơ</p> <p>-Chỉ ra thông điệp</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Phân tích đầy đủ, sâu sắc: 1.5 điểm.</p> <p>- Phân tích đầy đủ, chưa sâu: 1,0 điểm – 1,25 điểm.</p> <p>- Phân tích chung chung, sơ sài: 0,5 điểm – 0,75 điểm</p>	
		<p>d. Chính tả, ngữ pháp và sáng tạo</p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt</p> <p>Hướng dẫn chấm: Không cho điểm nếu bài làm có quá 6 lỗi chính tả, ngữ pháp.</p> <p>Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p> <p>Hướng dẫn chấm: huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân khi bàn luận; có cái nhìn riêng, mới mẻ về vấn đề; có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận, làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh, đoạn văn giàu sức thuyết phục.</p>	0,25
	2	<p>Cuộc sống luôn tồn tại sự khác biệt giữa người này và người khác.</p> <p>Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) bày tỏ ý kiến của anh/chị về <i>tôn trọng sự khác biệt</i>.</p>	4.0
		<p>a.Hình thức</p> <p>- Đảm bảo đúng hình thức bài văn (Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề)</p> <p>- Lập luận chặt chẽ, lí lẽ thuyết phục, dẫn chứng phù hợp, diễn đạt mạch lạc, hoàn chỉnh, đúng chuẩn chính tả, ngữ pháp.</p>	0.5
		<p>b. Nội dung</p> <p>*Mở bài: Dẫn dắt, giới thiệu nội dung vấn đề cần nghị luận</p> <p>*Thân bài:</p> <p>- Giải thích:</p> <p>+ <i>Tôn trọng</i> là thái độ đánh giá cao, không vi phạm hay xúc phạm đối</p>	3.0

	<p>phương.</p> <p>+ <i>Sự khác biệt</i> không chỉ là về ngôn ngữ, màu da, tôn giáo mà còn là sự khác nhau trong tính cách, nhận thức, ước mơ, cá tính ở mỗi con người; rộng hơn là sự khác biệt trong phong tục, tập quán, văn hóa của mỗi vùng miền, quốc gia, dân tộc.</p> <p>- Thể hiện quan điểm của người viết, có thể theo một số gợi ý sau:</p> <p>+ Sự khác biệt có thể làm cho cuộc sống phong phú, ý nghĩa hơn. Tôn trọng sự khác biệt là văn hóa ứng xử cần có của mỗi người, đặc biệt trong xã hội hiện đại ngày nay.</p> <p>+ Tôn trọng sự khác biệt giúp con người hòa nhập với cuộc sống, gắn kết những mối quan hệ tốt đẹp.</p> <p>+ Tôn trọng sự khác biệt giúp chúng ta có cái nhìn khách quan hơn về cuộc sống, hoàn thiện bản thân mình hơn. Người biết tôn trọng người khác sẽ được mọi người yêu quý và tôn trọng.</p> <p>+ Tôn trọng sự khác biệt sẽ góp phần tạo ra một môi trường sống lành mạnh, tích cực, văn minh, thúc đẩy sự phát triển của mỗi cá nhân, xã hội.</p> <p>- Mở rộng, trao đổi quan điểm trái chiều hoặc ý kiến khác để có cái nhìn toàn diện,...</p> <p>* Khẳng định lại quan điểm cá nhân đã trình bày và rút ra bài học cho bản thân:</p> <p>* Kết bài: Nêu ý nghĩa của việc từ bỏ thói quen ngại giao tiếp thực tế.</p>	
	<p>c. Sáng tạo</p> <p>Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p> <p>Hướng dẫn chấm: <i>huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân khi bàn luận; có cái nhìn riêng, mới mẻ về vấn đề; có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận, làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh, đoạn văn giàu sức thuyết phục</i></p>	0.5
Tổng điểm		10,0

-----HẾT-----

PHÁT TRIỂN TỪ ĐỀ MINH HỌA

ĐỀ 17

ĐỀ ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT 2025

MÔN: NGỮ VĂN

Thời gian: 90 phút

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

Đứng một mình không dễ. Không những nó có thể làm ta không được ưa thích, khi một mình, nhà văn Đan Mạch Dorte Nors viết, chúng ta phải đối diện với cảm xúc của ta, quá khứ của ta, cuộc đời của ta, những vấp vấp, sai lầm của ta, ta sẽ cảm thấy mình nhỏ bé, cần lòng dũng cảm để không lẫn tránh chúng.

Đổi lại, điều ta nhận được là một sự vững vàng mà không phải bám víu vào sự tung hô của người khác. Một mình nhưng không cô đơn. Triết gia thế kỉ XIX Henry David Thoreau viết: “Tôi không cô đơn hơn một cây mao nhĩ hay bồ công anh trên một đồng cỏ, hay một lá đậu, hay một cây chua me đất, hay một con mòng, hay một con ong nghệ. Tôi không cô đơn hơn ngôi sao Bắc Đẩu, hay một ngọn gió nam, hay một cơn mưa tháng tư, hay băng tan tháng giêng”.

Cuối cùng, một mình không có nghĩa là phải tách khỏi người khác một cách vật lí. Một mình là một quan điểm sống, một trạng thái tinh thần độc lập, nó không được đo bởi khoảng cách vật lí giữa một cá nhân và những người xung quanh. Các ẩn sĩ hiện đại không cần thiết phải lên núi. Họ vẫn ở trong xã hội, yên lặng, quan sát và tìm hiểu thế giới. Họ tự do trước các con sóng của đám đông để có thể quan tâm tới cộng đồng một cách sâu sắc hơn, đóng góp cho cộng đồng một cách hiểu biết hơn. Vẻ đẹp của người đứng một mình là vẻ đẹp tự tại, với một niềm vui tự thân. Một niềm vui mà như nhà tu hành David Steindl-Rast diễn tả, không phụ thuộc vào những điều đang xảy ra.

(Đặng Hoàng Giang, *Bức xúc không làm ta vô can*, NXB Hội Nhà văn, 2016, tr. 79-80)

Thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 5 (Trình bày ngắn gọn):

Câu 1. Xác định vấn đề được bàn luận trong văn bản trên.

Câu 2. Theo tác giả, việc *đứng một mình* mang đến những thách thức nào cho con người?

Câu 3. Theo anh/ chị, mục đích của tác giả trong văn bản trên là gì?

Câu 4. Anh/ chị có đồng tình với quan điểm: *Vẻ đẹp của người đứng một mình là vẻ đẹp tự tại, với một niềm vui tự thân* không? Vì sao?

Câu 5. Ngoài quan điểm của tác giả, anh/ chị hãy nêu một vẻ đẹp khác của *người đứng một mình* theo quan điểm của riêng anh/ chị?

II. PHẦN làm văn (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm) Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/ chị về ý nghĩa việc dũng cảm bày tỏ quan điểm của bản thân.

Câu 2. (4,0 điểm) Viết bài văn nghị luận (khoảng 600) phân tích, đánh giá nét đặc sắc về nội dung của văn bản sau:

THƯ CỦA CHA

Giấy báo con đậu đại học

Thư cha đến giữa giảng đường

Mẹ mừng quýnh vấp bờ mương

Con đọc quên nghe thầy giảng

Cha mừng buồn rơi cán cuốc

Lá thư còn đọng mùi hương

Vùng kinh tế mới tung bừng

Cỏ, rom, đất bùn, mưa nắng...

Vội bán non hai sào đậu

“Việc đồng đạo này bận quá

Cho con hành trang lên đường

Nhớ con không biết làm sao

“Thị thành xa hoa rục rở

Con hãy giữ gìn sức khỏe

Mình nghèo, ráng học nghe con!”

À nhà vừa bán con heo”

Con đi việc nhà dồn lại

Thư viết đầy lỗi chính tả

Vai mẹ thêm gầy mẹ ơi!

Con bật khóc giữa giảng đường

Bầy em vẫn còn thơ dại

Vòng tay nuôi con khôn lớn

Mình cha cặm cui trên đồi

Lần đầu cầm bút rưng rưng...

* Nguyên Hương được bạn đọc biết đến từ năm 1995 khi chị đoạt giải nhất cuộc thi Văn học tuổi 20 với tập truyện ngắn *Quà muộn*. Mười năm qua, chị lặng lẽ sáng tác nơi cao nguyên Buôn Ma Thuật. Trước khi đến với thơ văn, chị từng là thợ may. Tác phẩm của chị xoay quanh những điều bình dị, những hạnh phúc đời thường.

-----Hết-----
HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	NỘI DUNG	ĐIỂM
I		PHẦN ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Vấn đề được bàn luận trong văn bản trên: Bản chất của việc “đứng một mình”	0,5
	2	Theo tác giả, việc <i>đứng một mình</i> mang đến những thách thức cho con người: - <i>làm ta không được ưa thích</i> - <i>phải đối diện với cảm xúc của ta, quá khứ của ta, cuộc đời của ta, những vấp vấp, sai lầm của ta, ta sẽ cảm thấy mình nhỏ bé, cần lòng dũng cảm để không lẩn tránh chúng.</i>	0,5
	3	Mục đích của tác giả trong văn bản trên: Thuyết phục và chứng minh rằng “đứng một mình” là một quan điểm sống, một trạng thái tinh thần độc lập; mang đến những giá trị to lớn cho con người.	1,0
	4	Anh/ chị có đồng tình với quan điểm: <i>Vẻ đẹp của người đứng một mình là vẻ đẹp tự tại, với một niềm vui tự thân</i> không? Vì sao? - HS chọn đồng tình hoặc không đồng tình hoặc vừa đồng tình vừa không đồng tình. Có những lí giải thuyết phục. (Gợi ý: Chọn đồng tình: <i>Vẻ đẹp của người đứng một mình là vẻ đẹp tự tại, với một niềm vui tự thân</i> vì: - Người đứng một mình biết xác định rõ quan điểm sống, có trạng thái tinh thần độc lập, từ đó cách nhìn nhận, phán đoán, cảm nhận riêng về cuộc sống. - Người đứng một mình không bị lung lay bởi những quan điểm xung quanh, tự tin với chính quyết định của cuộc đời mình.	1,0
	5	Ngoài quan điểm của tác giả, anh/ chị hãy nêu một vẻ đẹp khác của <i>người đứng một mình</i> theo quan điểm của riêng anh/ chị? Lí giải trong khoảng 5-7 dòng. Học sinh có thể lựa chọn các vấn đề khác nhau và lí giải được sự lựa chọn (Gợi ý: truyền cảm hứng, sáng tạo...)	1,0

II		PHẦN VIẾT	6,0
	1	Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/ chị về ý nghĩa việc dũng cảm bày tỏ quan điểm của bản thân.	2,0
		<i>a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức, dung lượng đoạn văn</i>	0,25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: ý nghĩa của việc dũng cảm bày tỏ quan điểm của bản thân.</i>	0,25
		<i>c. Triển khai hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận</i> * Giải thích: - <i>Quan điểm của bản thân:</i> Là những ý kiến, nhận định của bản thân mình về một vấn đề. Đó có thể là ý kiến trùng với số đông, hoặc không. - <i>Dũng cảm bày tỏ quan điểm của bản thân:</i> Là tự tin, bản lĩnh, cam đảm bày tỏ ý kiến của mình trước cá nhân khác/ hoặc trong tập thể. * Bàn luận - Với bản thân: Dũng cảm bày tỏ quan điểm của bản thân là một trong những điều kiện quan trọng giúp chúng ta thể hiện góc nhìn, cách đánh giá và giải quyết các vấn đề trong cuộc sống; là cách để tương tác cùng tập thể; khiến bản thân mình trở nên có ý nghĩa.... Nếu không dũng cảm bày tỏ quan điểm của bản thân thì mọi suy nghĩ của ta sẽ bị chính ta giấu kín, ta không tìm được cách kết nối cùng tập thể để thấu hiểu, sẻ chia và cùng giải quyết vấn đề thấu đáo. - Với xã hội: Giúp xã hội trở nên công bằng, tốt đẹp, văn minh. <i>(Học sinh lấy những dẫn chứng phù hợp để làm sáng tỏ lí lẽ)</i> * Đánh giá - Dũng cảm bày tỏ quan điểm của bản thân là điều quan trọng với mỗi con người. - Phê phán những người sống khép mình, nhu nhược, nhún mình; sống lạnh nhạt, thờ ơ với mọi vấn đề của cuộc sống. - Cần bày tỏ quan điểm của bản thân lịch sự, văn minh * Bài học - Nhìn nhận lại bản thân một cách nghiêm túc hiểu rõ mình, hiểu rõ quan điểm, lối sống của bản thân - Cần tập để ý, quan tâm đến những vấn đề trong cuộc sống; biết lắng nghe, biết thấu hiểu; tập bày tỏ quan điểm trước người khác	1.0
		<i>d. Diễn đạt</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.	0,25
		<i>e. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận, có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
	2	Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) phân tích, đánh giá nét đặc sắc về nội dung của văn bản “Thư của cha”	4,0
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận:</i> Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề.	0,25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: nét đặc sắc về nội dung của bài thơ “Thư</i>	0,25

	của cha”	
	c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; thể hiện sự cảm nhận sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Cụ thể:	2,5
	Giới thiệu vấn đề cần nghị luận	0,5
	Phân tích, đánh giá nét đặc sắc về nội dung của bài thơ	1,5
	<p>- Đề tài: Tình cảm gia đình.</p> <p>- Chủ đề: Vẻ đẹp của tình cảm gia đình, sự hi sinh mà cha mẹ dành cho con cái.</p> <p>=> Đề tài, chủ đề quen thuộc nhưng vẫn khơi gợi được những cảm xúc, suy tư sâu lắng.</p> <p>- Nhan đề: Thể hiện lời dặn dò yêu thương của người cha gửi con khi con đang học đại học dưới thành phố.</p> <p>- Mạch cảm xúc:</p> <p>+ Niềm vui của cha mẹ khi được tin con đỗ đại học: <i>Mẹ mừng quýnh vấp bờ nương/ Cha mừng buông rơi cán cuốc</i></p> <p>+ Sự hi sinh, vất vả, nhọc nhằn của cha mẹ khi chuẩn bị hành trang cho con lên đường: <i>Vội bán non hai sào đậu/ Cho con hành trang lên đường/ Vai mẹ thêm gầy mẹ ơi!/ Minh cha cặm cùi trên đồi</i></p> <p>+ Lời tâm sự, dặn dò của cha trong lá thư đến giữa giảng đường: <i>Thư cha đến giữa giảng đường/ Lá thư còn đọng mùi hương/ Cỏ, rơm, đất bùn, mưa nắng...</i></p> <p>+ Niềm xúc động rung rung của con: <i>Con bật khóc giữa giảng đường/ Vòng tay nuôi con khôn lớn/ Lần đầu cầm bút rung rung...</i></p> <p>=> Cảm hứng chủ đạo: Bồi hồi, xúc động trước tình cảm gia đình, trước tình yêu thương mà cha mẹ dành cho con cái.</p>	
	Đánh giá chung	0,5
	<p>- Nghệ thuật: Thể thơ sáu chữ; ngôn ngữ, hình ảnh thơ bình dị, thân thuộc mà vẫn giàu sức gợi; sử dụng nguyên văn trích dẫn thư cha; giọng thơ tha thiết, sâu lắng...</p> <p>- Nội dung: Bài thơ thể hiện xúc động những nhọc nhằn, vất vả của cha mẹ và sự hi sinh cha mẹ dành cho con cái; qua đó khơi dậy trong lòng người đọc những giá trị thiêng liêng của tình cảm gia đình.</p>	
	d. Diễn đạt	0,25
	Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.	
	e. Sáng tạo	0,5
	Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	

TỔNG ĐIỂM TOÀN BÀI: PHẦN I + PHẦN II = 10 ĐIỂM.

PHÁT TRIỂN TỪ ĐỀ MINH HỌA

ĐỀ 18

ĐỀ ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT 2025

MÔN: NGỮ VĂN

Thời gian: 90 phút

I. ĐỌC HIỂU (4.0 điểm)

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

Cả đời ra bể vào ngòi
 Mẹ như cây lá giữa trời gió rung
 Cả đời buộc bụng thắt lưng
 Mẹ như tấm nhả bóng dung tơ vàng
 Đường đời còn rộng thênh thang
 Mà tóc mẹ đã bạc sang trắng trời
 Mẹ đau vẫn giữ tiếng cười
 Mẹ vui vẫn để một đời nhớ thương
 Bát cơm và nắng chan sương
 Đói no con mẹ xẻ nhường cho nhau
 Mẹ ra bởi gió chân cầu
 Tìm câu hát đã từ lâu dập vùi...

(Đồng Đức Bốn, – Trở về với mẹ ta thôi,

<https://clbvanchuong.com/tro-ve-voi-me-ta-thoi-bid1610.html>)

Câu 1. (0.5 điểm) Dấu hiệu nào giúp anh/chị xác định thể thơ của văn bản trên?

Câu 2. (0.5 điểm) Trong văn bản trên, nổi bật và, nhọc nhằn của người mẹ được miêu tả qua những từ ngữ, hình ảnh nào?

Câu 3. (1.0 điểm) Chỉ ra và nêu hiệu quả của biện pháp tu từ được sử dụng trong câu thơ
Mẹ như tấm nhả bóng dung tơ vàng.

Câu 4. (1.0 điểm) Nhận xét về tình cảm và thái độ của tác giả đối với mẹ qua văn bản.

Câu 5. (1.0 điểm) Qua văn bản, anh /chị rút ra được những bài học gì cho bản thân?

II. LÀM VĂN (6.0 điểm)

Câu 1. (2.0 điểm)

Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày cảm nhận của anh chị về hình ảnh người mẹ được thể hiện qua văn bản trong phần Đọc hiểu.

Câu 2. (4,0 điểm)

“Tôi của ngày hôm nay là những lựa chọn của tôi ngày hôm qua.” (Eleanor Roosevelt)

Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) bàn về sự lựa chọn của con người trong cuộc sống.

----- HẾT -----

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Dấu hiệu nhận biết thể thơ lục bát + Số chữ/tiếng 6 – 8 luân phiên giữa các dòng thơ/ câu thơ + Cách hiệp vần: vần lưng (ngòi...trời; rung ...bụng) và vần chân(rung ...lưng; vàng...thang) Hướng dẫn chấm: Trả lời đúng như đáp án 0,5 điểm Trả lời được 1 ý 0,25 đ	0,5
	2	Nổi bật và, nhọc nhằn của người mẹ được miêu tả qua những từ ngữ, hình ảnh: ra bể vào ngòi, buộc bụng thắt lưng, tóc mẹ đã bạc, đau... Hướng dẫn chấm: -Học sinh liệt kê được 3 từ ngữ, hình ảnh trở lên 0,5 đ -Học sinh ghi lại nguyên văn các câu thơ chứa từ ngữ, hình ảnh: 0,25 đ	0,5
	3	Biện pháp tu từ được sử dụng trong câu thơ - Biện pháp tu từ: so sánh: Mẹ như tấm nhả tơ vàng Hiệu quả: - Về nghệ thuật: Tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt (TP) ; thể hiện tài năng diễn đạt tinh tế của tác giả ; khơi gợi sự đồng cảm, sẻ chia từ người	1,0

		<p>đọc -Về nội dung: (Đối với TP) Làm nổi bật vẻ đẹp tâm hồn của người mẹ; (Đối với tác giả) Thể hiện được tình cảm yêu quý, trân trọng của người con dành cho mẹ. Hướng dẫn chấm: - Gọi tên biện pháp tu từ : 0,25 đ; Hiệu quả: ý 1 0,25 đ; Ý 2 0,5 đ</p>	
4		<p>Nhận xét tình cảm thái độ của nhà thơ đối với mẹ - Chỉ ra tình cảm, thái độ: Tình cảm yêu lòng yêu thương, trân trọng, biết ơn mẹ vô cùng sâu nặng. Ca ngợi công ơn của mẹ. - Nhận xét: Đây là tình cảm sâu sắc, chân thành của nhà thơ xuất phát từ lòng yêu thương, kính trọng mẹ của người con có trách nhiệm và là tình cảm đáng quý, cần có của mỗi người con đối với bậc sinh thành. Hướng dẫn chấm: Mỗi ý 0,5 đ</p>	1,0
5		<p>Bài học rút ra: Học sinh rút ra được ít nhất 2 bài học cho bản thân -Phải biết yêu thương, kính trọng mẹ, biết ơn, trân trọng những gì cha mẹ đã dành cho ta. -Tình yêu thương đó cần được thể hiện bằng hành động cụ thể ngay từ hôm nay: cần quan tâm, chăm sóc, vâng lời mẹ; hãy học tập, tu dưỡng tốt,...để đền đáp công ơn;</p>	1,0
		LÀM VĂN	6,0
1		Viết đoạn văn khoảng 200 chữ về hình ảnh người mẹ trong đoạn trích phần Đọc hiểu	2,0
		<p><i>a. Xác định được yêu cầu về hình thức và dung lượng của đoạn văn</i> Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 150 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng - phân - hợp, móc xích hoặc song hành.</p>	0,25
		<p><i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: hình ảnh người mẹ qua đoạn trích</p>	0,25
		<p><i>c. Triển khai vấn đề nghị luận</i> - Nội dung: Đoạn trích đã phác họa chân dung người mẹ vất vả, tảo tần; nhường nhịn hi sinh vì gia đình (<i>Phân tích dẫn chứng từ văn bản</i>) - Nghệ thuật: ngôn từ giàu hình ảnh, thể thơ lục bát với giọng điệu trữ tình thiết tha,; các biện pháp tu từ so sánh.....</p>	1,0
		<p><i>d. Diễn đạt</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết trong đoạn văn.</p>	0,25
		<p><i>e. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có diễn đạt mới mẻ.</p>	0,5
2		<p>“Tôi của ngày hôm nay là những lựa chọn của tôi ngày hôm qua.” (Eleanor Roosevelt). Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) bàn về sự lựa chọn của con người trong cuộc sống.</p>	4,0
		<i>a. Đảm bảo dung lượng và cấu trúc bài văn nghị luận xã hội</i>	0,25

	<p><i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận:</i> nghị luận xã hội- sự lựa chọn của con người trong cuộc sống</p>	0,5
	<p><i>c. Đề xuất hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề của bài viết:</i></p> <p>*Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm của cá nhân về vấn đề.</p> <p>*Triển khai vấn đề nghị luận:</p> <p>- Giải thích vấn đề nghị luận: Lựa chọn là cách đưa ra quyết định giữa nhiều cái cùng loại hoặc khác loại dựa trên thông tin, giá trị, mục tiêu, tình cảm và tình huống. Việc lựa chọn có thể được áp dụng trong nhiều lĩnh vực khác nhau như: lựa chọn tài sản, nghề nghiệp, bạn bè, người đồng hành...</p> <p>- Phân tích:</p> <p>+ Tầm quan trọng của lựa chọn (Tại sao chúng ta phải lựa chọn?)</p> <p>*Sự lựa chọn là kim chỉ nam của cuộc đời nên chỉ khi chúng ta lựa chọn đúng thì cuộc đời mới có được hạnh phúc và thành công. Cuộc sống của mỗi người được quyết định bởi sự lựa chọn của chính bản thân người đó. Do vậy, chúng ta cần biết cách lựa chọn và có trách nhiệm trước những lựa chọn của mình, dù lựa chọn đó là đúng hay sai.</p> <p>* Những lựa chọn đúng sẽ khiến chúng ta đi đúng đường, an vui hạnh phúc trên hành trình mình đi và dễ thành công với sự lựa chọn đó. Những lựa chọn sai lầm sẽ khiến chúng ta đi sai đường và khó đạt được thành công....</p> <p>+ Cách thức để lựa chọn đúng (Làm thế nào để có những lựa chọn đúng?)</p> <p>*Chúng ta nhận thức tầm quan trọng của việc lựa chọn đúng. Cần có sự hiểu biết về tri thức, nhìn nhận sự việc một cách khách quan, biết phân tích và đánh giá được các yếu tố quan trọng, đưa ra cho bản thân những quyết định đúng đắn.</p> <p>* Lựa chọn đòi hỏi sự tỉnh táo và quyết đoán của mỗi người, bởi nếu lựa chọn sai có thể dẫn đến những hậu quả nghiêm trọng cho bản thân và mọi người xung quanh.</p> <p>- Dẫn chứng:</p> <p>+ Franklin - nhà bác học người Mỹ đã dũng cảm thực hiện thí nghiệm làm cột thu lôi, công việc đó có thể gây ra cái chết cho ông bất kì lúc nào. Tuy nhiên, sau nhiều năm nghiên cứu, đến năm 1752, ông đã thành công. Điều đó cho thấy sự quyết đoán và táo bạo trọng cách lựa chọn của ông là dám đương đầu với thử thách khi lựa chọn cho mình một cuộc sống ý nghĩa...</p> <p>- Mở rộng vấn đề và phản đề:</p> <p>+ Trong cuộc sống có những người cho rằng không cần phải lựa chọn, mà để cuộc sống thuận theo lẽ tự nhiên, hoặc họ lúng túng, sợ sệt không biết lựa chọn như thế nào cho đúng... Điều này sẽ khiến chúng ta khó đi đến thành công.</p> <p>+ Cuộc sống là muôn màu, không ai có thể lúc nào cũng đúng, sau những lựa chọn sai lầm, chúng ta cần có sự nhận thức và biết đứng lên để sửa sai và trưởng thành hơn nữa.</p>	2.5

	<p>*Khẳng định quan điểm và rút ra bài học: - Lựa chọn là việc quan trọng trong cuộc sống của mỗi người. Lựa chọn dù đúng hay sai đều đem đến cho chúng ta những trải nghiệm và bài học giá trị.</p>	
	<p>d. Diễn đạt Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp Tiếng Việt, liên kết văn bản.</p>	0,25
	<p>e. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p>	0,5
Tổng điểm		10,0

PHÁT TRIỂN TỪ ĐỀ MINH HỌA**ĐỀ 19****ĐỀ ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT 2025****MÔN: NGỮ VĂN****Thời gian: 90 phút****I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)****Đọc đoạn trích:****LỚP HỌC DÙNG AI THAY GIÁO VIÊN GÂY TRANH CÃI**

TTXVN 01/09/2024 16:11 GMT+7

Lớp học “không giáo viên” đầu tiên sẽ khai giảng ở Anh tháng này. Tuy nhiên, ý tưởng giao phó việc giáo dục trẻ em cho AI lại gây tranh cãi.



Lớp học dùng AI thay giáo viên sẽ khai giảng trong tháng này ở Anh - Ảnh minh họa: PA

Lớp học "không giáo viên" đầu tiên ở Anh, sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) thay vì giáo viên, sẽ khai giảng trong tháng này. Lớp học do Trường David Game, một trường tư thục tại London, mở.

Học sinh sẽ học bằng cách sử dụng các nền tảng AI trên máy tính và tai nghe thực tế ảo. Các nền tảng này sẽ tìm hiểu xem các em cần thêm sự trợ giúp gì để sau đó điều chỉnh chương trình học của các em trong học kỳ, thậm chí phù hợp với khả năng của từng học sinh.

Ông John Dalton, hiệu trưởng trường, cho biết: "Có rất nhiều giáo viên xuất sắc, nhưng tất cả chúng tôi đều có thể mắc lỗi. Tôi nghĩ rằng rất khó để đạt được mức độ chính xác như AI".

Joseph, một học sinh của trường đã thử nghiệm hệ thống giảng dạy này, cho biết: "Một giáo viên không thực sự biết khuyết điểm của từng học sinh vì có quá nhiều học sinh. Trong khi đó, AI sẽ tìm ra khuyết điểm của từng học sinh và giúp các em cải thiện kết quả học tập".

Tuy nhiên, ý tưởng giao phó việc giáo dục trẻ em cho AI lại gây tranh cãi. Ông Chris McGovern, một hiệu trưởng đã nghỉ hưu, từng là cố vấn cho nhóm quyết sách trong Chính phủ Anh,

ghi nhận vai trò của AI trong giảng dạy, song ông cho rằng “Việc sử dụng AI như vậy sẽ tước đi các kỹ năng giao tiếp và sự tương tác giữa học sinh và giáo viên”.

Trên thực tế, vào ngày 28-8, Chính phủ Anh đã công bố một dự án mới giúp giáo viên sử dụng AI trong giảng dạy, cụ thể là việc chấm bài tập về nhà và lập kế hoạch giảng dạy cho các lớp học.

Để tham gia lớp học "không giáo viên" này, các em sẽ phải trả học phí khoảng 27.000 bảng Anh một năm.

(<https://tuoitre.vn/lop-hoc-dung-ai-thay-giao-vien-gay-tranh-cai>)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Đề tài của văn bản là gì?

Câu 2. Chỉ ra **một** ưu điểm của lớp học "không giáo viên"- sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong văn bản.

Câu 3. Nêu tác dụng của việc sử dụng phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ trong văn bản trên.

Câu 4. Nêu nội dung chính của văn bản.

Câu 5. Anh/chị có đồng tình với ý kiến của Ông Chris McGovern, một hiệu trưởng đã nghỉ hưu, từng là cố vấn cho nhóm quyết sách trong Chính phủ Anh cho rằng “việc sử dụng AI như vậy sẽ tước đi các kỹ năng giao tiếp và sự tương tác giữa học sinh và giáo viên” không? Vì sao?

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Anh/chị hãy viết đoạn văn nghị luận khoảng 200 chữ bàn về cách để bản thân không bị lệ thuộc vào công nghệ thông tin.

Câu 2 (4,0 điểm)

Anh/ Chị hãy viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai đoạn trích trong bài thơ “Bếp quê” của tác giả Nguyễn Giang San và “Mẹ” của tác giả Nguyễn Ngọc Oánh.

BẾP QUÊ

MẸ

“Mẹ ngồi nhóm bếp lá dứa

Cành bàng lá thả heo may

Khói lên mây trắng cho vừa hoàng hôn

Mẹ gầy, cái dáng khô gầy cành tre

Bếp quê nào có nghèo hơn

Gót chai nứt nẻ đông hè

Chắt chiu mẹ giữ yêu thương từng ngày.

Ruộng sâu bấm mãi đã toè ngón chân

Nhọc nhằn hằn dấu tay chai

Mẹ ngồi vá áo trước sân

Mẹ qua trăm đắng nghìn cay cuộc đời

Vá bao mong ước, tay sần mũi kim

Cho môi con thấm nụ cười

Bát canh đắng lá chân chim

Theo năm tháng lớn lên rồi... con xa!”...

Lấn vài con tép mẹ tìm dành con...

(Trích “Bếp quê”, Nguyễn Giang San, dẫn theo <https://thotre.com>, thứ sáu – 22/11/2013)

(Trích “Mẹ”, Nguyễn Ngọc Oánh, “100 bài thơ Việt Nam hay nhất thế kỉ XX”, Trung tâm văn hoá doanh nhân và NXB Giáo dục, 2027)

Chú thích:

***Nguyễn Giang San** (SN 1983) quê xã An Bình, huyện Cao Lãnh được xem là nhà thơ thuộc thế hệ 8x nhiều triển vọng của tỉnh nhà và khu vực đồng bằng sông Cửu Long.

Nguyễn Giang San cho biết chính bởi niềm đam mê văn chương đã đưa anh đến với thơ ca khá sớm. Tác phẩm đậm chất trữ tình và sâu lắng.

***Nguyễn Ngọc Oánh** sinh ngày 13/8/1937, quê tại Quỳnh Bá, Quỳnh Lưu, Nghệ An, hiện thường trú tại Hà Nội. Đảng viên Đảng CSVN. Hội viên hội nhà văn Việt Nam từ năm 1996. Ông có sở trường về thơ ngắn. Những bài tứ tuyệt, thơ hai câu và thơ lục bát của ông viết nhiều và khá thành công. Cái độc đáo thơ ông không nằm ở sự cầu kỳ câu chữ, hay trong những ý tưởng tìm tòi bí hiểm, mà nằm ở chính những rung động trong cuộc sống thường ngày.

...HẾT...

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	<p>Đề tài: AI / sử dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI) trong dạy học /Bàn về công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI)...</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh trả lời đúng: 0,75 điểm.</p> <p>- Học sinh trả lời sai: không cho điểm.</p>	0,75
	2	<p>Chỉ ra ưu điểm: <i>Tìm hiểu xem các em cần thêm sự trợ giúp gì để sau đó điều chỉnh chương trình học của các em trong học kỳ, thậm chí phù hợp với khả năng của từng học sinh./ AI sẽ tìm ra khuyết điểm của từng học sinh và giúp các em cải thiện kết quả học tập".</i></p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh trả lời đúng 1 trong 2 đáp án: 0,75 điểm.</p> <p>- Học sinh trả lời không đúng: 0,0 điểm.</p>	0,75
	3	<p>Tác dụng của việc sử dụng phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ:</p> <p>- Tăng tính chính xác, tạo sự chú ý, gây ấn tượng trực quan, tạo kết nối giữa phương tiện phi ngôn ngữ và nội dung biểu đạt.</p> <p>- Giúp cho việc nắm bắt các thông tin được dễ dàng, cụ thể: những lo ngại về lớp học “không giáo viên”.</p>	1,0

		<p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh trả lời đúng : 1,0 điểm.</p> <p>- Học sinh trả lời 1 ý: 0,5 điểm.</p>	
4		<p>- Văn bản đề cập đến việc dùng “AI thay thế giáo viên” đầu tiên tại nước Anh. Điều này dấy lên tranh cãi, lo ngại về hiệu quả và hệ lụy.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh trả lời đúng ý: 1,0 điểm.</p> <p>- Học sinh không trả lời: 0,0 điểm.</p> <p>Chấp nhận cách diễn đạt tương đương.</p>	1,0
5		<p>HS bày tỏ quan điểm và lý giải hợp lý, thuyết phục, chẳng hạn:</p> <p>- Em đồng tình: “ Việc sử dụng AI như vậy sẽ tước đi các kỹ năng giao tiếp và sự tương tác giữa học sinh và giáo viên.”</p> <p>+ Công cụ AI để hỗ trợ cho việc học, không thay thế hoàn toàn quá trình học trên lớp.</p> <p>+ Nếu AI thay thế hoàn toàn cho giáo viên giảng dạy thì giữa người học và người dạy mất đi khả năng giao tiếp cơ bản. AI chỉ làm theo chương trình cài đặt có sẵn mà không có sự thấu hiểu và đồng cảm.</p> <p>...</p> <p>Học sinh có thể trả lời không đồng tình nhưng phải lý giải hợp lý, thuyết phục.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh bày tỏ rõ ràng, thuyết phục: 0,5 điểm.</p> <p>- Học sinh bày tỏ chưa thuyết phục: 0,25 điểm.</p> <p>- Chấp nhận cách diễn đạt tương đương</p>	0,5
II		VIẾT	6,0
	1	Viết đoạn văn NLXH	2,0
		<p>a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn</p> <p>Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng - phân - hợp, móc xích hoặc song hành</p>	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận	0,25
		<p>c. Triển khai vấn đề nghị luận</p> <p>Học sinh có thể lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách. Đây là gợi ý:</p>	1,0

- **Làm chủ thời gian:** có ít nhất một giờ không công nghệ mỗi ngày
- Tạo và gia tăng cơ hội tương tác trực tiếp với người thân, bạn bè.
- Lựa chọn sáng suốt để trở thành “người sử dụng thông thái”: bắt công nghệ phục vụ mình, đừng làm nô lệ cho công nghệ.
-

Hướng dẫn chấm:

- *Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; dẫn chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữ lí lẽ và dẫn chứng (1,0 điểm).*
 - *Lập luận chưa thật chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng nhưng không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không tiêu biểu (0,5 điểm).*
 - *Lập luận không chặt chẽ, thiếu thuyết phục: lí lẽ không xác đáng, không liên quan mật thiết đến vấn đề nghị luận, không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không phù hợp (0,25 điểm).*
- Học sinh có thể trình bày quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật, thực tế, có tính khả thi.*

d. Chính tả, ngữ pháp

Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.

Hướng dẫn chấm:

- Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp

e. Sáng tạo

Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.

Hướng dẫn chấm: Học sinh huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận; có sáng tạo trong viết câu, dựng đoạn, làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh.

- Đáp ứng được yêu cầu: 0,25 điểm.
- Không áp dụng được yêu cầu: 0,0 điểm.

2

Viết bài văn nghị luận văn học

4,0

a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận

0,25

Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.

b. Xác định đúng yêu cầu của đề.

0,25

So sánh điểm tương đồng và khác biệt của hai đoạn thơ.

c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm.

3,0

HS có thể trình bày bài viết theo nhiều cách trên cơ sở đảm bảo những yêu cầu sau:

1. Mở bài:

- Dẫn dắt vấn đề: Tình mẫu tử là nguồn cảm hứng bất tận trong văn học và thơ ca, thể hiện qua hình ảnh người mẹ tảo tần, yêu thương con...
- Giới thiệu 2 tác giả, 2 đoạn thơ
- Nêu vấn đề : hai đoạn thơ cùng khắc họa hình ảnh người mẹ bằng những nét riêng, phản ánh sự hy sinh, nhọc nhằn và tình yêu thương vô điều kiện.

2. Thân bài:

a. Nét chung của hai tác phẩm

- Hoàn cảnh ra đời và đề tài: cả hai bài thơ đều lấy cảm hứng từ cuộc sống bình dị, chân thực của người mẹ nơi thôn quê. Đề tài tình mẫu tử - một chủ đề quen thuộc nhưng luôn sâu sắc và xúc động.
- Chủ đề: khắc họa tình yêu thương, sự nhọc nhằn và hy sinh của người mẹ dành cho con, thể hiện lòng biết ơn và trân trọng đối với đấng sinh thành.
- Hình tượng trung tâm: Người mẹ.
- Cả hai bài thơ đều miêu tả người mẹ qua hình ảnh nghèo khó, lam lũ, chịu thương chịu khó (dáng gầy, tay chai, gót nứt...). Tình yêu thương và sự hy sinh của mẹ là điểm nhấn chính.
- Cảm xúc trong thơ chân thành, sâu lắng, dễ chạm đến trái tim người đọc.

b. Những điểm khác biệt giữa hai đoạn trích

- Nhan đề:

Bếp quê hướng về hình ảnh bếp lửa – biểu tượng của gia đình, tình mẫu tử. *Mẹ* tập trung trực tiếp vào người mẹ, khắc họa cuộc đời lao động đầy khó nhọc.

- Biểu tượng trung tâm:

- + Trong *Bếp quê*: Hình ảnh bếp lửa gắn liền với mẹ, tượng trưng cho sự ấm áp, yêu thương.
- + Trong *Mẹ*: Hình ảnh đôi tay, dáng gầy và các vật dụng đời thường (vá áo, bát canh) nhấn mạnh sự vất vả, tận tụy.

Gọng điệu và cảm xúc:

Bếp quê: Nhẹ nhàng, mang âm hưởng hoài niệm, có chút nuối tiếc

Mẹ: Sâu sắc hơn trong việc tái hiện sự lam lũ và tình yêu thương đầy hy sinh.

c. Lý giải nguyên nhân của sự tương đồng và khác biệt

- Cả hai tác giả đều xuất phát từ nông thôn Việt Nam, thấu hiểu và trân trọng tình mẫu tử.
- Đề tài người mẹ là nguồn cảm hứng dồi dào trong thơ ca Việt Nam.
- Phong cách thơ: Nguyễn Giang San thiên về cảm xúc nhẹ nhàng, hoài niệm; Nguyễn Ngọc Oánh lại trực diện hơn với hiện thực đời sống.

d. Đánh giá giá trị và đóng góp của mỗi bài thơ

Bếp quê:

	<p>Gợi nhớ những ký ức ấm áp về gia đình, quê hương. Tạo nên giá trị cảm xúc hoài niệm sâu sắc.</p> <p><i>Mẹ:</i></p> <p>Tái hiện chân thực cuộc sống nhọc nhằn của người mẹ. Gợi lên sự trân trọng, lòng biết ơn với những hy sinh thầm lặng.</p> <p>3 Kết bài:</p> <p>Khẳng định giá trị của hai đoạn thơ:</p> <p>Bếp quê và Mẹ đều là những bài thơ giàu ý nghĩa, chạm đến tình cảm sâu kín của người đọc.</p> <p>Nhấn mạnh thông điệp: Tình mẹ là nguồn cội của yêu thương, là động lực lớn lao trong cuộc đời mỗi người.</p> <p>Kêu gọi trân trọng và bày tỏ lòng biết ơn với mẹ và gia đình.</p>	
	<p><i>d. Chính tả, từ ngữ, ngữ pháp</i></p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp</p>	0,25
	<p><i>e. Sáng tạo</i></p> <p>Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p> <p>Hướng dẫn chấm: Học sinh huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận; có sáng tạo trong viết câu, dựng đoạn, làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh.</p> <p>- Đáp ứng được yêu cầu: 0,5 điểm.</p> <p>- Không đáp ứng được yêu cầu: 0,0 điểm.</p>	0,25

PHÁT TRIỂN TỪ ĐỀ MINH HỌA

ĐỀ 20

ĐỀ ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT 2025

MÔN: NGỮ VĂN

Thời gian: 90 phút

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản:

Tôi đã đọc đời mình trên lá
 người nâng niu lộc biếc mùa xuân
 người hóng mát dưới trưa mùa hạ
 người gom về đốt lửa sưởi mùa đông

Tôi đã đọc đời mình trên lá

*lúc non tơ óng ánh bình minh
lúc rách nát gió vò, bão quật
lúc cao xanh, lúc về đất vô hình*

*Tôi đã đọc đời mình trên lá
có thể khổng lồ, có thể bé li ti
dẫu tồn tại một giây vẫn tươi niềm kiêu hãnh
đã sinh ra
chẳng sợ thử thách gì.*

(Nguyễn Minh Khiêm, *Đọc đời mình trên lá*,
tạp chí Văn nghệ quân đội số 916, tháng 5/2019, tr.31)

Thực hiện các yêu cầu sau:

- Câu 1.** Xác định chủ thể trữ tình trong văn bản trên.
Câu 2. Xác định **một** biện pháp tu từ trong khổ thơ thứ hai.
Câu 3. Nêu thông điệp gợi ra từ văn bản trên.
Câu 4. Trình bày giá trị giáo dục của văn bản.
Câu 5. “*đã sinh ra
chẳng sợ thử thách gì*”

Anh chị có đồng ý với quan điểm trên của nhà thơ không? Vì sao?

II. VIẾT (6,0 điểm).

Câu 1(2,0 điểm).

Anh chị hãy viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) cảm nhận về nội dung, nghệ thuật của đoạn thơ sau:

*“Tôi đã đọc đời mình trên lá
có thể khổng lồ, có thể bé li ti
dẫu tồn tại một giây vẫn tươi niềm kiêu hãnh
đã sinh ra
chẳng sợ thử thách gì.”*

Câu 2 (4,0 điểm).

Người xưa cho rằng: “*Đi một ngày đàng, học một sàng khôn*” nhưng một bộ phận giới trẻ ngày nay lại cho rằng: chỉ cần có một chiếc điện thoại thông minh hoặc một máy tính có kết nối Internet trong tay, họ sẽ học được mọi thứ mà không cần đi đâu cả.

Anh chị có đồng tình với quan điểm trên của các bạn trẻ ấy không? Hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày ý kiến của anh chị.

..... Hết.....

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
------	-----	----------	------

I	ĐỌC HIỂU	4,0
1	<p>Chủ thể trữ tình xuất hiện trực tiếp (tôi)</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh trả lời chính xác như đáp án: 0, 5 điểm.</p> <p>- Học sinh trả lời sai: không cho điểm.</p>	0,5
2	<p>- BPTT 1: Điệp từ “lúc”</p> <p>- BPTT 2: ẩn dụ:</p> <p>+ lúc non tơ óng ánh bình minh → lúc còn nhỏ, cuộc sống như chiếc lá non mới nhú, tràn đầy sức sống.</p> <p>+ lúc rách nát gió vò, bão quật → những lúc khó khăn, gian truân của cuộc đời.</p> <p>+ lúc cao xanh → lúc thành công</p> <p>+ lúc về đất vô hình → lúc mất đi</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh trả lời được một trong 2 đáp án: 0,5 điểm.</p> <p>- Học sinh chỉ gọi đúng tên nhưng không chỉ ra /trả lời sai: không cho điểm.</p>	0, 5
3	<p>Cuộc đời mỗi con người đều phải trải qua nhiều thăng trầm và sóng gió; hãy thật vững vàng, mạnh mẽ đối mặt với những khó khăn thử thách để sống trọn vẹn từng phút giây của cuộc đời.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh trả lời đúng như đáp án hoặc diễn đạt tương tự : 1,0 điểm.</p> <p>- Học sinh trả lời sai: không cho điểm.</p>	1,0
4	<p>Cuộc sống có rất nhiều thăng trầm, khó khăn, thử thách. Thế nhưng, dù có thế nào chúng ta hãy vững vàng, cố gắng và kiên cường đương đầu với mọi thử thách thì thành công sẽ luôn ở phía trước.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh trả lời như đáp án hoặc diễn đạt tương đương : 1,0 điểm.</p> <p>- Học sinh trả lời sai: không cho điểm.</p>	1,0

	5	<p>HS có thể đồng ý hoặc không đồng ý, miễn là lí giải thuyết phục.</p> <p>Gợi ý: Đồng ý vì:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Thử thách là điều không thể tránh được trong cuộc sống, cách tốt nhất để vượt qua chúng là thái độ đối mặt. + Sự sợ hãi, trốn tránh không bao giờ làm khó khăn biến mất hoặc giảm nhẹ. Vì vậy, hãy vững vàng, cố gắng và kiên cường đương đầu với mọi thử thách thì thành công sẽ luôn ở phía trước. <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh bày tỏ rõ ràng, thuyết phục: 1,0 điểm - Học sinh bày tỏ chưa rõ ràng, chưa thuyết phục: 0 	1,0
	VIẾT		
	1	Viết đoạn văn NLVH	2,0
		<p>a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn</p> <p>Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng - phân - hợp, móc xích hoặc song hành</p>	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận	0,25
		<p>c. Triển khai vấn đề nghị luận</p> <p>Học sinh có thể lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách. Đây là gợi ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Qua cụm từ: "đọc đời mình trên lá", tác giả cho thấy sự tương đồng giữa đời lá – đời người, phận lá – phận người. - Mỗi loài cây lại có những kích thước lá khác nhau, cây có lá “khổng lồ”, cây lại có lá “bé tí ti”. Cuộc đời mỗi con người cũng thế, có thể thành người “khổng lồ” đạt được nhiều thành tựu, thành công rực rỡ, cũng có thể “bé li ti” sống khiêm nhường, lặng lẽ. Dù là người khổng lồ, hay bé li ti thì cũng phải sống cuộc đời kiêu hãnh, đầy ý nghĩa. Hãy luôn là chính mình, tự tin và mạnh mẽ bước qua khó khăn, thử thách. - Nghệ thuật: biện pháp tu từ ẩn dụ giúp đoạn thơ trở nên sinh động, tinh tế, giàu sức gợi. Đồng thời, thông qua 	1,0

		<p>hình ảnh chiếc lá, nhà thơ bày tỏ quan niệm của mình đối với cuộc đời: phải sống một cuộc sống đầy ý nghĩa, không sợ gian nan, luôn kiêu hãnh đối đầu với thử thách.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; dẫn chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữ lí lẽ và dẫn chứng (1,0 điểm).</p> <p>- Lập luận chưa thật chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng nhưng không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không tiêu biểu (0,5 điểm).</p> <p>- Lập luận không chặt chẽ, thiếu thuyết phục: lí lẽ không xác đáng, không liên quan mật thiết đến vấn đề nghị luận, không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không phù hợp (0,25 điểm).</p> <p>Học sinh có thể trình bày quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật, thực tế, có tính khả thi.</p>	
		<p>d. Chính tả, ngữ pháp</p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.</p>	0,25
		<p>e. Sáng tạo</p> <p>Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p> <p>Hướng dẫn chấm: Học sinh huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận; có sáng tạo trong viết câu, dựng đoạn, làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh.</p> <p>- Đáp ứng được yêu cầu: 0,5 điểm.</p> <p>- không đáp ứng được yêu cầu: 0,0 điểm.</p>	0,25
	2	Viết bài văn NLXH	4,0
		a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề nghị luận.	0,5

	<p>Liệu tiện ích của công nghệ thông tin có thể thay thế hoàn toàn những trải nghiệm thực tế của con người?</p>	
	<p><i>c. Triển khai vấn đề nghị luận</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được các ý chính (luận điểm) của bài viết. - Giới thiệu vấn đề và quan điểm của cá nhân về vấn đề. - Sắp xếp các ý hợp lý theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận. <p>+ Mở bài: Giới thiệu vấn đề nghị luận</p> <p>+ Thân bài:</p> <p>Luận điểm 1: Ngày nay, với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin, truyền thông và mạng Internet, con người có thể không cần đi nhiều vẫn tích lũy được kiến thức. (<i>Dẫn chứng: không cần đến trường vẫn có thể học đại học từ xa, không cần đến thư viện vẫn có thể đọc sách, không cần đến nhà vẫn có thể gặp gỡ, trao đổi với một vị giáo sư, tiến sĩ.....</i>) .</p> <p>Luận điểm 2: Tuy nhiên, dù các phương tiện có hiện đại đến đâu cũng không thể thay thế hoàn toàn những trải nghiệm của con người (<i>D/c: xem cảnh biển trên màn hình sẽ không có được cảm giác thật như đứng trước biển, xem một món ăn khác với thưởng thức hương vị của món ăn ấy...</i>); thế giới mạng dù phong phú vẫn là thế giới ảo vì thế những tri thức trên không gian mạng không hẳn là chính xác hoàn toàn.</p> <p>Luận điểm 3: Nêu và phản bác quan điểm trái chiều.</p> <p>* Có ý kiến cho rằng: “Mạng Internet chỉ làm cho người học trở nên lười biếng suy nghĩ, thụ động mà thôi”.</p> <p>* Ý kiến trên có phần phiến diện vì chỉ thấy mặt trái mà không nhìn nhận mặt tích cực của mạng Internet. Hơn nữa, lười biếng suy nghĩ là do bản thân một số người dùng quá lệ thuộc vào công nghệ chứ không phải ai ứng dụng công nghệ thông tin trong học tập cũng trở nên thụ động, lười suy nghĩ. Thực tế, nếu sử dụng đúng, Internet giúp con người kết nối thông tin một cách nhanh chóng, dễ dàng, từ đó giúp tiết kiệm thời gian và sức lực.</p> <p>Luận điểm 4 - Bài học: Cần kết hợp một cách hợp lý giữa việc sử dụng mạng Internet và những trải nghiệm thực tế, tránh việc lạm dụng công nghệ thông tin để bản thân bị lệ</p>	2,5

	<p>thuộc vào công nghệ</p> <p>+ Kết bài: Khẳng định lại vấn đề.</p> <p>- Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; dẫn chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữ lí lẽ và dẫn chứng</p> <p>- Học sinh có thể trình bày quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</p>	
	<p><i>d. Chính tả, từ ngữ, ngữ pháp</i></p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp</p>	0,25
	<p><i>e. Sáng tạo</i></p> <p>Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p> <p>Hướng dẫn chấm: Học sinh huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận; có sáng tạo trong viết câu, dựng đoạn, làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh.</p> <p>- Đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên: 0,5 điểm.</p> <p>- Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm.</p>	0,5

PHÁT TRIỂN TỪ ĐỀ MINH HỌA

ĐỀ 21

ĐỀ ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT 2025

MÔN: NGỮ VĂN

Thời gian: 90 phút

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)**Đọc văn bản:**

(1) Đạo đức và luân lý gia đình của ta là nền tảng tạo nên nền văn hóa truyền thống hàng ngàn năm của dân ta. Trong đó có phân nguồn gốc tình hoa bất biến như đạo hiếu với cha mẹ, thương yêu đùm bọc anh em, bạn bè, tôn sư trọng đạo, lá lành đùm lá rách, ... và những đạo lý thuộc sản phẩm của một nền kinh tế nông nghiệp và một thể chế quân chủ tạo ra sự cứng nhắc trong tôn ti trật tự xã hội phong kiến làm cho vai trò người phụ nữ không được phát huy, tư tưởng trung quân (trung

với vua)... đã lạc hậu. Chúng ta cần phải gạt bỏ phần lạc hậu, nhưng phải phát huy phần tinh hoa, phần giá trị đạo đức truyền thống, để tạo được sự ổn định xã hội trong quá trình tiếp thu và sáng tạo ra cái mới thúc đẩy xã hội phát triển đi lên.

(2) Đạo đức xã hội tạo nên niềm tin giữa người với người trong cộng đồng xã hội, mọi người tự nguyện tôn trọng như một sự ràng buộc thiêng liêng. Do đó, nó làm cho chi phí xã hội được giảm đi, và sự vận hành trong kinh tế được thông thoáng và nhanh chóng. Điển hình nhất là trong kinh doanh, chữ “tín” là nguồn vốn mà mọi doanh nhân đều cần phải có, và ngay cả ở cấp nhà nước thì chữ “tín” càng có giá trị lớn hơn, nếu thiếu chữ “tín” thì mọi luật lệ quốc gia đều trở thành trò chơi rượt đuổi, đánh đổ nhau mà thôi.

(3) Đạo đức truyền thống không được kế thừa và phát huy thì nền giáo dục chỉ còn lại cái máy vô hồn, nó chỉ cung cấp công cụ khả năng cho con người kiếm sống bằng mọi phương tiện mà không đào tạo nên con người văn minh sống có trách nhiệm với mọi người, kể cả cha mẹ anh em, quốc gia dân tộc. Như vậy, ý nghĩa của cuộc sống sẽ mất đi, sự giả dối, tham lam, tàn ác sẽ sinh ra, mầm nguy hại sẽ xuất hiện ở mọi nơi mà con người đó hiện diện. Dù cho pháp luật có đầy đủ đến đâu thì xã hội đó cũng chỉ là những xã hội đen tối u mê, được trang bị những ánh đèn màu chói lọi, như những mê cung. Đánh đổ con người mà thôi. (Luật lệ làm sáng tỏ cái đạo đức con người, và buộc kẻ đạo đức phải tôn trọng. Luật lệ không thay được đạo đức).

(Trích Lời giải cho bài toán phát huy vốn xã hội – Phan Chánh Dưỡng, Dẫn theo tiasang.com.vn, ngày 16/5/2006)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. (0,5 điểm) Xác định hai thao tác lập luận được sử dụng trong văn bản.

Câu 2. (0,5 điểm) Chỉ ra nguồn gốc tinh hoa của đạo đức truyền thống được nhắc tới trong văn bản.

Câu 3. (1,0 điểm) Anh/ chị hiểu như thế nào về ý kiến: Luật lệ làm sáng tỏ cái đạo đức con người, và buộc kẻ đạo đức phải tôn trọng. Luật lệ không thay được đạo đức?

Câu 4. (1,0 điểm) Nhận xét về sự kết hợp giữa lí lẽ và dẫn chứng trong đoạn (2) của văn bản.

Câu 5. (1,0 điểm) Anh/chị có đồng tình với quan điểm của tác giả: Đạo đức truyền thống không được kế thừa và phát huy thì nền giáo dục chỉ còn lại cái máy vô hồn.? Lí giải vì sao?

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về cách để phát huy tinh hoa văn hóa dân tộc.

Câu 2 (4,0 điểm)

Hãy viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai đoạn thơ sau:

Hôm qua thu mới về

Với một cành hoa gầy.

Sương nặng gieo đầu tre,

Lạnh tràn theo gió đầy.

(Trích Thu – Huy cận, 1940, thivien.net)

*Cát vắng, sông đầy, cây ngán ngơ,
Không gian xao xuyến chuyển sang mùa.*

*Tên mình ai gọi sau vòm lá,
Lối cũ em về nay đã thu.*

(Trích *Hoa cỏ may* – Xuân Quỳnh, 1989, thivien.net)

Chú thích:

Xuân Quỳnh (1942 - 1988), tên thật là Nguyễn Thị Xuân Quỳnh, quê ở Hà Đông (nay thuộc Hà Nội). Xuất thân trong một gia đình công chức. Xuân Quỳnh là một trong số những nhà thơ tiêu biểu nhất của thế hệ các nhà thơ trẻ thời kì chống Mỹ. Thơ Xuân Quỳnh giàu cảm xúc với những cung bậc khác nhau, là tiếng lòng của một tâm hồn phụ nữ nhiều trắc ẩn, vừa hồn nhiên, vừa chân thành, đằm thắm và luôn da diết trong khát vọng về hạnh phúc đời thường. “*Hoa cỏ may*” là một trong những bài thơ tiêu biểu nhất trong chặng đường sáng tác của Xuân Quỳnh. Bài thơ được viết bằng những cảm xúc chân thành, chất phác và rất thật, đó là lý do khiến thơ Xuân Quỳnh mãi mãi in sâu trong tâm trí người đọc.

Huy Cận (1919 - 2005), tên thật là Cù Huy Cận, quê tỉnh Hà Tĩnh. Huy Cận là nhà thơ lớn, một đại biểu xuất sắc của phong trào Thơ Mới với hồn thơ ảo não. Sáng tác của Huy Cận trước Cách mạng tháng tám mang nét sầu não, buồn thương. Còn sau Cách mạng tháng tám thơ Huy Cận đã lột xác hoàn toàn, trở nên mới mẻ và tràn đầy sức sống. Bài thơ “*Thu*” của Huy Cận vừa có cái đặc trưng của mùa thu, vừa có cái nhìn khác lạ qua con mắt của người thi sĩ. Trong bức tranh thu của tác giả vẫn ngập tràn sức sống nhưng bị chi phối bởi cảnh buồn, nỗi cô đơn. Vì vậy, cũng tạo nên những sắc thái không thể trộn lẫn trong mùa thu của ông.

-----HẾT-----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Xác định hai thao tác lập luận được sử dụng trong văn bản: chứng minh, bình luận Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời chính xác như Đáp án: 0,5 điểm. - Học sinh trả lời khác Đáp án: Không cho điểm	0,5
	2	Nguồn gốc tình hoa của đạo đức truyền thống được nhắc tới trong văn bản: đạo hiếu với cha mẹ, thương yêu đùm bọc anh em, bạn bè, tôn sư trọng đạo, lá lành đùm lá rách, ... Hướng dẫn chấm:	0,5

		<p>- Học sinh trả lời chính xác như Đáp án: 0,5 điểm.</p> <p>- Học sinh chỉ ra được 1 ý như Đáp án: 0,25 điểm.</p>	
	3	<p>Ý kiến: Luật lệ làm sáng tỏ cái đạo đức con người, và buộc kẻ đạo đức phải tôn trọng. Luật lệ không thay được đạo đức. Được hiểu là:</p> <p>- Đạo đức là gốc rễ trong tâm hồn của mỗi người. Tất cả mọi luật lệ đặt ra đều phải dựa vào các chuẩn mực đạo đức chung và yêu cầu mọi người phải tuân thủ. Những người đi ngược lại với luật lệ là không tuân thủ các chuẩn mực đạo đức.</p> <p>- Luật lệ là cái cụ thể hóa những chuẩn mực đạo đức, không phải tất cả những chuẩn mực đạo đức đều được cụ thể hóa thành luật lệ mà nó thuộc về suy nghĩ, lương tri con người nên luật lệ không thể thay thế đạo đức.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh trả lời chính xác như Đáp án hoặc có cách diễn đạt tương đương: 1,0 điểm.</p> <p>- Học sinh trả lời được 1 ý như Đáp án: 0,5 điểm.</p>	1,0
	4	<p>Sự kết hợp giữa lí lẽ và dẫn chứng trong đoạn (2) của văn bản là:</p> <p>- Lí lẽ: Do đó, nó làm cho chi phí xã hội được giảm đi, và sự vận hành trong kinh tế được thông thoáng và nhanh chóng. Dẫn chứng: Điển hình nhất là trong kinh doanh, chữ “tín” là nguồn vốn mà mọi doanh nhân đều cần phải có, và ngay cả ở cấp nhà nước thì chữ “tín” càng có giá trị lớn hơn, nếu thiếu chữ “tín” thì mọi luật lệ quốc gia đều trở thành trò chơi rượt đuổi, đánh đổ nhau mà thôi.</p> <p>- Lí lẽ và dẫn chứng kết hợp chặt chẽ với nhau, lí lẽ sắc sảo, dẫn chứng thực tế, vừa giúp người viết củng cố lập luận, vừa tạo được sự thuyết phục cho người đọc.</p> <p>- Nhấn mạnh tầm quan trọng của đạo đức xã hội đối với con người.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh trả lời chính xác như đáp án: 1,0 điểm</p> <p>- Học sinh trả lời được 2 ý đầu hoặc 1 ý cuối như đáp án: 0,5 điểm</p>	1,0
	5	<p>- Học sinh có thể bày tỏ quan điểm: Đồng tình/ Không đồng tình/ Đồng tình một phần.</p> <p>- Trình bày thuyết phục.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh bày tỏ được quan điểm của mình: 0,25 điểm</p> <p>- Học sinh trình bày, lí giải thuyết phục: 0,75 điểm</p>	1,0
II		Viết	6,0
	1	Viết đoạn văn về cách để phát huy tinh hoa văn hóa dân tộc	2,0
		<p>a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn</p> <p>Bảo đảm yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, phối hợp, móc xích hoặc song hành.</p>	0,25
		<p>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Cách để phát huy tinh hoa văn hóa dân tộc</p>	0,25
		<p>c. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu</p>	1,0

	<p>Học sinh có thể lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp, kết hợp chặt chẽ lí lẽ và dẫn chứng trên cơ sở đảm bảo các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tinh hoa văn hóa dân tộc bao gồm những giá trị tinh túy nhất của một dân tộc, là những đặc trưng văn hoá cốt lõi của một quốc gia. Tinh hoa văn hóa dân tộc được tạo nên bởi những giá trị văn hoá, truyền thống, phong tục tập quán, tôn giáo và ngôn ngữ của một dân tộc. - Để phát huy tinh hoa văn hóa dân tộc Việt Nam, chúng ta có thể: <ul style="list-style-type: none"> + Tìm hiểu và nghiên cứu về các giá trị văn hóa dân tộc, từ đó hiểu và trân trọng những giá trị đó. + Giữ gìn và bảo tồn phong tục, tập quán, truyền thống của dân tộc, không để chúng mất đi dần theo thời gian. + Thường xuyên tổ chức, tham gia các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, triển lãm... để giới thiệu và phát huy những tác phẩm nghệ thuật của dân tộc. + Tạo cơ hội cho người dân tham gia các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, tôn vinh những người giỏi và đam mê văn hóa dân tộc. + Đưa giá trị văn hóa dân tộc vào giáo dục, truyền thông để giúp cho người dân hiểu rõ và yêu thương những giá trị đó... 	
	<p><i>d. Diễn đạt</i></p> <p>Bảo đảm chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.</p>	0,25
	<p><i>e. Sáng tạo</i></p> <p>Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận, có cách diễn đạt mới mẻ.</p>	0,25
2	<p>Viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai đoạn thơ “Thu” của Huy Cận và “Hoa cỏ may” của Xuân Quỳnh.</p>	4,0
	<p><i>a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận</i></p> <p>Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.</p>	0,25
	<p><i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i></p> <p>So sánh, đánh giá hai đoạn thơ “Thu” của Huy Cận và “Hoa cỏ may” của Xuân Quỳnh.</p>	0,5
	<p><i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i></p> <p>Thí sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau:</p> <p>* Mở bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu khái quát về hai đoạn thơ cần so sánh (tên tác phẩm, tác giả, xuất xứ, hoàn cảnh sáng tác...) - Nêu khái quát nội dung, vấn đề cần so sánh, đánh giá. <p>* Thân bài</p> <p>- Phân tích, so sánh điểm tương đồng của hai đoạn thơ:</p>	2,5

	<p>+ Về đề tài: Mùa thu</p> <p>+ Về thông điệp, tư tưởng: Sử dụng mùa thu làm nền tảng để gửi gắm thông điệp về sự thay đổi của thời gian và cuộc sống. Cả hai đều bày tỏ sự vô thường của đời sống, về những gì đã mất và không thể níu giữ.</p> <p>+ Về biện pháp nghệ thuật: Nhân hóa, ẩn dụ</p> <p>...</p> <p>- Phân tích so sánh điểm khác biệt của hai đoạn thơ:</p> <p>+ Về chủ đề:</p> <p>Huy Cận: Chủ đề của đoạn thơ xoay quanh sự cảm nhận sâu sắc về mùa thu, mang đến cảm giác lạnh lẽo, buồn bã và trống vắng. Qua việc miêu tả những thay đổi nhỏ nhất của thiên nhiên, Huy Cận thể hiện cái nhìn triết lý về cuộc đời và thời gian, đặc biệt là sự tàn phai của sự sống trước sự chuyển mình của mùa thu.</p> <p>Xuân Quỳnh: Trong khi đó, Xuân Quỳnh lại tập trung vào cảm xúc của con người trước sự đổi thay của mùa thu, với chủ đề chính là hoài niệm về quá khứ, tình yêu và thời gian đã trôi qua. Mùa thu gợi lại những ký ức về tình yêu cũ, khơi dậy trong lòng nhân vật trữ tình sự tiếc nuối và nhớ nhung.</p> <p>+ Về từ ngữ, hình ảnh:</p> <p>Huy Cận: Ngôn ngữ thơ Huy Cận giản dị, tinh tế, tập trung vào việc miêu tả cảnh vật thiên nhiên. Hình ảnh “cành hoa gầy”, “sương nặng gieo đầu tre”, “gió lạnh” đều gợi lên sự tĩnh lặng, cô đơn và tàn phai của mùa thu. Mỗi hình ảnh đều có tính biểu tượng, thể hiện sự suy tư, chiêm nghiệm về quy luật tự nhiên và cuộc sống.</p> <p>Xuân Quỳnh: Từ ngữ và hình ảnh trong thơ Xuân Quỳnh giàu cảm xúc và mang tính hoài niệm sâu sắc. Hình ảnh “cát vàng, sông đầy, cây ngẩn ngơ” vừa cụ thể vừa trừu tượng, gợi nên một mùa thu đầy xao xuyến, chứa đựng nỗi nhớ và sự tiếc nuối. Đặc biệt, chi tiết “Tên mình ai gọi sau vòm lá” tạo nên một không gian vừa thực vừa mơ hồ, như tiếng vọng từ quá khứ.</p> <p>+ Về biện pháp tu từ:</p> <p>Huy Cận: Huy Cận sử dụng các biện pháp nghệ thuật như nhân hóa và ẩn dụ để gợi lên sự sống động trong cảnh vật. Hình ảnh “sương nặng gieo đầu tre”, “gió lạnh tràn” là những biểu hiện của sự tác động qua lại giữa thiên nhiên và con người, thể hiện sự mệnh mông và cô quạnh của thiên nhiên vào thu.</p> <p>Xuân Quỳnh: Biện pháp nghệ thuật chính trong thơ Xuân Quỳnh là ẩn dụ và nhân hóa. Thiên nhiên như “cây ngẩn ngơ” hay “không gian xao xuyến” mang những cảm xúc nhân hóa, trở thành biểu tượng cho tâm trạng bối rối, xao động của con người trước sự thay đổi của mùa thu và sự trở về của ký ức.</p> <p>+ Về thể thơ và nhịp thơ:</p> <p>Huy Cận: Đoạn thơ của Huy Cận được viết theo thể thơ năm chữ, với nhịp thơ chậm rãi, đều đặn. Nhịp 2/3 tạo cảm giác nhẹ nhàng, tựa như nhịp đập chậm rãi của thiên nhiên đang chuyển mình trong sự tĩnh lặng của mùa thu.</p> <p>Xuân Quỳnh: Đoạn thơ của Xuân Quỳnh thuộc thể thơ bảy chữ, nhịp thơ linh hoạt và giàu cảm xúc. Nhịp thơ chủ yếu 4/3, giúp tạo ra sự liên tục, trôi chảy của cảm xúc, đồng thời phản ánh sự lay động, băng khuâng trong lòng người khi đối diện với mùa thu và quá khứ.</p>	
--	--	--

	<p>+ Về gieo vần:</p> <p>Huy Cận: Sử dụng lối gieo vần chân với cặp vần “về - tre” và “gãy - đầy”, tạo sự liên mạch trong cảm xúc và âm điệu. Cách gieo vần này phù hợp với nhịp thơ chậm rãi, tạo nên sự cân đối, hài hòa cho đoạn thơ.</p> <p>Xuân Quỳnh: Xuân Quỳnh sử dụng gieo vần linh hoạt, tự do. Làm nhịp thơ trở nên uyển chuyển và tạo hiệu ứng âm thanh mềm mại, phù hợp với tâm trạng xao xuyến, tiếc nuối trong thơ.</p> <p>...</p> <p>- Đánh giá</p> <p>+ Cả Huy Cận và Xuân Quỳnh đều viết về mùa thu nhưng mỗi nhà thơ có cách tiếp cận và thể hiện riêng. Huy Cận tập trung vào vẻ đẹp tĩnh lặng, suy tư của thiên nhiên, qua đó thể hiện triết lý về sự tàn phai của sự sống. Trong khi đó, Xuân Quỳnh khai thác cảm xúc hoài niệm, nhớ nhung về tình yêu đã qua, dùng mùa thu làm nền cho những dòng cảm xúc sâu lắng và nữ tính.</p> <p>+ Phong cách của mỗi nhà thơ cũng góp phần tạo nên nét riêng biệt: Huy Cận trầm mặc, sâu lắng; Xuân Quỳnh sôi nổi, nồng nàn và chân thành.</p> <p>* Kết bài</p> <p>- Khẳng định lại những giá trị chung và nét độc đáo ở mỗi đoạn thơ.</p> <p>- Nêu cảm nghĩ về phong cách sáng tác của mỗi tác giả.</p> <p><i>Lưu ý: Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</i></p>	
	<p>d. Diễn đạt</p> <p>Bảo đảm chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.</p>	0,25
	<p>e. Sáng tạo</p> <p>Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p>	0,5
Tổng điểm		10,0

<p>PHÁT TRIỂN TỪ ĐỀ MINH HỌA</p> <p>ĐỀ 22</p>	<p>ĐỀ ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT 2025</p> <p>MÔN: NGỮ VĂN</p> <p>Thời gian: 90 phút</p>
---	--

I. ĐOC HIỂU (4 điểm)

Đọc đoạn trích sau:

“Chúng ta luôn được khuyên rằng nên sống bao dung, vị tha với mọi người. Vậy thực chất, lối sống này có thể đem lại cho bạn những điều gì?

Ai cũng mong muốn sống vui vẻ và có những mối quan hệ bền chặt. Khoan dung, độ lượng chính là một trong những yếu tố được cho là đóng vai trò quan trọng trong việc tạo lập cũng duy trì cuộc sống như vậy. Sự bao dung giúp chúng ta tìm được sự nhẹ nhàng, bình yên trong tâm hồn, còn lối sống khoan dung giúp ta nhận được sự yêu mến, nể phục từ mọi người xung quanh.

Ông bà ta có câu “Một điều nhịn, chín điều lành”. Nếu bạn biết sống vị tha, bỏ qua những thiếu sót của người khác hay chấp nhận những quan điểm, ý kiến khác biệt từ mọi người, bạn không chỉ nhận được sự tôn trọng mà còn cảm thấy cuộc sống thêm phần ý nghĩa.

Như vậy, sự bao dung hay độ lượng không chỉ đem đến giá trị mang tính cộng đồng khi khiến mối quan hệ giữa người với người được cải thiện, siết chặt mà đối với cá nhân, nó cũng mở ra cuộc sống an yên, vui vẻ.”

(“Vì sao cần sống bao dung độ lượng với mọi người trên đời”, Theo www.quehuongonline.vn, thứ 6 ngày 10/2/2023, trang 1)

Thực hiện những yêu cầu:

Câu 1. (0.5 điểm) Chỉ ra hai thao tác lập luận được sử dụng trong đoạn trích trên.

Câu 2. (0.5 điểm) Câu văn “Như vậy, sự bao dung hay độ lượng không chỉ đem đến giá trị mang tính cộng đồng khi khiến mối quan hệ giữa người với người được cải thiện, siết chặt mà đối với cá nhân, nó cũng mở ra cuộc sống an yên, vui vẻ.” đã đề cập đến những phạm vi tác dụng nào của bao dung độ lượng ?

Câu 3. (1.0 điểm) Anh/chị hãy chỉ ra mục đích của việc trích dẫn câu tục ngữ “Một điều nhịn, chín điều lành” trong đoạn trích trên?

Câu 4. (1.0 điểm) Nêu nội dung chính của đoạn trích trên.

Câu 5. (1.0 điểm) Anh/ chị có đồng tình với quan điểm của tác giả khi cho rằng “Một điều nhịn, chín điều lành”? Lí giải vì sao?

II. LÀM VĂN (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ): **Làm thế nào để sống bao dung?**

Câu 2. (4,0 điểm)

So sánh điểm tương đồng và khác biệt một số nét về nội dung và nghệ thuật của hai đoạn thơ sau :

“Mẹ bảo em: Đạo này ngoan thế!

– Không mẹ ơi! Con đã ngoan đâu

Áo mẹ mưa bạc màu

Đầu mẹ nắng cháy tóc

Mẹ ngày đêm khó nhọc

Con chưa ngoan, chưa ngoan!

(Trần Đăng Khoa, “**Khi mẹ vắng nhà**”- Trích “**Góc sân và khoảng trời**”, NXB Văn hoá dân tộc, 1999.)

“Mẹ!

Có nghĩa là duy nhất

Một bầu trời

Một mặt đất

Một vàng trắng

Mẹ không sống đủ trăm năm

Nhưng đã cho con dư dả nụ cười và tiếng hát”

(Trích “ **Ngày xưa có mẹ**” - Thanh Nguyên - Nguồn Thi viện)

****Chú thích :**

Bài thơ “**Khi mẹ vắng nhà**” của Trần Đăng Khoa được sáng tác năm 1967 in trong tập thơ “ **Góc sân và khoảng trời**”.

Bài thơ “**Ngày xưa có mẹ**” của tác giả Thanh Nguyên được sáng tác vào năm 1981, sau này được các nhạc sĩ Võ Tá Hân và Nguyễn Ngọc Tiến phổ nhạc thành bài hát cùng tên. Có thể nói đây là một trong những thi phẩm ý nghĩa nhất viết về chủ đề người mẹ.

-----**HẾT**-----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu/Ý	Nội dung	Điểm
		ĐỌC HIỂU	4.0
	Câu 1	Hai thao tác lập luận sử dụng trong đoạn trích: Phân tích và bình luận Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời chính xác như Đáp án: 0,75 điểm. - Học sinh không trả lời như Đáp án: Không cho điểm	0.5
	2	Câu văn “Nhu vậy, sự bao dung hay độ lượng không chỉ đem đến giá trị mang tính cộng đồng khi khiến mối quan hệ giữa người với người được cải thiện, siết chặt mà đối với cá nhân, nó cũng mở ra cuộc sống an yên, vui vẻ.” đã đề cập đến những phạm vi tác dụng của bao dung độ lượng:cộng đồng;cá nhân Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời chính xác như Đáp án: 0,75 điểm. - Học sinh không trả lời như Đáp án: Không cho điểm	0.5

	3	<p>Mục đích của việc trích dẫn câu tục ngữ “Một điều nhịn, chín điều lành” trong đoạn trích:</p> <p>- Cơ sở lập luận trở nên thuyết phục hơn.</p> <p>- Làm cho đoạn văn sinh động, hấp dẫn</p> <p>- Nhấn mạnh lợi ích của việc nhường nhịn; bao dung với người khác. Qua đó hướng đến quan điểm hãy rèn luyện lòng bao dung để cuộc sống trở nên tốt hơn.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh trả lời chính xác như Đáp án: 1.0 điểm.</p> <p>- Học sinh không trả lời như Đáp án: Không cho điểm</p>	1.0
	4	<p>Nội dung chính của đoạn trích trên: Bàn luận về vai trò của lòng khoan dung</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh trả lời chính xác như Đáp án hoặc tương đương: 1.0 điểm.</p>	1.0
	5	<p>- HS bày tỏ quan điểm</p> <p>- Lí giải hợp lí</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh nêu được quan điểm: 0,25 điểm</p> <p>- Học sinh lí giải thuyết phục: 0,75 điểm.</p>	1.0
II		LÀM VĂN	6.0
	1	<p>Anh/chị hãy viết 01 đoạn văn (khoảng 200 chữ): Làm thế nào để sống bao dung?</p>	2.0
		<p>a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn</p> <p>Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo một cách hoặc kết hợp các cách: diễn dịch, quy nạp, tổng-phân-hợp, song hành hoặc móc xích, đảm bảo yêu cầu về cấu trúc đoạn văn.</p>	0.25
		<p>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: cách làm để sống bao dung</p>	0.25
		<p>c. Triển khai vấn đề nghị luận:</p> <p>Thí sinh lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng phải làm rõ Cách thức để vượt ra ngoài vùng an toàn, đảm bảo hợp lí, thuyết phục phù hợp với</p>	1.0

		<p>chuẩn mực, đạo đức và pháp luật. Có thể triển khai theo hướng sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Học cách đồng cảm, hạ cái tôi của bản thân chúng ta hãy thử nhìn nhận sự vật, sự việc dựa trên góc nhìn của người khác để có thể hiểu được suy nghĩ của họ. -Cởi mở với những người xung quanh, duy trì những mối quan hệ gần gũi, thân tình trong cuộc sống. -Đối xử với mọi người một cách chân thành, không tính toán, vụ lợi, dùng sự vị tha, rộng lượng của mình để đối đáp với mọi người xung quanh. -Tôn trọng người khác, tôn trọng ý kiến của người khác. -Tìm cách để họ nhận ra lỗi lầm và sửa chữa lỗi cho họ; cho họ cơ hội giải thích và sửa chữa lỗi lầm. -Chấp nhận những điểm yếu của bản thân, cố gắng hoàn thiện, phát triển bản thân để mình ngày một tốt hơn. Đừng đặt quá nhiều áp lực dành cho mình khi mình không thể làm được một điều gì đó theo kế hoạch. -Nuôi dưỡng tâm hồn để chúng ta có thể mở lòng, yêu thương mọi người xung quanh. <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; dẫn chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữ lí lẽ và dẫn chứng (0,75 điểm).</i> - <i>Lập luận chưa thật chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng nhưng không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không tiêu biểu (0,5 điểm).</i> - <i>Lập luận không chặt chẽ, thiếu thuyết phục: lí lẽ không xác đáng, không liên quan mật thiết đến vấn đề nghị luận, không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không phù hợp (0,25 điểm).</i> <p><i>Học sinh có thể trình bày quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</i></p>	
		<p>d. Diễn đạt</p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, từ ngữ, ngữ pháp Tiếng Việt.</p>	0,25
		<p>đ. Sáng tạo</p> <p>Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.</p>	0,25
	2	<p>So sánh điểm tương đồng và khác biệt một số nét về nội dung và nghệ thuật của hai đoạn thơ.</p>	4.0

	<p>a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận về một đoạn trích văn xuôi</p> <p>Mở bài giới thiệu được khái quát vấn đề nghị luận, thân bài thực hiện được các yêu cầu của đề bài, kết bài khẳng định được vấn đề.</p>	0.25
	<p>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</p> <p>Điểm tương đồng và khác biệt một số nét về nội dung và nghệ thuật của hai đoạn thơ</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh xác định đúng vấn đề cần nghị luận: 0,5 điểm. - Học sinh xác định chưa đầy đủ vấn đề nghị luận: 0,25 điểm. 	0.5
	<p>c. Triển khai được vấn đề nghị luận:</p> <p>Thí sinh có thể triển khai theo nhiều cách, vận dụng kết hợp các thao tác lập luận, phối hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng, đảm bảo các yêu cầu sau:</p>	
	<p>*Giới thiệu: 2 tác giả - 2 tác phẩm, 2 đoạn trích.</p> <p>. Vị trí đoạn trích.</p> <p>* Điểm tương đồng một số nét về nội dung và nghệ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cùng viết về đề tài Tình cảm gia đình (hoặc Tình mẫu tử; Người mẹ ...) - Cùng chủ đề tình yêu, ngợi ca về hi sinh của mẹ cho con và gia đình. - Cảm hứng chủ đạo hai đoạn thơ chính là tình yêu sâu sắc đối với mẹ. Bên cạnh đó hai đoạn thơ đều thể hiện tình cảm dạt dào dành cho đứa sinh thành. - Về một số khía cạnh nội dung và nhân vật <p>+ Hai đoạn thơ gặp nhau ở việc khắc họa vẻ đẹp của người mẹ trong gia đình.</p> <p>+ Hình ảnh người mẹ hiện lên với bao phẩm chất đáng quý : giàu lòng yêu thương; đức hi sinh ...</p> <p>+ Bên cạnh đó hình ảnh người con cũng thể hiện những cảm xúc đối với mẹ. Là đứa con hiểu chuyện; biết thấu hiểu được những vất vả; gian khổ, hi sinh của mẹ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hai đoạn thơ đều xây dựng chủ thể trữ tình trực tiếp : Con. Thể hiện những suy ngẫm, bày tỏ thâm thúy xúc cảm với người mẹ. - Về hình thức: Hai đoạn thơ đều lựa chọn thể thơ tự do với những câu thơ dài ngắn khác nhau. Cách ngắt nhịp linh hoạt ở mỗi câu tạo những hiệu ứng cảm xúc về mẹ. 	2.5

	<p>- Về từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ</p> <p>Sử dụng từ ngữ; hình ảnh mộc mạc; giản dị và gần gũi để khắc họa được chân thực hình ảnh của người mẹ trong gia đình. Đặc biệt hình ảnh mang tính đa nghĩa; biểu tượng: áo bạc màu; bầu trời; mặt đất... Những biện pháp tu từ đã tạo góp phần thể hiện chủ đề của hai đoạn thơ.</p> <p>* Điểm khác biệt một số nét về nội dung và nghệ thuật :</p> <p>- Vẻ đẹp tâm hồn của người mẹ trong đoạn thơ thứ nhất được khắc họa thông qua những khía cạnh ngoại hình; trang phục : áo mẹ bạc; nắng cháy tóc</p> <p>- Sự hiểu chuyện của nhân vật người con đoạn thơ thứ nhất không chỉ được thể hiện ở việc biết thấu hiểu cho những vất vả của mẹ mà người con còn là một đứa trẻ ngoan ngoãn, biết giúp đỡ công việc nhà; nghe lời, hiếu thảo với mẹ trong hiện tại.</p> <p>- Trong đoạn thơ thứ hai chủ yếu đưa ra góc nhìn; suy luận sâu sắc về công lao to lớn của người mẹ, vẻ đẹp tựa như những hình ảnh thiên kì vĩ, bao la, mênh mông .. Đặc biệt là cảm xúc hoài niệm; nhớ nhung của tác giả về hình ảnh người mẹ trong quá khứ.</p> <p>- Về từ ngữ; hình ảnh và biện pháp tu từ :</p> <p>+ Đoạn thơ đầu xuất hiện hình ảnh áo mẹ bạc màu tượng trưng cho cuộc đời lam lũ; vất vả của mẹ. Bao nhiêu vất vả là bấy nhiêu hi sinh. Bút pháp ngoa dụ “ nắng cháy tóc” cũng tạo dấu ấn riêng về hình ảnh người mẹ của Trần Đăng Khoa.</p> <p>+ Đoạn thơ thứ hai sử dụng cách diễn đạt tạo nhiều dấu ấn nghệ thuật. Câu đặc biệt; Câu suy luận (Có nghĩa là duy nhất) cho thấy góc nhìn suy luận về vai trò và vị trí người mẹ trong trái tim. Hình ảnh ẩn dụ và hình thức điệp (Một bầu trời; Một mặt đất; Một vầng trăng) tạo sự vĩ đại nhất về người mẹ...</p> <p>* Lí giải , ý nghĩa, đánh giá:</p> <p>- Lí giải sự tương đồng và khác biệt : Cùng viết về người mẹ; cùng bộc lộ tình yêu sâu sắc đối với đáng sinh thành điều này không khó hiểu. Bởi lẽ, cả hai nhà thơ đều là người con sinh ra và lớn lên từ và của người mẹ. Mẹ là điều thiêng liêng, là nơi bất cứ ai tìm về trong đó có Trần Đăng Khoa và Thanh Nguyên. Sự khác biệt về cách cảm nhận về mẹ và hình thức thể hiện có lẽ đến từ những cảm nhận; trải nghiệm và phong cách riêng của mỗi nhà thơ.</p> <p>- Ý nghĩa: Việc so sánh hai đoạn thơ của hai tác giả để ta thấy được những đóng góp của hai nhà thơ về đề tài tình cảm gia đình (</p>	
--	--	--

	<p>người mẹ) cũng như thấy được những dấu ấn phong cách của hai nghệ sĩ.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích đầy đủ, sâu sắc: 2,5 điểm. - Phân tích chưa đầy đủ hoặc chưa sâu sắc: 1,75 điểm - 2,25 điểm. - Phân tích chung chung, chưa rõ các biểu hiện của tâm trạng: 0,75 điểm - 1,25 điểm. - Phân tích chung chung, không rõ các biểu hiện: 0,25 điểm - 0,5 điểm. 	
	<p>d. Diễn đạt</p> <p>Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu</p>	0,25
	<p>đ. Sáng tạo</p> <p>Thể hiện suy nghĩ sâu sắc; có ý tưởng riêng phù hợp với vấn đề nghị luận; có cách lập luận, diễn đạt mới mẻ, sâu sắc.</p>	0.5
	TỔNG ĐIỂM	10.0

<p>PHÁT TRIỂN TỪ ĐỀ MINH HỌA</p> <p>ĐỀ 23</p>	<p>ĐỀ ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT 2025</p> <p>MÔN: NGỮ VĂN</p> <p>Thời gian: 90 phút</p>
---	--

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

HƠI ẤM Ô RƠM

Tôi gõ cửa ngôi nhà tranh nhỏ bé ven đồng chiêm Bà mẹ đón tôi trong gió đêm:

– Nhà mẹ hẹp nhưng còn mé⁽¹⁾ chỗ ngủ Mẹ chỉ phàn nàn chiếu chần chả đủ

Rồi mẹ ôm rơm lót ổ tôi nằm.

Rơm vàng bọc tôi như kén bọc tằm

Tôi thao thức trong hương mật ong của ruộng Trong hơi ấm nhiều hơn chăn đệm

Của những cọng rơm xơ xác, gầy gò.

Hạt gạo nuôi hết thầy chúng ta no Riêng cái ấm nồng nàn như lửa Cái mộc mạc lên hương của lúa Đâu dễ chia cho tất cả mọi người.

Bình Lục – một đêm lỡ đường

Ghi chú:

(1) Mê: nhiều

(Nguyễn Duy, *Cát trắng*, NXB Quân đội nhân dân, 1973)

1). Nguyễn Duy là một trong những nhà thơ tiêu biểu trong kháng chiến chống Mỹ. Ông viết thơ từ rất sớm, khi còn là học sinh cấp ba. Thơ Nguyễn Duy có sự đặc sắc trong cách khám phá, cảm nhận cuộc sống. Nhiều bài thơ của tác giả toát lên vẻ đẹp dân tộc – hiện đại, vừa giản dị, gần gũi mới lạ trong nội dung và hình thức thể hiện.

2). **Hơi ấm ổ rơm** là một bài thơ đặc sắc của ông, là một trong những bài thơ giúp Nguyễn Duy đạt giải nhất cuộc thi thơ tuần báo Văn nghệ vào năm 1973.

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. (0,5 điểm) Xác định thể thơ của bài thơ trên.

Câu 2. (0,5 điểm) Nhân vật trữ tình trong bài thơ là ai?

Câu 3. (1,0 điểm) Phân tích hiệu quả nghệ thuật của biện pháp tu từ so sánh được sử dụng trong câu thơ sau: *Rơm vàng bọc tôi như kén bọc tằm.*

Câu 4. (1,0 điểm) Nhận xét tình cảm của nhân vật trữ tình trong bài thơ.

Câu 5. (1,0 điểm) Bài học sâu sắc nhất anh/chị nhận được qua bài thơ trên là gì?

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Anh/Chị hãy viết một đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) trình bày cảm nhận của mình về nội dung bốn câu thơ sau trong bài thơ *Hơi ấm ổ rơm* của Nguyễn Duy:

*Hạt gạo nuôi hết thấy chúng
ta no Riêng cái ấm nồng
nàn như lửa Cái mộc mạc
lên hương của lúa Đâu dễ
chia cho tất cả mọi người.*

Câu 2 (4,0 điểm)

Anh/Chị hãy viết một bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) bàn về sự nỗ lực theo đuổi mục tiêu của tuổi trẻ.

-----HẾT-----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

ĐỀ THAM KHẢO TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025 ĐÁP ÁN, THANG ĐIỂM Bài thi: NGŨ VĂN

(Đáp án, thang điểm gồm 03 trang)

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Thể thơ: Tự do.	0,5
	2	Nhân vật trữ tình trong bài thơ: nhân vật “tôi” – người lính (nhà thơ).	0,5

	3	<p>- Hiệu quả:</p> <p>+ Giúp câu thơ giàu hình ảnh, sinh động, hấp dẫn, tăng sức gợi hình, gợi cảm.</p> <p>+ Nhấn mạnh những cảm nhận của nhân vật tôi về người mẹ: ấm áp, an toàn, được chở che, bao bọc. Qua đó thể hiện lòng biết ơn, trân trọng của nhân vật tôi trước tấm lòng yêu thương của người mẹ.</p>	1,0
	4	<p>- Tình cảm của nhân vật trữ tình trong bài thơ là tình cảm biết ơn, trân trọng với người mẹ nhân dân đã cưu mang, chở che, bao bọc cho những người lính, dù đó không phải là con đẻ của mình.</p> <p>- Đó là những tình cảm giản dị, mộc mạc, có ý nghĩa hình thành nhân cách và giáo dục lối sống đẹp cho thế hệ trẻ.</p>	1,0
	5	<p>Thí sinh rút ra bài học phù hợp từ văn bản trên theo cảm nhận cá nhân, miễn là phù hợp chuẩn mực; có lý giải thuyết phục.</p> <p>Sau đây là một vài gợi ý:</p> <p>Gợi ý:</p> <p>Bài học: Phải biết ghi nhớ công lao của những người đã giúp đỡ mình trong cuộc sống. Vì:</p> <p>- Những người giúp đỡ mình trong lúc khó khăn là những người thực sự tử tế, nhân hậu, quan tâm đến mình.</p> <p>- Khi ghi nhớ công ơn đó, bản thân mình sẽ sống tốt hơn, có động lực để vươn lên.</p> <p>- Nếu không biết ghi nhớ công ơn của những người đã giúp đỡ mình, ta sẽ trở thành kẻ vô ơn, sống ích kỉ, cuộc sống trở nên vô nghĩa.</p> <p>-...</p>	1,0
II		VIẾT	6,0
	1	<p>Viết một đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) trình bày cảm nhận của mình về nội dung bốn câu thơ sau trong bài <i>Hơi ấm ổ rơm</i> của Nguyễn Duy:</p> <p><i>Hạt gạo nuôi hết thấy chúng ta no</i> <i>Riêng cái ấm nồng nàn như lửa</i> <i>Cái mộc mạc lên hương của lúa</i> <i>Đâu dễ chia cho tất cả mọi người.</i></p>	2,0
		<p>a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn</p> <p>Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng - phân - hợp, móc xích hoặc song hành.</p>	0,25
		<p>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</p> <p>Cảm nhận nội dung bốn câu thơ cuối bài <i>Hơi ấm ổ rơm</i> – Nguyễn Duy.</p>	0,25
		<p>c. Triển khai vấn đề nghị luận</p> <p>Thí sinh có thể lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng phải làm rõ nội dung bốn câu thơ cuối bài <i>Hơi ấm ổ rơm</i> – Nguyễn Duy. Có thể triển khai theo hướng:</p>	1,0
		<p>- Mở đoạn: dẫn dắt, giới thiệu khổ thơ.</p> <p>- Thân đoạn:</p> <p>Nội dung: Khắc ghi niềm xúc động mãnh liệt của nhân vật trữ tình về “hơi ấm ổ rơm”: Ổ rơm trở thành biểu tượng của lòng yêu thương giản dị, mộc mạc, chân thành. Nhân vật trữ tình không chỉ cảm nhận được tình cảm đó mà còn ghi nhớ trong lòng như một thứ tình cảm nồng ấm, thiêng liêng. Đoạn thơ kết thúc là một câu thơ chất chứa lòng biết ơn sâu nặng của tác giả.</p> <p>- Kết đoạn: khẳng định lại giá trị của khổ thơ.</p>	

	<p><i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.</p>	0,25
	<p><i>e. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p>	0,25
2	<p>Viết một bài văn nghị luận bàn về sự nỗ lực theo đuổi mục tiêu của tuổi trẻ.</p>	4,0
	<p><i>a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận</i> Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.</p>	0,25
	<p><i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> Sự nỗ lực theo đuổi mục tiêu của tuổi trẻ.</p>	0,5
	<p><i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i> Thí sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau:</p>	
	<p>* Giới thiệu vấn đề cần nghị luận Sự nỗ lực theo đuổi mục tiêu của tuổi trẻ.</p>	2.5
	<p>* Triển khai vấn đề cần nghị luận: <i>Giải thích:</i> Nỗ lực là sự cố gắng phấn đấu không ngừng để đạt được mục tiêu đề ra. <i>Trình bày các khía cạnh của vấn đề:</i> - Nỗ lực của giới trẻ thể hiện ở tinh thần sẵn sàng đối mặt với khó khăn, thử thách, không đầu hàng, phó mặc, buông xuôi, luôn kiên định, mạnh mẽ trong việc theo đuổi mục tiêu,... - Nỗ lực theo đuổi mục tiêu có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với người trẻ: + Giúp cho cuộc sống của họ trở nên có ý nghĩa hơn; thành công, hạnh phúc. + Mang lại sức mạnh, tiếp thêm động lực để họ vượt qua mọi thách thức, khó khăn + Lan tỏa những năng lực tích cực tới cộng đồng, góp phần xây dựng và phát triển đất nước,... - Lấy dẫn chứng để chứng minh. <i>Mở rộng vấn đề:</i> - Nỗ lực không phải lúc nào cũng thành công vì thành công còn cần đến nhiều yếu tố khác như may mắn, chọn đúng mục tiêu,... Tuy nhiên, dù trong bất cứ hoàn cảnh nào, sự nỗ lực theo đuổi mục tiêu cũng vô cùng quan trọng và cần thiết. - Phê phán những người trẻ không nỗ lực để theo đuổi mục tiêu. <i>Bài học:</i> Rút ra bài học nhận thức và hành động cho bản thân: mỗi người trẻ cần xác định rõ mục tiêu, kiên trì từng ngày và tin tưởng vào chính bản thân, nỗ lực phấn đấu, tiếp tục kiên định dần bước trên con đường mình đã chọn,...</p>	
	<p>* Khẳng định quan điểm cá nhân đã trình bày và liên hệ bản thân.</p>	
	<p><i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.</p>	0,25
	<p><i>e. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p>	0,5
Tổng điểm		10,0

.....Hết.....

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

Cùng một cơn mưa, người tiêu cực sẽ bức mình vì phải trùm áo mưa, người lạc quan thì nghĩ đến cây cối xanh tươi, không khí sẽ được trong lành. Và một khi chúng ta không thể thay đổi được hiện tượng xảy ra, tốt nhất là nhìn nó bằng ánh mắt tích cực. Cái thiện có thể sẽ thua cái ác trong một thời điểm nhưng chung cuộc sẽ chiến thắng. Cứ sau một sự cố, con người lại tìm nguyên nhân và khắc phục nó. Sau lũ lụt, phù sa sẽ làm màu mỡ hơn cho cánh đồng, sâu bọ sẽ bị quét sạch ra biển, dư lượng hóa chất trong đất đai sẽ bị rửa sạch. Lỗi lầm của người khác, thay vì giữ trong lòng và tức giận, thôi bỏ qua, mình sẽ thấy thoải mái hơn rất nhiều. Nói một cách khác, nếu bạn được sống 100 năm, xem như là một bộ phim có 100 tập, thì hãy tạo ra ít nhất 2/3 tập có tiếng cười thay vì tập nào cũng rơi vào bi kịch chán chường, đau khổ, chia lìa, mất mát. Trong từ Hán Việt, nguy cơ bao gồm nguy và cơ. Đối với người có tư duy tích cực, “nguy” (problem) sẽ được họ biến thành “cơ” (opportunity). Người tích cực và lạc quan sẽ có gương mặt sáng bừng, nụ cười thường trực trên môi, sống và cháy hết mình, học tập và làm việc hết mình dù ngày mai trời có sập.

(Trích “Tư duy tích cực”, Theo Tony Buổi sáng, trên đường băng, NXB Trẻ, 2016, tr.22-23)

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. (0,5 điểm). Vấn đề trọng tâm được đề cập đến trong văn bản là gì?

Câu 2. (0,5 điểm). Theo văn bản, cứ sau một sự cố, con người chúng ta sẽ làm những gì?

Câu 3. (1,0 điểm). Việc tác giả sử dụng những lí lẽ trong văn bản đã tạo nên hiệu quả nghệ thuật gì?

Câu 4. (1,0 điểm). Anh/Chị hiểu như thế nào về nội dung câu văn sau: “Người tích cực và lạc quan sẽ có gương mặt sáng bừng, nụ cười thường trực trên môi, sống và cháy hết mình, học tập và làm việc hết mình dù ngày mai trời có sập.”?

Câu 5. (1,0 điểm) Theo anh/chị, câu nói sau có ý nghĩa như thế nào đối với người trẻ hiện nay: “Đối với người có tư duy tích cực, “nguy” (problem) sẽ được họ biến thành “cơ” (opportunity)”?

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm).

Từ văn bản ở phần đọc – hiểu, anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trả lời câu hỏi: người trẻ hiện nay cần làm gì để có thể nuôi dưỡng tinh thần lạc quan trong cuộc sống?

Câu 2 (4,0 điểm).

Anh/Chị hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) phân tích, đánh giá nét đặc sắc chủ đề của truyện ngắn sau:

GIAO THỪA – Nguyễn Ngọc Tư

(Lược đoạn đầu: Đậm là người phụ nữ hai mươi chín tuổi. Vì trót bông bột mà có con rồi phải bỏ nhà ra đi. Đến khi ba mất, má Đậm mới rước con về. Những ngày giáp Tết, cô bán dưa hấu ở chợ thị xã. Bên trái là vạt bông của ông Chín từ miệt Sa Đéc xuống. Chỉ mình Đậm bán dưa một mình, may có Quý, một anh chàng chạy xe lam gần nhà, ít hơn Đậm bốn tuổi, tới giúp).

Thời gian bị người ta chờ kìm kịt đi. Khiếp, mới đó đã hai mươi chín Tết. Bánh mứt, dưa hành, quần mới, áo mới như nước tràn lên phố. Đây là thời điểm rộn rịp nhất, phơi phơi nhất trong năm. (...) Những khóm vàng hoa của ông Chín nở sớm từ hai bốn, hai lăm đã ngả màu vàng sậm. Bốn giờ sáng, ông đi qua bên kia đường gánh nước về tưới, than, "Thời tiết năm nay kỳ cục quá". Ông vắn điệu thuốc, phà khói, bảo: "Con biết không, nghề bán bông Tết cũng như bán lồng đèn Trung thu, qua rằm tháng Tám, có cho người ta cũng không thêm lấy. Buôn bán kiểu vậy như con gái có thì, qua rồi, khó lắm...". Ông nói tới đây,

thấy Đậm ngẩng đầu ngó sao muộn, ông thôi không nói nữa. Đậm nhớ con gái quá. Nghe Quý đem đồ về lại đem tin ra báo, "Bộ đồ bé Lý mặc vừa lắm, nó đòi ra với Đậm, buôn bán như vậy cực quá, chờ nó ra tội nghiệp...". Rồi Quý bảo mớ bông mỏng gà Đậm gieo sao mà khéo quá, bông đỏ bông vàng tro ngay Tết.

Đó là lúc chờ sáng, còn rồi rãi xé dưa mời nhau, chứ ngày hai chín là một ngày tất bật, nói theo dân đá banh là thắng với thua. Người mua xúm xa xúm xít. Mới một buổi đã lử lả. Đậm một mình phải coi trước coi sau. Tưởng dưa hấu đập đập ngăn sông mà đã vội đi quá nửa. Nhưng chắc phải đợi cho tới giao thừa. Người ta chờ tới đó sẽ rẽ nữa. Chạy xong mấy chuyến xe buổi sáng, Quý lại giúp. Từ bến xe lam lại đăng chợ chừng một trăm mét. Quý kêu, "Có ai mua nhiều, Đậm hứa đi, tôi chờ tới nhà cho". Đậm thấy vui, phần thì bớt lo dưa ế, phần thấy nao nao trong lòng. Cái không khí đẹp thế này, ảm thế này, không vui sao được. Quý hỏi, "Nhà Đậm có gói bánh tét không?". Đậm hỏi lại, "Có, mà chi?". "Tôi cho, má tôi gói nhiều lắm". Quý mặc áo đít mắt tiêu cái nút trên, lộ lộ ra mảng ngực ram ráp nắng. Trong Đậm nhiều khi dậy lên một cái gì rưng rức khó tả, chỉ mong nép đầu vào đó để quên nhọc nhằn, để quên nỗi cô độc lùi lũi trong đời.

(Lược một đoạn: Ông Chín dọn hàng về Sa Đéc, chào Đậm và động viên Quý mạnh dạn bày tỏ với Đậm. Đậm quét dọn chỗ của mình rồi cùng Quý ra về).

Quý cho xe chạy thật chậm, nghe gió thổi qua lỗ tai lạnh quánh. (...) Quý nhìn Đậm, ánh nhìn rất lạ. Anh không biết vì một nỗi gì mà tới bây giờ anh chưa nói lời thương với người ta. Anh không ngại đưa con, anh không ngại chuyện lỡ làm xưa cũ, tuổi tác cũng không thêm nghĩ đến. Cô luống cuống khi thấy chiếc xe chạy chậm dần:

- à... ờ... Tết này nữa, Quý bao nhiêu tuổi rồi hả

Quý im lặng, dừng xe hẳn. Lúc này anh thấy cần nắm lấy bàn tay lạnh tái của Đậm, rất cần. Khi ấy giao thừa đã đi qua lâu, lâu lắm rồi nhưng rõ ràng vẫn chưa hết Tết. Mai là mừng một.

(Trích trong tập truyện ngắn *Giao thừa*, Nguyễn Ngọc Tư, NXB Trẻ, TPHCM, năm 2019, tr.91-99)

***Chú thích:** Nguyễn Ngọc Tư: sinh năm 1976, quê ở Cà Mau, là nữ nhà văn trẻ của Hội nhà văn Việt Nam. Chị thường viết về những điều bình dị, gần gũi xung quanh cuộc sống của mình. Giọng văn chị đậm chất Nam Bộ (...). Cái chất miền quê sông nước ngấm vào các tác phẩm, thấm đẫm cái tình của làng, của đất, của những con người chân chất hồn hậu nhưng ít nhiều gặp những bất hạnh, có giá trị nhân văn cao, khiến người đọc phải suy ngẫm về nhiều điều có giá trị của cuộc sống.

-----HẾT-----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

ĐỀ THAM KHẢO TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025 ĐÁP ÁN, THANG ĐIỂM

Bài thi: NGŨ VĂN

(Đáp án, thang điểm gồm 03 trang)

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Vấn đề trọng tâm được đề cập đến trong văn bản là: Giá trị của thái độ sống lạc quan, tích cực/ Vai trò của việc nhìn nhận mọi thứ theo hướng tích cực/ Giá trị của tư duy tích cực.	0,5
	2	Theo văn bản, <i>cứ sau một sự cố, con người lại tìm nguyên nhân và khắc phục nó.</i>	0,5
	3	Sau đây là gợi ý: Việc tác giả sử dụng những lí lẽ trong văn bản đã tạo nên hiệu quả nghệ thuật: -Tạo sức hấp dẫn, thuyết phục trong việc làm rõ nội dung về việc nhìn nhận mọi thứ theo hướng tích cực. -Đồng thời chỉ rõ những biểu hiện trong việc nhìn nhận sự việc tích cực (và cả tiêu cực), tầm quan trọng của việc nhìn nhận sự việc bằng tư duy tích cực, thái độ lạc quan.	1,0
	4	Sau đây là gợi ý Câu văn: “ <i>Người tích cực và lạc quan sẽ có gương mặt sáng bừng, nụ cười thường trực trên môi, sống và cháy hết mình, học tập và làm việc hết mình dù ngày mai trời có sập.</i> ” được hiểu là người tích cực và lạc quan luôn mang theo những giá trị đẹp đẽ: tự tin, vui vẻ, mạnh dạn nỗ lực dần thân, dám đem hết nhiệt huyết để tạo ra cho bản thân một cuộc sống rực rỡ, tươi đẹp và đầy ý nghĩa mỗi ngày. Từ đó, câu nói cũng là lời động viên mỗi người nên học lối sống lạc quan, luôn suy nghĩ và hướng về những điều tích cực.	1,0
	5	- HS có thể chia sẻ suy nghĩ theo cảm nhận cá nhân, miễn là phù hợp chuẩn mực; có lý giải thuyết phục. Sau đây là một vài gợi ý: Câu nói “ <i>Đối với người có tư duy tích cực, “nguy” (problem) sẽ được họ biến thành “cơ” (opportunity)</i> ” có ý nghĩa quan trọng, là bài học mang tính dẫn đường, định hướng cho người trẻ hiện nay: Vì câu nói đó khẳng định với những người tích cực, họ sẽ luôn tìm thấy cơ hội tốt trong những tình huống khó khăn. Nghĩa là trong khi đối mặt với những thử thách, kể cả nguy cơ thất bại, con người vẫn tin có những cơ hội mới, họ nỗ lực phát hiện và tận dụng được nó nhằm để tìm ra những hướng đi mới hoặc cải thiện, nâng cao cuộc sống. Câu nói khuyên chúng ta không nản lòng trước thử thách, mạnh dạn theo đuổi mục tiêu, tận dụng cơ hội tạo ra kì tích bằng thái độ sống tích cực.	1,0
II		VIẾT	6,0
	1	Từ văn bản ở phần đọc – hiểu, anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trả lời câu hỏi: <i>người trẻ hiện nay cần làm gì để có thể nuôi dưỡng tinh thần lạc quan</i>	2,0

	<i>trong cuộc sống?</i>	
	<p><i>a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn</i> Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng-phân- hợp, móc xích hoặc song hành.</p>	0,25
	<p><i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> Điều người trẻ hiện nay cần làm để có thể nuôi dưỡng tinh thần lạc quan trong cuộc sống.</p>	0,25
	<p><i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i> Thí sinh có thể triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo làm rõ được những việc người trẻ cần làm để có thể nuôi dưỡng tinh thần lạc quan trong cuộc sống. Thí sinh có thể trình bày theo hướng sau: Chúng ta có thể hình thành nuôi dưỡng và tôi luyện tinh thần lạc quan bằng nhiều cách: + Tích cực học tập phát triển bản thân trên các phương diện: tri thức, kĩ năng, phẩm chất... và đặt ra mục tiêu sống ý nghĩa cho bản thân. + Học theo những tấm gương sáng của tinh thần lạc quan trong cuộc sống để truyền động lực cho bản thân. + Mạnh dạn tham gia các hoạt động xã hội có ý nghĩa, hoạt động trải nghiệm... để rèn lòng tự tin, thái độ sống tích cực, xây dựng những mối quan hệ xã hội tốt đẹp... với mọi người. (...)</p>	1,0
	<p><i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. Lưu ý: Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.</p>	0,25
	<p><i>e. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận, có cách diễn đạt mới mẻ.</p>	0,25
2	Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) phân tích, đánh giá chủ đề của truyện ngắn “Giao thừa” của Nguyễn Ngọc Tư.	4,0
	<p><i>a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận</i> Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.</p>	0,25
	<p><i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> Chủ đề truyện ngắn “Giao thừa” của Nguyễn Ngọc Tư.</p>	0,5
	<p><i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i> Thí sinh có thể triển khai theo nhiều cách nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau: Xác định được các ý chính của bài viết. Sắp xếp được các ý hợp lý theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận. Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp triển khai vấn đề của bài viết và tăng sức thuyết phục, sức hấp dẫn cho bài viết. Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm.</p>	2,5
	* Giới thiệu khái quát về tác giả Nguyễn Ngọc Tư, truyện ngắn “Giao thừa”.	
	*Khai triển các ý: Chủ đề của tác phẩm “Giao thừa” của Nguyễn Ngọc Tư.	

	<p>* Chủ đề của tác phẩm “Giao thừa” của Nguyễn Ngọc Tư.</p> <p>- Phân tích cốt truyện theo nhân vật cô Đạm, nhân vật chính, một cô gái làm nghề buôn bán dưa hấu trong những ngày cuối năm, cũng là cảnh ngộ của những con người không may lắm lỡ, gian nan trên hành trình làm lại cuộc đời và kiếm tìm hạnh phúc.</p> <p>- Nhận xét chung về hình thức nghệ thuật trong việc thể hiện chủ đề: xây dựng cốt truyện, cách đặt nhan đề, điểm nhìn, sự hòa quyện giữa lời người kể và lời nhân vật, miêu tả tâm lí nhân vật, ngôn ngữ...</p> <p>- Đánh giá chủ đề tác phẩm: Tác phẩm đã để lại những dấu ấn sâu sắc về lòng nhân ái, giá trị của niềm tin và hy vọng, tình thương trong cuộc sống.</p>	
	* Đánh giá chung về truyện ngắn “Giao thừa”.	
	<p>d. Chính tả, ngữ pháp</p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.</p>	0,25
	<p>e. Sáng tạo</p> <p>Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. Học sinh biết vận dụng lí luận văn học trong quá trình phân tích, đánh giá; biết so sánh với các tác phẩm khác, với thực tiễn đời sống để làm nổi bật vấn đề nghị luận; văn viết giàu hình ảnh, cảm xúc.</p>	0,5
Tổng điểm		10,0

Hết

PHÁT TRIỂN TỪ ĐỀ MINH HỌA**ĐỀ 25****ĐỀ ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT 2025****MÔN: NGỮ VĂN****Thời gian: 90 phút****I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4.0 điểm)****Đọc đoạn trích:**

8.10.68

Nắng đầu thu tươi vàng óng ả tràn ngập cả khu rừng. Nắng đầu thu với những cơn gió se môi và se cả lòng người. Lại nhớ... nhớ mênh mông sâu thẳm như lòng đại dương đang ôm tròn thân hình dải đất Việt Nam. Nhớ từ một người bạn hiền lành, kín đáo có ngôi nhà nhỏ cuối phố Đội Cấn, nhớ đến đứa em tinh nghịch có mái tóc mềm kẹp bông lên cao, nhớ một đứa em trai miền Nam vừa gửi thư tạm biệt trước lúc lên đường đi học, nhớ một đứa em thân thiết có đôi mắt long lanh dưới hàng mi dài và nhớ sao một người thân yêu đã vĩnh viễn nằm yên nghỉ trên bờ biển quê hương.

Đất nước ơi! Bao giờ cho nhớ thương nguôi bớt, bao giờ cho đất nước thanh bình? Mình biết ngày thắng lợi không xa nữa nhưng sao vẫn thấy hạnh phúc xa vời quá. Liệu có được thấy ngày hạnh phúc ấy nữa không? “Người cộng sản rất yêu cuộc sống nhưng khi cần vẫn có thể nhẹ nhàng mà chết được”. Chết mà vẫn yêu sao cuộc sống, cuộc sống mà người ta đã đổi bằng mồ hôi nước mắt và máu xương suốt hai mươi ba năm nay.

(Trích Nhật kí Đặng Thùy Trâm, Đặng Thùy Trâm, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 2005, tr.85 - 86)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1 (0.5 điểm). Xác định chủ thể trần thuật trong đoạn trích.

Câu 2 (0.5 điểm). Chỉ ra yếu tố miêu tả trong đoạn trích.

Câu 3 (1.0 điểm). Xác định và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn: “Nhớ từ một người bạn hiền lành, kín đáo có ngôi nhà nhỏ cuối phố Đội Cấn, nhớ đến đứa em tính nghịch có mái tóc mềm kẹp bông lên cao, nhớ một đứa em trai miền Nam vừa gửi thư tạm biệt trước lúc lên đường đi học, nhớ một đứa em thân thiết có đôi mắt long lanh dưới hàng mi dài và nhớ sao một người thân yêu đã vĩnh viễn nằm yên nghỉ trên bờ biển quê hương”.

Câu 4 (1.0 điểm). Anh / chị hiểu thế nào về câu nói: “Người cộng sản rất yêu cuộc sống nhưng khi cần vẫn có thể nhẹ nhàng mà chết được.”?

Câu 5 (1.0 điểm). Thông điệp nào trong đoạn trích có ý nghĩa sâu sắc với anh/chị? Lí giải.

II. PHẦN VIẾT (6.0 điểm)

Câu 1. (2.0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) làm rõ một số điểm nổi bật trong nghệ thuật kể chuyện của tác giả Hoàng Ngọc Hà trong đoạn trích sau:

Về đến ngã ba lối rẽ về làng, tôi bảo lái xe dừng lại, xuống xe ngắm về phía làng, chẳng thấy cây đa đâu nữa. Trời ơi, cây đa của tôi! Sao chẳng nghe ai nhắc đến nó bị triệt hạ từ bao giờ? Cây đa đã mừng toả bóng đón lũ học trò nhể nhại mồ hôi sau một chặng đi bộ bảy cây số từ trường về, chúng tôi đã sà đến gốc cây, mỗi đứa tìm một chỗ ngả lưng ngồi lim dim mắt ngắm về phía làng, khoan khoái ngồi trong bóng râm mát rượi nhìn ra cánh đồng trải dài dưới ánh nắng chói chang, ánh sáng lọt qua khe mắt nhấp nháy bảy sắc, và vòm cây bỗng như xanh hơn, toả hương thanh khiết, lá rì rào nhẹ nhẹ, lũ chúng tôi thiếp đi trong giấc ngủ mơ hồ.

Cây đa ấy còn là nơi thỉnh thoảng tôi làm như vô tình gặp Xoan. Tôi biết em thường đi cắt te bắt tép. Chỉ buổi trưa nước ruộng nóng lên tép mới nổi nhiều. Các cô bé ngồi trên bờ ruộng cần mẫn thả những cái te, rắc thính rồi chờ đợi, lát sau nhấc lên vài con tép mắc trên mặt te, mỗi lần chỉ vài ba con tép bé xíu, vậy mà phơi nắng suốt từ trưa tận chiều cũng được non một bát tép.

(Trích Làng quê xanh thắm, Hoàng Ngọc Hà⁽¹⁾, in trong Truyện ngắn của các nhà văn nữ Việt Nam, NXB Giáo dục, 2003,

tr.294) **Chú thích:**

Hoàng Ngọc Hà là nhà thơ, nhà báo có nhiều đóng góp cho nền văn học Việt Nam. Ông sinh năm 1950 tại Quảng Trị, hiện sống ở Thành phố Hồ Chí Minh. Hoàng Ngọc Hà viết nhiều thể loại nhưng thành công nhất vẫn là truyện ngắn và bút ký.

Câu 2. (4.0 điểm)

Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) bàn về vấn đề: Tuổi trẻ và sự nỗ lực hết mình.

Hết

(Học sinh không được sử dụng tài liệu. Giám thị không giải thích gì thêm)

HƯỚNG DẪN VÀ THANG ĐIỂM CHẤM BÀI NGŨ VĂN

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
	ĐỌC HIỂU		4.0
	1	<p>Chủ thể trần thuật: Liệt sĩ, bác sĩ Đặng Thùy Trâm/ Đặng Thùy Trâm.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>+ HS trả lời như đáp án: 0.5 điểm</p> <p>+ HS trả lời sai hoặc không trả lời: không cho điểm.</p>	0.5

I	2	<p>Yếu tố miêu tả trong đoạn trích:</p> <p>+ Nắng đầu thu tươi vàng óng ả tràn ngập cả khu rừng</p> <p>+ Đứa em tinh nghịch có mái tóc mềm kẹp bông lên cao +</p> <p>Đứa em thân thiết có đôi mắt long lanh dưới hàng mi dài</p> <p>(...)</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>+ HS trả lời 2 yếu tố trở lên như đáp án: 0.5 điểm</p> <p>+ HS trả lời 1 yếu tố như đáp án: 0.25 điểm</p> <p>+ HS trả lời sai hoặc không trả lời: không cho điểm.</p>	0.5
	3	<p>- Biện pháp tu từ:</p> <p>+ Điệp từ: nhớ...</p> <p>+ Liệt kê: người bạn hiền lành, kín đáo; đứa em gái tinh nghịch; đứa em trai miền Nam trước khi đi học; đứa em thân thiết với đôi mắt long lanh; người thân yêu đã vĩnh viễn yên nghỉ. - Tác dụng:</p> <p>+ giúp diễn đạt sinh động, hấp dẫn; tạo nhịp điệu, tạo sự liên kết giữa các câu; giúp hình dung cụ thể nổi nhớ của chủ thể trần thuật.</p> <p>+ làm nổi bật nỗi nhớ thương da diết, sự gắn bó sâu nặng của chủ thể trần thuật với những người bạn, người đồng đội thân yêu. Hướng dẫn chấm:</p> <p>+ Điệp (gọi tên và chỉ ra từ ngữ): 0.25điểm</p> <p>+ Liệt kê (gọi tên và chỉ ra từ ngữ): 0.25điểm</p> <p>+ Nêu tác dụng về mặt hình thức (0.25đ), tác dụng về mặt nội dung (0.25đ) + HS trả lời sai hoặc không trả lời: không cho điểm.</p>	1.0
	4	<p>Nội dung/Ý nghĩa câu nói: “Người cộng sản rất yêu cuộc sống nhưng khi cần vẫn có thể nhẹ nhàng mà chết được”.</p> <p>- Người cộng sản có tình yêu tha thiết đối với cuộc sống; tinh thần dũng cảm, sẵn sàng hy sinh vì lý tưởng cao đẹp; họ đón nhận cái chết một cách nhẹ nhàng, đầy tự hào.</p> <p>- Câu nói gợi mở bài học sâu sắc về giá trị sống: sống có lý tưởng, cống hiến hết mình cho cộng đồng. Hướng dẫn chấm:</p> <p>+ Học sinh trả lời như đáp án: 1.0 điểm</p> <p>+ Học sinh trả lời ý 1 như đáp án: 0.75 điểm</p> <p>+ Học sinh trả lời ý 2 như đáp án: 0.25 điểm</p> <p>+ Học sinh trả lời sai hoặc không trả lời: không cho điểm.</p> <p>(Lưu ý: Học sinh có thể diễn đạt bằng nhiều cách khác nhau miễn là phù hợp).</p>	1.0
	5	<p>- Thông điệp: HS có thể nêu những thông điệp khác nhau miễn là phù hợp với nội dung văn bản.</p>	1.0
		<p><u>Gợi ý:</u></p> <p>+ Tuổi trẻ cần có lý tưởng sống cao đẹp.</p> <p>+ Tinh thần cống hiến</p> <p>(...)</p> <p>- Lí giải.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>+ Học sinh nêu thông điệp phù hợp: 0.5 điểm.</p> <p>+ Học sinh có lý giải phù hợp về thông điệp: 0.5 điểm.</p>	
	VIẾT		6.0
		Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) làm rõ một số điểm nổi bật trong nghệ thuật kể chuyện trong đoạn trích Làng quê xanh thắm của tác giả Hoàng Ngọc Hà.	2.0

II	1	a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn: Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng đoạn văn (khoảng 200 chữ).	0.25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: một số điểm nổi bật về nghệ thuật kể chuyện.	0.25
		c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp làm rõ vấn đề cần nghị luận * Xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận, sau đây là một số gợi ý: - Mở đoạn: Giới thiệu được tên tác phẩm, tác giả và nội dung cần nghị luận về đoạn trích. - Thân đoạn: Tập trung vào một số điểm nổi bật trong nghệ thuật kể chuyện của tác giả. + Đoạn trích chủ yếu tập trung kể về chuyến thăm lại quê nhà sau ba mươi năm xa quê của nhân vật “tôi”. + Chọn ngôi kể thứ nhất cho người kể chuyện, nhà văn đã để nhân vật “tôi” có cơ hội tự bộc lộ những suy nghĩ, cảm nhận, tâm trạng của mình một cách chân thật, tự nhiên. Người đọc có thể nhận ra rất nhiều trạng thái cảm xúc qua lời anh kể: bàng hoàng, tiếc nuối, hăng hực, xót xa khi cây đa – một hình ảnh vốn gắn bó thân thiết với ngôi làng, với tuổi thơ trong sáng, êm đềm và bao kỉ niệm của tuổi thơ đã bị triệt hạ từ bao giờ mà anh không hề nghe nói đến. + Giọng kể nhẹ nhàng mà da diết buồn, khi thăng thốt trước những mất mát, đổi thay, lúc lại miên man lặng chìm trong những hồi ức trong trẻo, xa xăm,... + Ngôn ngữ kể chuyện giản dị tự nhiên, giàu cảm xúc, giàu hình ảnh, giàu sức gợi với rất nhiều từ láy: nhẽ nhại, lim dim, khoan khoái, chói chang, nhấp nháy, rì rào, nhẹ nhẹ..... nhiều hình ảnh của làng quê: cây đa, cánh đồng, lũ trẻ cất te cất tép,... khiến kí ức ủa về, sống dậy như những thước phim quay chậm làm cho tôi càng thêm nôn nao tiếc nuối và buồn da diết,.... - Kết đoạn: Khẳng định lại vấn đề. - Sắp xếp được hệ thống ý hợp lí theo đặc điểm bố cục của đoạn văn. Hướng dẫn chấm: + HS phân tích được từ 3 đặc điểm trở lên phù hợp: 1.0 điểm. + HS phân tích được 2 đặc điểm phù hợp: 0.5 điểm. + HS phân tích được 1 đặc điểm phù hợp: 0.25 điểm.	1.0
		d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau: - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề cần nghị luận: một số điểm nổi bật trong nghệ thuật kể chuyện của tác giả - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý. Lập luận chặt chẽ, thuyết phục; lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng. - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.	0.25
		e. Sáng tạo Bài viết có giọng điệu riêng; cách diễn đạt sáng tạo, văn phong trôi chảy.	0.25

		Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) bàn về vấn đề: Tuổi trẻ và sự nỗ lực hết mình.	4.0
		a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của bài văn: Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng bài văn (khoảng 600 chữ).	0.5
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Tuổi trẻ và sự nỗ lực hết mình.	0.5
		c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận: * Xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận, sau đây là một số gợi ý:	

	2	<p>1. Mở bài: Dẫn dắt và giới thiệu vấn đề: Tuổi trẻ và sự nỗ lực hết mình, khẳng định tuổi trẻ cần biết sống nỗ lực.</p> <p>2. Thân bài</p> <p>- Giải thích: “nỗ lực hết mình” là sự cố gắng hết sức, kiên trì tới cùng để vượt qua khó khăn, thử thách và hoàn thành mục tiêu bản thân đặt ra.</p> <p>+ Tuổi trẻ và sự nỗ lực hết mình: Tuổi trẻ là giai đoạn đẹp nhất của đời người, khi con người có sức khỏe, nhiệt huyết và khả năng sáng tạo. Sự nỗ lực hết mình giúp tuổi trẻ phát huy hết tiềm năng để tạo dựng nền tảng cho tương lai. - Biểu hiện của sự nỗ lực hết mình:</p> <p>+ Người trẻ không ngừng học hỏi và cải thiện bản thân.</p> <p>+ Kiên trì vượt qua khó khăn và thất bại.</p> <p>+ Luôn có mục tiêu rõ ràng và làm việc không ngừng nghỉ để đạt được mục tiêu đó.</p> <p>(...)</p> <p>- Phân tích và chứng minh tầm quan trọng của sự nỗ lực hết mình:</p> <p>+ Đối với cá nhân: Giúp tuổi trẻ chinh phục được những mục tiêu, khẳng định giá trị bản thân, và là nền tảng cho sự thành công...</p> <p>+ Đối với xã hội: sự nỗ lực hết mình của tuổi trẻ giúp truyền cảm hứng, lan tỏa thái độ sống tích cực; góp phần thúc đẩy sự phát triển của xã hội...</p> <p>+ Dẫn chứng: Hs lấy dẫn chứng phù hợp</p> <p>- Phản đề:</p> <p>+ Một bộ phận người trẻ thụ động, ỷ lại, dựa dẫm vào người khác.</p> <p>+ Một bộ phận lại đặt mục tiêu quá cao, không phù hợp với năng lực, hoàn cảnh và ép bản thân phải nỗ lực không ngừng. Điều đó dễ khiến con người rơi vào tình trạng căng thẳng và mệt mỏi... - Đề xuất giải pháp:</p> <p>+ Không ngừng trau dồi, tích lũy kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm sống cho bản thân. Điều đó giúp củng cố niềm tin, cố gắng nỗ lực để tạo dựng tương lai.</p> <p>+ Xác định mục tiêu cụ thể, rõ ràng, có thể đo lường được. Điều đó giúp con người có động lực để cố gắng, bứt phá mọi giới hạn.</p> <p>+ Lập kế hoạch chi tiết giúp tạo định hướng và tổ chức công việc hợp lý, hiệu quả, giảm căng thẳng, áp lực.</p> <p>(...)</p> <p>- Bài học: Nỗ lực hết mình không chỉ là yếu tố cần thiết để đạt được thành công mà còn là động lực thúc đẩy người trẻ vươn lên và khẳng định giá trị bản thân. Đây là yếu tố mà bất kỳ ai, đặc biệt là tuổi trẻ, đều cần ghi nhớ và thực hiện trong hành trình trưởng thành, xây dựng tương lai.</p> <p>3. Kết bài</p> <p>- Khẳng định lại ý nghĩa của sự nỗ lực hết mình của tuổi trẻ: Nỗ lực hết mình là yếu tố đóng vai trò quan trọng trong sự trưởng thành của tuổi trẻ. Đó là chìa khóa mở ra cánh cửa thành công.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- HS trình bày vấn đề đầy đủ, sâu sắc. Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; dẫn chứng tiêu biểu, phù hợp. (3.25 - 4.0 điểm).</p> <p>- HS trình bày vấn đề đầy đủ nhưng chưa sâu sắc. Lập luận chưa thật chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, nhưng không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không tiêu biểu (2.0 - 3.0 điểm).</p>	1.5
		<p>- HS trình bày vấn đề chung chung, sơ sài. Lập luận không chặt chẽ, thiếu thuyết phục: lí lẽ không xác đáng, không liên quan mật thiết đến vấn đề nghị luận, không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không phù hợp (0.25 - 1.75 điểm). - Học sinh không</p>	

	viết bài: không cho điểm. Lưu ý: Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	
	d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau: - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý. Hướng dẫn chấm: - Đáp ứng được 2 yêu cầu: 0.5 điểm - Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0.25 điểm.	0.5
	e. Diễn đạt: Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn, bài văn. Hướng dẫn chấm: Không cho điểm nếu bài làm mắc quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp	0.5
	f. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. Hướng dẫn chấm: - Đáp ứng được 2 yêu cầu: 0.5 điểm. - Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0.25 điểm.	0.5
TỔNG		10.0

PHÁT TRIỂN TỪ ĐỀ MINH HỌA

ĐỀ 26

ĐỀ ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT 2025

MÔN: NGỮ VĂN

Thời gian: 90 phút

I. PHÂN ĐỌC HIỂU (4.0 điểm)**Đọc văn bản sau:**

Nụ cười là phương thuốc quý giá nhất. Từ lâu các nhà nghiên cứu đã chứng minh được rằng khi chúng ta cười, bộ não sẽ tiết ra chất endorphins có tác dụng làm giảm cơn đau, tăng cường sự lan lợi, hoạt bát, đồng thời mang đến cho chúng ta cảm giác phấn khởi và vui vẻ.

Cuộc sống ngày nay của chúng ta phải đối mặt với rất nhiều thử thách, từ khó khăn kinh tế cho đến xung đột sắc tộc, khủng bố; từ ô nhiễm môi trường đến dịch bệnh. Vì thế, chúng ta rất cần tiếng cười để tâm hồn được thanh thản, tinh thần được thư thái và giảm bớt áp lực từ những toan tính đời thường.

Bạn có thể vượt qua những khúc quanh của cuộc đời mình dễ dàng hơn bằng cách mỉm cười với chúng. Không những thế, bạn hãy mỉm cười với chính mình và với mọi người. Khi bạn biết mang nụ cười đến những người chung quanh, có nghĩa là bạn đã mang niềm tin đến cuộc sống của họ. Nhờ đó, chúng ta đều cảm thấy được chia sẻ, được động viên và khích lệ.

(Theo *Lắng nghe điều bình thường*, Nhiều tác giả, NXB Trẻ, 2004)

Thực hiện các yêu cầu:**Câu 1 (0.5 điểm).** Nêu hai thao tác lập luận trong văn bản trên.**Câu 2 (0.5 điểm).** Chỉ ra các luận điểm chính trong văn bản.**Câu 3 (1.0 điểm).** Anh/chị hiểu thế nào về quan điểm của tác giả qua câu văn: *Khi bạn biết mang nụ cười đến những người chung quanh có nghĩa là bạn đã mang niềm tin đến cuộc sống của họ?***Câu 4 (1.0 điểm).** Chỉ ra và nêu hiệu quả của việc sử dụng các câu khẳng định trong văn bản trên.**Câu 5 (1.0 điểm).** Anh/chị có đồng tình với quan niệm của tác giả được thể hiện qua câu văn: *Cuộc sống ngày nay của chúng ta phải đối mặt với rất nhiều thử thách (...). Vì thế chúng ta rất cần tiếng cười để tâm hồn được thanh thản tinh thần được thư thái và giảm bớt áp lực từ những toan tính đời thường?* Vì sao? **II.****PHẦN VIẾT (6.0 điểm)****Câu 1. (2.0 điểm)**

Viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) về tuổi trẻ và việc ứng xử tích cực khi đối mặt với khó khăn trong cuộc sống.

Câu 2. (4.0 điểm)

So sánh hình ảnh người mẹ trong hai bài thơ sau:

<p>LỜI RU CỦA MẸ (Xuân Quỳnh)</p> <p><i>Lời ru ản nơi nào</i></p> <p><i>Giữa mệnh mang trời đất</i></p> <p><i>Khi con vừa ra đời</i></p> <p><i>Lời ru về mẹ hát</i></p> <p><i>Lúc con nằm ảm ảp</i></p> <p><i>Lời ru là tấm chắn</i></p> <p><i>Trong giấc ngủ ảm đêm</i></p> <p><i>Lời ru thành giấc mộng</i></p> <p><i>Khi con vừa tỉnh giấc</i></p> <p><i>Thì lời ru đi chơi Và khi</i></p> <p><i>con đến lớp</i></p> <p><i>Lời ru ở cổng trường</i></p> <p><i>Lời ru thành ngon cỏ</i></p> <p><i>Đón bước bàn chân con</i></p> <p><i>Mai rồi con lớn khôn</i></p> <p><i>Trên đường xa nắng gắt</i></p>	<p>MÙA THU VÀ MẸ (Lương Đình Khoa)</p> <p><i>Mẹ gom lại từng trái chín trong vườn Rồi</i> <i>rong ruổi trên nẻo đường lặg lẽ Ôi, những</i> <i>trái na, hồng, ổi, thị.... Có ngọt ngào năm</i> <i>tháng mẹ chấtt chiu.</i></p> <p><i>Con nghe mùa thu vọng về những thương yêu</i> <i>Giọt mồ hôi rơi trong chiều của mẹ Nắg</i> <i>mong manh đậu bên thật khề Đói vai gầy</i> <i>ngiênng nghiêng!</i></p> <p><i>Heo may thổi xao xác trong đêm Không gian</i> <i>lặg im...</i></p>
<p><i>Lời ru là bóng mát</i></p> <p><i>Lúc con lên núi thăm</i></p> <p><i>Lời ru cũng gặp ghềnh</i></p> <p><i>Khi con ra biển rộng</i></p> <p><i>Lời ru xuống ruộng khoai</i></p> <p><i>Ra bờ ao rau muống</i></p> <p><i>Lời ru thành mệnh mông</i></p> <p>(Dẫn theo https://www.thivien.net)</p>	<p><i>Con chẳng thể chộp mất</i></p> <p><i>Mẹ trở mình trong tiếng ho thao thức</i> <i>Sương vô tình đậu trên mắt rưng rưng!</i></p> <p>(Dẫn theo https://www.thivien.net)</p>

----- Hết -----

(Học sinh không được sử dụng tài liệu. Giám thị không giải thích gì thêm)

Chú thích: - **Xuân Quỳnh** là nhà thơ nữ được nhiều bạn trẻ yêu thích. Bà mồ côi cha mẹ từ sớm và ở cùng với bà nội. Thơ Xuân Quỳnh thường viết về những tình cảm gần gũi, bình dị trong đời sống gia đình và cuộc sống thường ngày. Bài thơ “Lời ru của mẹ” là bài thơ nằm trong mạch nguồn những bài thơ viết về tình cảm gần gũi, yêu thương ấy.

- **Lương Đình Khoa**, một nhà thơ hiện đại với phong cách sáng tác đậm chất trữ tình, đã để lại dấu ấn sâu sắc trong lòng độc giả qua những bài thơ gần gũi và đầy cảm xúc. Trong số đó, "Mùa thu và mẹ" là một tác phẩm tiêu biểu, kết hợp giữa hình ảnh mùa thu và tình mẫu tử, thể hiện tình yêu thương sâu sắc mà tác giả dành cho mẹ. Bài thơ không chỉ là một bức tranh thơ mộng về mùa thu mà còn là lời tri ân đầy xúc động đối với người mẹ kính yêu

HƯỚNG DẪN VÀ THANG ĐIỂM CHẤM BÀI NGŨ VĂN

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I	ĐỌC HIỂU		
	1	Hai thao tác lập luận trong văn bản là: phân tích và chứng minh. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án: 0.5 điểm - Học sinh trả lời sai hoặc không trả lời: không cho điểm	0.5
	2	Các luận điểm chính trong văn bản: - Nụ cười là phương thuốc quý giá nhất, giúp giảm đau, tăng sự lanh lợi, hoạt bát, và mang lại niềm vui. - Trong cuộc sống đầy thử thách hiện nay, tiếng cười rất cần thiết để giúp tâm hồn thanh thản, tinh thần thư thái và giảm bớt áp lực. Hướng dẫn chấm: - Trả lời 1 ý đúng như đáp án: 0.25 điểm - Trả lời 2 ý đúng như đáp án: 0.5 điểm	0.5
	3	Câu văn này thể hiện quan điểm của tác giả rằng nụ cười không chỉ là biểu hiện của niềm vui cá nhân mà còn có sức mạnh lan tỏa niềm tin và sự lạc quan đến những người xung quanh. Khi chúng ta cười với người khác, chúng ta truyền tải một thông điệp tích cực, mang lại hy vọng và niềm tin vào cuộc sống cho họ. Điều này góp phần xây dựng một môi trường sống và làm việc tích cực, giúp mọi người cảm thấy được chia sẻ và động viên. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trình bày được quan điểm: 0.5 điểm - Học sinh giải thích được lí do: 0.5 điểm (HS có cách diễn đạt tương đương vẫn cho điểm tối đa)	1.0
	4	- Một số câu văn mang ý khẳng định: + <i>Nụ cười là phương thuốc quý giá nhất.</i> + <i>Chúng ta rất cần tiếng cười để tâm hồn được thanh thản, tinh thần được thư thái và giảm bớt áp lực từ những toan tính đời thường.</i>	1.0

		- Hiệu quả của việc sử dụng câu khẳng định: + Về nội dung: Việc sử dụng câu khẳng định giúp tác giả nhấn mạnh quan điểm, làm cho thông điệp được truyền tải rõ ràng và dễ dàng thuyết phục người đọc. Câu khẳng định "Nụ cười là phương thuốc quý giá nhất" khẳng định một chân lý phổ biến, tạo ra	
--	--	---	--

		<p>ấn tượng mạnh mẽ và mở đầu cho các lý lẽ tiếp theo. Câu khẳng định thứ hai nhấn mạnh tầm quan trọng của tiếng cười trong cuộc sống hiện đại, giúp người đọc nhận ra giá trị của nụ cười trong việc giải tỏa căng thẳng và duy trì trạng thái tinh thần tích cực. + Về nghệ thuật: Cả hai câu khẳng định đều góp phần làm nổi bật nội dung chính của văn bản và tăng tính thuyết phục.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh nêu được ít nhất 2 luận điểm: 0.5 điểm - Học sinh nêu được hiệu quả về nội dung và nghệ thuật: 0.5 điểm 	
5		<p>Học sinh có thể đồng tình, không đồng tình hoặc đồng tình một phần. Có sự lí giải phù hợp.</p> <p>+ Nếu đồng tình: Tôi đồng tình với quan niệm của tác giả. Trong bối cảnh cuộc sống hiện đại với nhiều áp lực từ công việc, xã hội, và các mối quan hệ, tiếng cười có vai trò quan trọng trong việc giải tỏa căng thẳng và giúp con người tìm thấy sự cân bằng về mặt tinh thần. Tiếng cười không chỉ mang lại niềm vui, mà còn có tác dụng chữa lành, giúp chúng ta đối mặt với khó khăn một cách nhẹ nhàng hơn.</p> <p>+ Nếu Không đồng tình: Tiếng cười không phải là giải pháp duy nhất và tuyệt đối cho tất cả các vấn đề trong cuộc sống. Mỗi cá nhân có thể cần phải tìm thêm các phương pháp khác như thiền, thể thao, hoặc giải trí để đạt được trạng thái tinh thần thư thái. + Nếu đồng tình một phần: kết hợp cả hai cách trả lời trên.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh bày tỏ ý kiến: 0.25 điểm - Học sinh lí giải thuyết phục: 0.75 điểm <p>(HS có cách thể hiện đạt theo nhiều cách khác nhau miễn là phù hợp)</p>	1.0
II	VIẾT		6.0
	1	Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) về tuổi trẻ và việc ứng xử tích cực khi đối mặt với khó khăn trong cuộc sống.	2.0
		<p>a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn: Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành</p>	0.25
		<p>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: ý nghĩa của việc ứng xử tích cực khi đối mặt với khó khăn trong cuộc sống.</p>	0.25
		<p>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận: * Xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận, sau đây là một số gợi ý: - Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm của cá nhân về vấn đề: ý nghĩa của việc ứng xử tích cực khi đối mặt với khó khăn trong cuộc sống:</p> <p>- Thể hiện quan điểm của người viết về ý nghĩa của việc ứng xử tích cực khi đối mặt với khó khăn trong cuộc sống. Có thể theo một số gợi ý sau: + Mở đoạn: giới thiệu vấn đề nghị luận, bày tỏ quan điểm cá nhân.</p> <p>+ Thân đoạn: kết hợp giữa lí lẽ dẫn chứng; sử dụng kết hợp các thao tác lập luận để làm sáng tỏ vấn đề nghị luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Giải thích: Ứng xử tích cực khi đối mặt với khó khăn là cách phản ứng và xử lý tình huống một cách lạc quan, chủ động và hiệu quả. 	1.0

		<ul style="list-style-type: none"> Ý nghĩa: Ứng xử tích cực khi đối mặt với khó khăn không chỉ giúp tuổi trẻ giải quyết vấn đề một cách hiệu quả mà còn giúp phát triển nhân cách và khả năng tư duy: khi gặp khó khăn, người có thái độ tích cực không coi đó là trở ngại, mà là cơ hội để học hỏi và trưởng thành; không chùn bước, không đổ lỗi cho hoàn cảnh, mà luôn tìm cách vượt qua bằng niềm tin và ý chí kiên cường; giúp tuổi trẻ không chỉ đạt được mục tiêu mà còn tạo nên những giá trị tích cực cho bản thân và xã hội, <p>+ Kết đoạn: khẳng định vai trò, ý nghĩa của vấn đề nghị luận: ứng xử tích cực đối với tuổi trẻ là chìa khóa mở ra những cánh cửa cơ hội, là sức mạnh vô hình giúp ta vượt qua mọi nghịch cảnh để vươn tới những thành công rực rỡ.</p>	
--	--	---	--

		* Sắp xếp được hệ thống ý hợp lí theo đặc điểm bố cục của đoạn văn.	
		d. Diễn đạt: Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.	0.25
		e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ	0.25
	2	Viết bài văn nghị luận (600 chữ) so sánh hai bài thơ Lời ru của mẹ (Xuân Quỳnh) và Mùa thu và mẹ (Lương Đình Khoa).	4.0
		a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài Xác định được yêu cầu của kiểu bài: nghị luận văn học	0.25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: So sánh hai bài thơ Lời ru của mẹ (Xuân Quỳnh) và Mùa thu và mẹ (Lương Đình Khoa).	0.25

c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề cần nghị luận:

- Xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận, sau đây là một số gợi ý:

1. Mở bài:

Dẫn dắt và giới thiệu vấn đề nghị luận: hai tác phẩm *Lời ru của mẹ* của nữ sĩ Xuân Quỳnh và *Mẹ và mùa thu* của Lương Đình Khoa là những vần thơ hay viết về “người phụ nữ đẹp nhất” trong cuộc đời mỗi người, mang nhiều giá trị.

2. Thân bài:

* Khái quát về nét chung của hai tác phẩm: hoàn cảnh ra đời, đề tài, chủ đề, vị trí của tác phẩm trong đời sống văn học...)

* Những điểm tương đồng, gặp gỡ giữa hai tác phẩm thơ

- Hai thi sĩ đều lấy cảm hứng và nhân vật trữ tình trung tâm là người mẹ - một người thân thuộc, một người thiêng liêng, một người đã trở thành cảm hứng của biết bao tác phẩm văn học.

+ “Lời ru của mẹ” của nữ sĩ Xuân Quỳnh nằm trong mạch nguồn cảm xúc chung ấy, song đã để lại một dấu ấn khó quên trong lòng bạn đọc suốt mấy chục năm qua nhờ vào cảm xúc tự nhiên, chân thành bằng một tứ thơ thật độc đáo.

+ Lương Đình Khoa đã khéo léo vẽ nên những hình ảnh đặc trưng của mùa thu như lá vàng rơi, gió heo may, trời xanh trong. Người mẹ trong bài thơ hiện lên qua những kỷ niệm của tác giả về tuổi thơ, về những lần mẹ chăm sóc, yêu thương. Những công việc thường nhật của mẹ được tái hiện.

- Bên cạnh đó, sự giao cảm của cả hai nhà thơ là họ đều chọn thể thơ hiện đại (5 chữ và thơ tự do), nhịp ngắt thơ linh hoạt, ngôn ngữ, hình ảnh giản dị, sử dụng có hiệu quả những biện pháp tu từ tiêu biểu như so sánh,... * Những điểm khác biệt giữa hai tác phẩm thơ - Về nội dung:

Hình ảnh trung tâm đồng hành trong suốt mạch nguồn cảm xúc của người mẹ đó là lời ru và mùa thu.

+ Nhà thơ Xuân Quỳnh đã chọn hình ảnh lời ru thật giản dị và đơn sơ như chính con người và phong cách thơ của bà.

+ Lương Đình Khoa lại chọn một hình ảnh đặc trưng của vùng đồng Bắc Bộ đó là hình ảnh mùa thu để cùng người mẹ lớn lên trong suốt hành trình trưởng thành của con - Bên cạnh sự khác nhau về nội dung, những tác phẩm trên còn có sự khác nhau về nghệ thuật.

- Về hình thức:

+ Bài thơ “Lời ru của mẹ” là một bài thơ dài, không chia khổ như những lời ru của mẹ vẫn cứ miệt mài, kéo dài và theo người con mãi cả một đời, mạch cảm xúc của bài thơ cứ thế mà chảy trôi như một dòng sữa mát lành tưới tắm bao tâm hồn, để họ lớn lên và trưởng thành.

+ Nhưng bài thơ “Mùa thu và mẹ” lại chia làm ba khổ thơ gắn liền với những hành động và công việc của mẹ; mỗi khổ thơ như một bức ảnh tác giả chụp vội nhưng sâu sắc về công việc hàng ngày của mẹ để thấy được mỗi khoảnh khắc đều thiêng liêng và vô giá.

+ Bài thơ “Lời ru của mẹ” được viết theo thể thơ 5 chữ nhẹ nhàng, dịu êm phù hợp với tính cách của Xuân Quỳnh “Nhà thơ của phụ nữ và những trái tim yêu”.

2.5

	<p>+ Bài thơ “Mùa thu của mẹ” lại là những vần thơ tự do linh hoạt, dài ngắn như chính cảm xúc của một người con trai nhưng giàu lòng trắc ẩn: khi thì mạnh mẽ, khi thì cảm thấy nhỏ bé đến nghẹn lời trước sự hy sinh, vất vả và tần tảo của người mẹ.</p> <p>* Lí giải nguyên nhân của sự tương đồng và khác biệt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề tài người mẹ là một đề tài mà rộng lớn, cảm xúc dạt dào để các nhà thơ tìm về. - Tuy gặp nhau ở “giao điểm trái tim người mẹ” nhưng mỗi nhà thơ lại rẽ ra “một con đường riêng” có lẽ vì người mẹ ở trong mỗi nhà thơ lại là một ấn tượng sâu sắc khác nhau. <p>+ Nếu Xuân Quỳnh là một đứa trẻ mồ côi cha mẹ từ nhỏ, sống cùng với bà nội, hơn ai hết bà “thèm thuồng” hơi ấm của tình mẹ. Có lẽ khi ấy trong nhận thức của Xuân Quỳnh, tình mẹ qua những lời ru của những người xung quanh. Viết “Lời ru của mẹ” là một “món quà” mà bất cứ đứa trẻ nào khi sinh ra cũng có nhưng lại rất “đắt giá” vì nó lại quá “xa xỉ” với những người như bà.</p> <p>+ Còn với Lương Đình Khoa có lẽ có phần may mắn hơn khi được sống trong tình yêu thương của mẹ nên ấn tượng về mẹ trong ông lại là những sự chăm sóc, chi chút và vất vả mà mẹ dành cho ông. Viết những vần thơ này như một lời nhắc nhở Lương Đình Khoa về một quá khứ đẹp đẽ bên mẹ và ông muốn “đóng khung” những bức tranh ấy theo mình suốt cuộc đời.</p> <p>* Đánh giá về giá trị và đóng góp của mỗi bài thơ.</p> <p>Dù có tương đồng và những điểm khác biệt nhưng cả hai bài thơ đều sâu lắng, góp vào vườn hoa chung của Văn học Việt Nam những áng thơ hay về mẹ. Sự tương đồng ấy như một lần nữa nhắc nhở về công lao của người mẹ, như một lần nữa tri ân đáng sinh thành của mỗi người. Và cách mỗi nhà thơ khai thác về mẹ ở một vẻ đẹp khác nhau cũng là cách để họ tạo “vân chữ riêng” trên thi đàn văn học.</p> <p style="text-align: center;"><i>Mỗi công dân có một loại vân tay Mỗi nhà thơ có một loại vân chữ</i></p> <p>3. Kết bài:</p> <p style="text-align: center;"><i>“Mỗi câu thơ là một lần lặn vào trang giấy Lặn vào đời rồi lại ngoi lên.”</i></p> <p style="text-align: right;">(Chế Lan Viên)</p> <p>Mỗi tác phẩm ra đời đều là một thành quả nghệ thuật chứa đầy tâm huyết của nhà văn. Hai thi phẩm hay về mẹ của Xuân Quỳnh và Lương Đình Khoa chính là thành quả của những con người được sống trong tình yêu thương, những con người luôn khao khát được yêu thương và yêu thương tất thảy... Chính những khát khao ấy đã khiến cho chúng ta cảm nhận và trân trọng hơn người mẹ của mình, bởi lẽ:</p> <p style="text-align: center;"><i>"Ta đi trọn kiếp con người Cũng không đi hết những lời mẹ ru".</i></p> <p style="text-align: right;">(Ngồi buồn nhớ mẹ ta xưa, Nguyễn Dục).</p>	
	<p><i>d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng. <p><i>Lưu ý: Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp</i></p>	0.5

		với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	
		<i>đ. Diễn đạt</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.	0.25
		<i>e. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận, có cách diễn đạt mới mẻ	0.25
TỔNG			10